

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN ĐẮK U

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ
NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN ĐẮK U

Địa điểm: xã Đắk Ô và xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Bình Phước, tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN ĐẮK U

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ

NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN ĐẮK U

Địa điểm: xã Đắk Ô và xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN ĐẮK U
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thế Sơn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Dương Vương

Bình Phước, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở	5
2.1 Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt của Cơ sở.....	5
3.2 Công nghệ sản xuất của nhà máy	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cấp nước của cơ sở	10
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng	10
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	11
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	11
5. Các thông tin khác liên quan đến Nhà máy	11
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG	20
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	21
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	21
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	22
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	28
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	28
1.2. Biện pháp thu gom, thoát nước thải	28
1.3. Công trình xử lý nước thải:	29
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (không có)	33
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	33
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	34
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	35
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	36
7. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của nhà máy.	43

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	45
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	45
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (không có)	46
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	46
4. Nội dung cấp phép quản lý chất thải	47
4.1. Chất thải rắn sinh hoạt	47
4.2. Chất thải rắn thông thường	47
4.3. Chất thải nguy hại	47
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	49
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	51
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	53
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	54
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:	54
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	54
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	55
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	56
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	56
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	56

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1 Các thông số chính của nhà máy thủy điện Đắk U	6
Bảng 1. 2 Các hạng mục công trình chính của Nhà máy thủy điện Đắk U	7
Bảng 1. 3: Nhu cầu nhiên liệu sử dụng tại Nhà máy thủy điện	11
Bảng 1. 4 Thông kê thiết bị cơ khí thủy lực	12
Bảng 1. 5 Tổng hợp thiết bị điện	15
Bảng 2. 1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước suối	24
Bảng 2. 2. Nồng độ chất ô nhiễm hiện có của nguồn nước suối	25
Bảng 2. 3. Tải lượng chất ô nhiễm hiện có của nguồn nước suối	25
Bảng 2. 4. Nồng độ chất ô nhiễm nước thải tối đa có trong nước thải trước khi xả thải ra nguồn nước suối	26
Bảng 2. 5. Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước suối Đắk U đối với các chất ô nhiễm	27
Bảng 2. 6 Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy	33
Bảng 2. 7 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy	35
Bảng 2. 8 Nội dung điều chỉnh so báo cáo Đánh giá tác động môi trường của nhà máy	44
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của nhà máy thủy điện Đắk U	45

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ minh họa nguyên tắc hoạt động của thủy điện	10
Hình 1. 2 Vị trí nhà máy thủy điện Đắk U	20
Hình 3. 1. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn	30

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC THUỶ ĐIỆN ĐẮK U

- Loại hình cơ sở: Công ty Cổ phần

- Địa chỉ trụ sở chính: thôn Bù Ka, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại: 0986.176.686

- Người đại diện: (Ông) Trần Thế Sơn Chức vụ: Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3801172616 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/05/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/01/2021.

2. Tên cơ sở

NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN ĐẮK U

Địa điểm cơ sở: xã Đăk Ô và xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2.1 Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt của Cơ sở

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 967/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Phước ngày 01/06/2007 về việc ban hành Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk U - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân, tại xã Đăk Ô và xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 128/GP-BTMNT ngày 30/7/2021 do Bộ tài nguyên môi trường cấp cho Dự án.

+ Giấy phép xây dựng số 116/2010/GPXD của Dự án.

2.2 Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Tổng nguồn vốn đầu tư: 60.366.030.000 đồng. (Sáu mươi tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi ngàn đồng), là Dự án nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng (Dự án nhà máy thủy điện dưới 120 tỷ đồng tỷ đồng) theo quy định tại mục I Phần C Phụ lục I kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất

3.1 Quy mô công suất của nhà máy

Vị trí xây dựng:

Công trình thủy điện Đắc U nằm trên suối Đắc U, một nhánh thượng nguồn của Sông Bé thuộc xã Phú Nghĩa - xã Đắc Ô huyện Phước Long tỉnh Bình Phước.

Cấp công trình:

Công trình xây dựng cấp III. (Theo phụ lục số 1 Nghị định 209/2004/ND-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ).

Bảng 1. 1 Các thông số chính của nhà máy thủy điện Đắc U

STT	Thông số- Đặc điểm công trình	Thông số
I	Hồ chứa	
1	Mức nước dâng bình thường MNDBT	232m
2	Mức nước chết MNC	231
3	Mức nước gia cường MNGC (p=1,5%)	234,66m
4	Mức nước kiểm tra MNKT (p=0,5%)	234,24m
5	Dung tích toàn bộ Wtb	0,60x10 ⁶ m ³
6	Dung tích chết Wc	0,35x10 ⁶ m ³
7	Dung tích hữu ích Whi	0,25x10 ⁶ m ³
8	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	0,28Km ²
II	Lưu lượng qua nhà máy	
1	Lưu lượng đảm bảo Qđb	0,07m ³ /s
2	Lưu lượng max qua nhà máy Qmax	4,66m ³ /s
3	Lưu lượng min qua nhà máy Qmin	0,93m ³ /s
III	Cột nước	
r.	Cột nước lớn nhất Hmax	66,27m

2	Cột nước nhỏ nhất Hmin	61,92m
3	Cột nước tính toán Htt	64,14m
IV	Mức nước hạ lưu nhà máy	
1	Mức nước min (ứng với $Q = 0,6.Q_{tk}$)	165m
2	Mức nước max	169,9m
V	Công suất	
1	Công suất lắp máy Nlm	2,4MW
2	Công suất đảm bảo Nđb tần suất $p=80\%$	0,04MW
VI	Điện lượng	
1	Điện lượng trung bình năm Etb	$10,49 \times 10^6 \text{KWh}$
2	Điện lượng mùa khô	$5,55 \times 10^6 \text{KWh}$
3	Điện lượng mùa mưa	$4,94 \times 10^6 \text{KWh}$
4	Điện lượng đảm bảo	$0,33 \times 10^6 \text{KWh}$
5	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	4.371 giờ

Nguồn: Thẩm định thiết kế kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Đắk U

Bảng 1.2 Các hạng mục công trình chính của Nhà máy thủy điện Đắk U

STT	Thông số	Giá trị
I	Tuyến áp lực	
1	<i>Đập chính, kết cấu</i>	<i>Bê tông cốt thép</i>
	Cao trình đỉnh đập	235,00m
	Chiều cao đập lớn nhất Hmax	7,0m
	Chiều dài theo đỉnh đập (kể cả tràn)	78,2m
	Chiều rộng đỉnh đập	5m
2	<i>Công trình xả lũ</i>	

	Số khoang tràn	1
	Chiều rộng khoang tràn	40m
	Cao trình ngưỡng tràn	232m
	Cao trình đáy đập tràn	228m
	Lưu lượng xả max qua tràn (p=1,5%)	284,4m ³ /s
	Cột nước tràn	1,84m
	Tiêu năng kiểu	Bạt thực (tiêu năng mặt)
	Kích thước cổng xả cát (m X m)	1 X 1
II	Tuyến năng lượng	
1	<i>Cửa lấy nước</i>	Bê tông cốt thép
	Cao trình ngưỡng	227,4 m
	Cao trình đỉnh	235m
	Số khoang	1 cửa
	Kích thước (dài x rộng)	1,3m x 1,3m
2	<i>Kênh dẫn (tự điều tiết)</i>	
	Kết cấu gia cố	Bê tông cốt thép
	Lưu lượng thiết kế	4,66m ³ /s
	Bề rộng đáy	2,5m
	Chiều dài	450m
	Mái dốc	1,5
	Độ dốc đáy kênh	0,1%
	Cao trình đáy đầu kênh	229,5m
3	<i>Đường ống áp lực</i>	Thép đường ống gia công

	Số nhánh chính	1
	Đường kính ống	1,3m
	Bề dày thép đường ống	12mm
	Chiều dài	212m
	<i>Đoạn phân nhánh vào tổ máy</i>	
	Số lượng nhánh	3
	Đường kính ống	0,7m
	Bề dày thép đường ống	12mm
	Chiều dài đường ống	30m
4	<i>Nhà máy thủy điện</i>	
	<i>Kết cấu nhà máy có các thông số sau:</i>	
	Chiều dài	38,7m
	Chiều rộng	9,2m
	Chiều cao	10,1m
	<i>Bên trong nhà có các thiết bị chính như sau:</i>	
	Số tổ máy	3
	Công suất đơn vị tổ máy	0,8MW
	Kiểu tổ máy	Francis-trục ngang
	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	4,66m ³ /s
	Cao trình đặt Turbin	167m
	Cao trình sàn gian máy	166,37m
	Cao trình sàn lắp máy	107,5m

5	Thiết bị phân phối lưới 22KV	
	Kiểu hợp bộ trong nhà	01 bộ

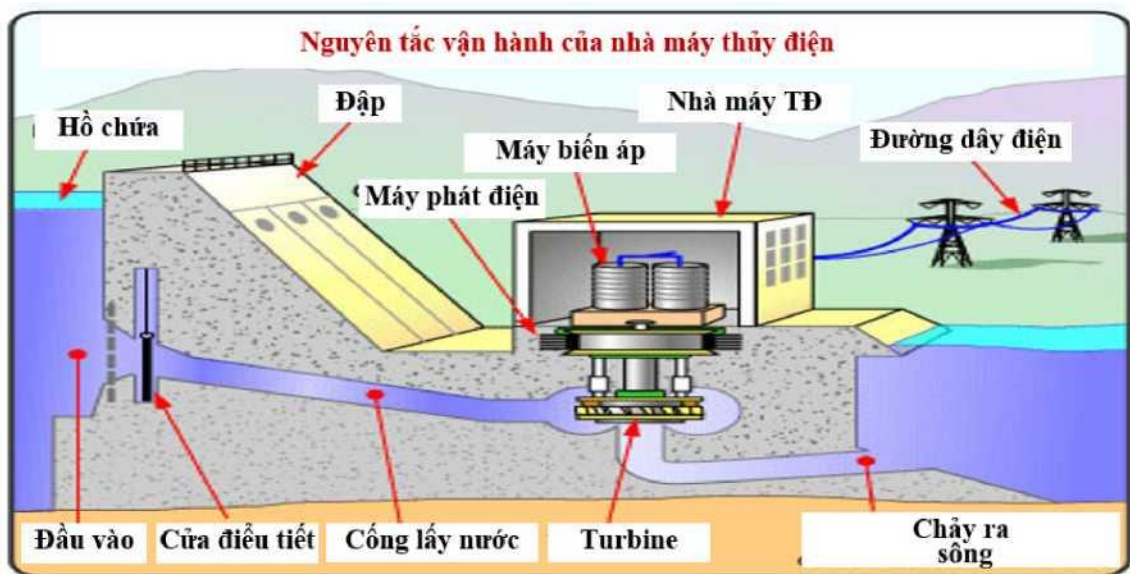
Nguồn: Thẩm định thiết kế kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Đăk U

3.2 Công nghệ sản xuất của nhà máy

Quy trình vận hành phát điện

Quá trình vận hành nhà máy thủy điện gồm có bốn giai đoạn chính:

- (1) Dòng nước với áp lực lớn chảy qua các ống bê tông lớn được gọi là ống dẫn nước có áp tạo ra các cột nước với áp lực lớn đi vào bên trong nhà máy.
- (2) Nước chảy mạnh làm quay tuabin của máy phát điện, năng lượng cơ học được chuyển hóa thành điện năng.
- (3) Điện tạo ra đi qua máy biến áp để tạo ra dòng điện cao thế.
- (4) Dòng điện cao thế sẽ được kết nối vào mạng lưới phân phối điện và truyền về điểm sử dụng.



Hình 1. 1. Sơ đồ minh họa nguyên tắc hoạt động của thủy điện

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cấp nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng

- Nguyên liệu: Nhà máy thủy điện Đăk U sử dụng nguyên liệu là nước từ hồ chứa với dung tích toàn bộ là 6,0 triệu m³ để phục vụ phát điện. Lưu lượng nước lớn nhất qua nhà máy là 4,66 m³/s.

- Nhiên liệu: sử dụng các loại dầu nhớt, dầu diesel, dầu bôi trơn,... các loại để phục vụ cho các hoạt động của máy móc thiết bị trong nhà máy.

Bảng 1. 3: Nhu cầu nhiên liệu sử dụng tại Nhà máy thủy điện

TT	Loại nhiên liệu	ĐVT	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Nhót	Lít/tháng	50	Cây xăng, dầu tại địa phương.
2	Dầu	Lít/tháng	80	

Nguồn: Nhà máy thủy điện Đăk U, năm 2024

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nhu cầu sử dụng điện: Điện năng sử dụng của nhà máy khoảng 43.200 kWh/tháng được dùng cho hoạt động vận hành nhà máy và hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khu vực nhà làm việc.

- Nguồn cung cấp điện: lấy trực tiếp từ nhà máy thủy điện Đăk U

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

- Nhu cầu cấp nước sinh hoạt như sau: theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, chỉ tiêu nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày (tương đương 0,08 m³/người/ngày). Với số lượng cán bộ, công nhân viên là 10 người thì lượng nước cấp sinh hoạt là: 10 người x 0,08 m³/người/ngày = 0,8 m³/ngày đêm.

- Nguồn cung cấp nước sinh hoạt: sử dụng nước từ giếng khoan.

- Lưu lượng khai thác: dưới 10m³/ngày.đêm.

Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất điện năng của dự án:

- Lưu lượng nước lớn nhất qua nhà máy: 4,66 m³/s.

- Lưu lượng nước nhỏ nhất qua nhà máy: 0,93 m³/s

- Lưu lượng đảm bảo: 0,07 m³/s.

- Nguồn cung cấp nước: suối Đăk U

4.4 Nhu cầu xả thải

- Nước thải sinh hoạt = 100% nước cấp cho sinh hoạt = 0,8 m³/ngày đêm

- Nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu) = 2 m³/ngày.đêm (thực tế phát sinh tại nhà máy).

5. Các thông tin khác liên quan đến Nhà máy

5.1 Thiết bị công nghệ của dự án:

Quá trình lựa chọn các thiết bị cơ khí thủy lực của thủy điện Đăk U dựa trên

các thông số thiết kế của công trình.

Các thiết bị cơ khí thủy lực gồm: tua bin, máy phát, máy điều tốc và thiết bị dầu áp lực, van trước tua bin và các hệ thống thiết bị phụ.

a. Thiết bị cơ khí thủy lực :

Công trình thủy điện lắp đặt các thiết bị thủy lực như : Tua bin, máy phát, Máy điều tốc và thiết bị dầu áp lực, Van trước tua bin và các hệ thống thiết bị phụ.

Bảng 1. 4 Thống kê thiết bị cơ khí thủy lực

STT	Tên gọi	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng:	
					Đ.v	T. bộ
I	Thiết bị thủy lực chính					134.40
1	Tua bin thủy lực	Tua bin gáo trục ngang 2 vòi phun Htt = 71,83 m Nt = 0,8 MW nđm =1000 vòng/phút nlồng =1500 vòng/phút ns =20,99 kw - m d = 0,102 m D1 = 0,86 m Qt = 1,45 m³/s ntb = 90,23% Hs = + 2,9 m	Bộ	4	8,3	33,2
2	Máy điều tốc và thiết bị dầu áp lực	Kiểu: điện - thủy lực kỹ thuật số A =1.000 Kgm	Bộ	4	1.1	44
3	Vạn trước tua bin	Van cầu: Do = 600mm	Bộ	4	1.5	6.0
4	Máy phát điện	Đồng bộ 3 pha, trục ngang. Uđm == 0,4 Kv NT = 0,8 MW Cose = 0.8 nđm=1000 vòng/ phút n1 = 1500 vòng/phút n = 94,70% GD² = 3,3T - m²	Bộ	4	8.5	34
5	Cầu trục gian máy	Loại cầu trục 12/5T	Bộ	1	21.5	21.5
6	Khoảng cách tim tổ máy	6.0 m				
7	Chiều rộng gian máy	10.0 m				
II	Hệ thống thiết bị phụ					8.5

STT	Tên gọi	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng:	
					Đ.v	T. bộ
1	Hệ thống cung cấp nước kỹ thuật		Hệ thống	1		
1.1	Thiết bị lọc nước đứng	Q = 30 m ³ /h P = 0.35 Mpa	Cái	3		
1.2	Thiết bị lấy nước	Q = 30 m ³ /h p = 0.35 Mpa	Cái	3		
1.3	Thiết bị đo kiểm tra mức nước	Dy = 10 mm	Bộ			
1.4	Các van khóa và đường ống cấp - thoát nước	Dy = 10-80 mm P= 0.35 Mpa	Bộ	1		
2	Hệ thống nước rò rỉ và tháo khô tổ máy		Hệ thống	1		
2.1	Máy bơm li tâm	Q = 10 m ³ /h H = 20 m	cái	1		
2.2	Máy bơm chìm	Q= 10 m ³ /h H = 20 m	cái	1		
2.3	Thiết bị đo kiểm tra	DY = 15 MM	Bộ	1		
2.4	Các van khóa và đường ống tháo nước	DY=10-40 MM P = 0.35Mpa	Bộ	1		
3	Hệ thống cơ sở dầu tua bin		Hệ thống	1		
3.1	Thùng dầu khô sạch	V = 1.0 m ³ P = 0.35 Mpa	cái	1		
3.2	Thùng dầu vận hành	V = 1.0 m ³ p = 0.35 Mpa	cái	1		
3.3	Thùng dầu di động	V = 1.0 m ³ P = 0.35 Mpa	cái	1		
3.4	Máy bơm dầu	Q = 0.5 m ³ /h P = 0.35 Mpa	cái	1		
3.5	Thiết bị lọc dầu voi máy bơm dầu và máy lọc li tâm	Q = 0.5 m ³ /h P = 0.35 Mpa	cái	1		
3.6	Thiết bị đo kiểm tra mức dầu	Dy = 10mm	Bộ	1		
3.7	Các van khóa và đường ống cấp - thoát dầu	DY =10-40 MM P = 0.35Mpa	Bộ	1		
4	Hệ thống khí nén		Hệ thống	1		
4.1	Máy nén khí áp lực thấp	Q = 0.5 m ³ /phút P= 1.0 Mpa	Cái	1		
4.2	Bình khí nén áp	V = 1.5 m ³	cái	1		

STT	Tên gọi	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng:	
					Đ.v	T. bộ
	lực thấp	P = 1.0 Mpa				
4.3	Thiết bị đo kiểm tra khí nén	DY=10 MM P=1,0Mpa; P=4.5 Mpa	Bộ	1		
4.4	Các van khóa đường ống máy nén	DY= 10-20 MM P= 1.0 Mpa	Bộ	1		
5	Hệ thống thiết bị đo lường các thông số thủy lực		Hệ thống	1		
5.1	Thiết bị đo mực nước thượng lưu, hạ lưu		Bộ	1		
5.2	Thiết bị đo cột nước của trạm thủy điện		Bộ	1		
5.3	Thiết bị đo tổn thất cột nước của lưới chắn rác		Bộ	1		
5.4	Thiết bị đo lưu lượng qua tau bin-		Bộ	2		
6	Hệ thống thông gió và điều hòa không khí		Hệ thống	1		
7	Hệ thống nước cứu hỏa		Hệ thống	1		
8	Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt		Hệ thống	1		
9	Xưởng sửa chữa					
9.1	Máy hàn hồ quang		cái	1		
9.2	Máy khoan bàn		cái	1		
9.3	Máy sấy que hàn		cái	1		
9.4	Bàn nguội		cái	1		
9.5	Máy mài hai đá		cái	1		
9.6	Tủ dụng cụ khác		cái	1		
9.7	Mỏ hàn que công suất 5.0 kw		cái	1		
9.8	Máy khoan sách tay		cái	1		
9.9	Ống mềm dẫn khí		cái	1		
9.10	Quạt li tâm cho xưởng cơ khí		cái	2		

b. Thiết bị cơ khí thủy công:

Thiết bị cơ khí thủy công công trình thủy điện được bố trí:

- Cửa lấy nước tuyến năng lượng gồm có:

+ Lưới chắn rác	1
+ Chi tiết đặt sẵn lưới chắn rác	1
+ Phai sửa chữa	1
+ Chi tiết đặt sẵn phai sửa chữa	1
+ Cửa vận hành	1
+ Chi tiết đặt sẵn cửa vận hành	1
+ Pa lăng xích sức nâng 10T	1
+ Máy vít 3T	1

- Cửa hạ lưu gồm có :

+ Cửa van phẳng trượt (sửa chữa)	2
+ Chi tiết đặt sẵn cửa sửa chữa	2
+ Pa lăng xích 0.5T	1

Tuyến ống áp lực :

- + Van đầu đường ống áp lực, trọng lượng van $G_v = 3.2$ tấn
- + Ống thông khí, có đường kính $D_o = 300$ mm.
- + Khớp nhiệt độ gồm: ống nối, miệng loa, vành nén.
- + Mô đỡ trung gian gồm 3 phần: Vành mố, bộ phận gối đỡ, móng.
- + Cửa kiểm tra có kết cấu miệng và nắp được làm từ thép cán tấm

c. Thiết bị điện

Bảng 1. 5 Tổng hợp thiết bị điện

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Trọng lượng	
					Đ.v	T.B
I	Máy biến áp					
1	Máy biến áp chính 3 pha 2 dây quấn	S _{dm} = 3.000KVA, 22 ± 2 x 2.5%/6.3 KV	Cái	1		
2	Máy biến áp tự dòng kiểu khô	S _{dm} = 100 KVA, 6.3 ± 2 X 2.5%/0.4 KV	Cái	1		
II	Thiết bị phân phối 22 KVA					
1	Máy cắt điện 3 pha	22Kv-200A	Bộ	1		
2	Dao cách ly 3 pha có 2 lưỡi tiếp đất	22Kv - 200A	Bộ	2		

3	Dao cách ly 3 pha có 1 lưỡi tiếp đất	22Kv - 200A	Bộ	3		
4	Chống sét van	22KV	Bộ	2		
5	Máy biến điện áp	22/3 ^{1/2} ; 0.1/3 ^{1/2} ; 0.1/3 ^{1/2} , 0.1/3 ^{1/2} KV	Bộ	1		
6	Máy biến điện áp	22/3 ^{1/2} ; 0.1/3 ^{1/2} ; 0.1/3 KV	Bộ	1		
7	Máy biến dòng điện	22KV-75/5/5/5/5 A	Bộ	2		
8	Máy biến dòng điện	22KV - 75 150/5/5/5/5A	Bộ	1		
9	Chuỗi sứ có 5 bát	C70 hặc U - 70CS	Chuỗi	9		
10	Dây dẫn	AC - 95	km	0,15		
11	Phụ kiện đầu dây	Cho dây AC	Lô	1		
12	Bê tông cốt thép	M200	Lô			
13	Kết cấu kim loại trạm 22KV	CT3	HT	1		
III	Thiết bị phân phối điện áp máy phát					
	Hệ thống tủ phân phối trọn bộ 6.3KV kèm thiết bị* - Cho máy phát điện - Cho mạch máy biến áp chính. - Cho thiết bị đầu ra máy phát điện (dao cách ly, dao nối đất, máy biến dòng, máy biến điện áp, chống sét ván) - Cho thiết bị đầu vào máy biến áp tự dòng (cầu dao, cầu chì) và máy biến áp kích từ	6.3 KV - 630 A	HT	2		
IV Thiết bị điều khiển đo lường bảo vệ role và tự dừng điện						
1	Dây tủ tự dừng xoay chiều	400VAC, 300A	HT	1		

2	Dây tủ tự dùng 220 VDC	220VDC	HT	1		
3	Ắc quy axit chì loại kín + thiết bị nạp và phụ nạp ắc quy	220VDC ~ 200Ah	HT	1		
4	Dây tủ điều khiển tại chỗ tủ máy		HT	2		
5	Hệ thống máy tính, tủ điều khiển, BVRL..v..v.. tại phòng điều khiển trung tâm		HT	1		
6	Các tủ điều khiển tại chỗ hệ thống thiết bị phụ, tự dùng		HT	1		
7	Thiết bị chiếu sáng bao gồm tủ treo tường, các loại đèn và thiết bị đóng cắt.		HT	1		
8	Hệ thống nối đất: thép dẹt và thép hình các loại		HT	1		
V	Cáp lực 12KV và cáp kiểm tra các loại	Ruột đồng, cách điện XLPE có vỏ bọc chống cháy	HT	1		
VI	Hệ thống thông tin liên lạc					
	Thông tin liên lạc trong và ngoài máy		HT			
VII Hệ thống chiếu sáng						
	Tủ chiếu sáng trung tâm các áp tổ mát và công tắc đóng cắt, dây dẫn các loại, các hộp đầu dây, các bảng điện và các phụ kiện đi kèm.		HT	1		
VIII Hệ thống báo cháy địa chỉ						
	Tủ báo cháy địa chỉ trung tâm,		HT	1		

	nguồn cấp, máy in, đầu báo các loại, thiết bị vật tư và phụ kiện khác					
IX Hệ thống nối đất và chống sét						
	Hệ thống các dây nối đất, các kim thu sét, các chi tiết đặt sẵn, các phụ kiện					

5.2 Thông tin về vị trí nhà máy:

a. Vị trí địa lý:

Nhà máy thủy điện Đắc U đặt ở gần hạ lưu suối Đắc U. Về mặt hành chính, dự án thuộc địa phận xã Đắc O và xã Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Toạ độ địa lý trên bản đồ như sau:

11°46'40" đến 11°55'00" Vĩ độ Bắc
107°12'40" đến 107°23'23" Kinh độ Đông

b. Các đối tượng tự nhiên:

Các đặc trưng của lưu vực: Các thông số đặc trưng cho lưu vực, hệ thống sông suối chính và nhánh đến tuyến đập xây dựng công trình được xác định theo bản đồ tỷ lệ 1:25.000 và tham khảo bản đồ 1:50.000. Đặc trưng cơ bản của lưu vực như sau:

- Diện tích lưu vực tính đến công trình : 60km²
- Chiều dài suối chính : 11,50km
- Tổng chiều dài suối nhánh : 31,63km
- Độ dốc sườn dốc : 60,0%
- Độ dốc lòng sông : 1,5%

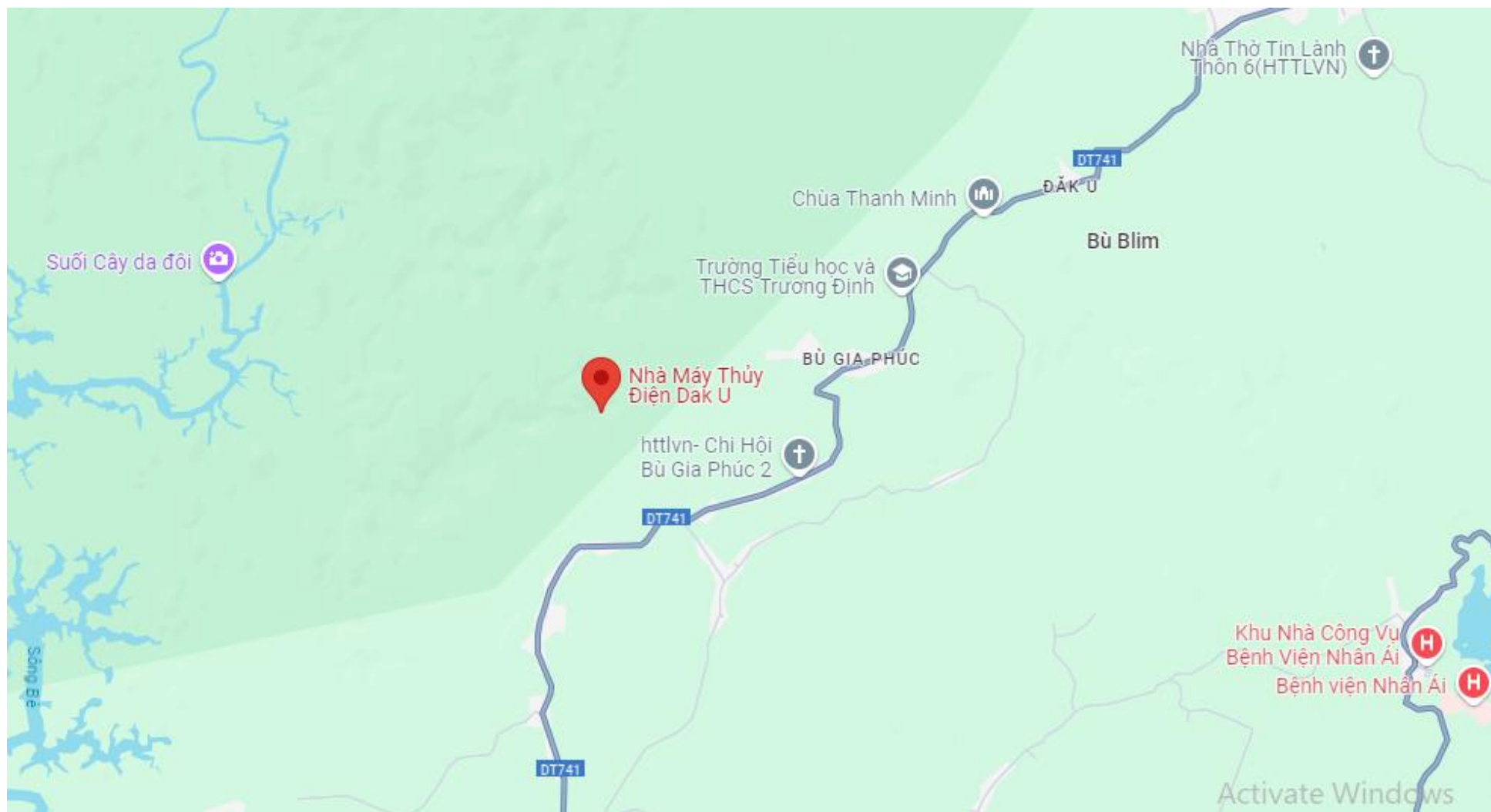
Thảm phủ thực vật trên lưu vực chiếm 65% chủ yếu là rừng cây (phần lớn là rừng tái sinh và Diện tích rừng để thực hiện dự án không nằm trong diện tích quy hoạch 03 loại rừng của tỉnh) và có khoảng 35% rừng được khai phá trồng cây công nghiệp như cà phê, điều...

c. Các đối tượng về kinh tế - xã hội:

Khu vực thủy điện Đắc U nằm trong khu vực cũng tương đối thuận tiện về đường giao thông. Từ TPHCM đi theo Tỉnh lộ ĐT741 đến Phước Long, sau đi thẳng

vào xã Đắc Ô. Đường là đường nhựa cổ chất lượng tương đối tốt.

Khu vực thủy điện Đắc U nằm trong ranh giới hai xã Đắc Ô và Phú Nghĩa huyện Phước Long.



Hình 1. 2 Vị trí nhà máy thủy điện Đắk U

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

a. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu cụ thể như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước. Do đó, cơ sở là phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

Nhà máy thủy điện Đăk U hoạt động phù hợp với quy hoạch của quốc gia.

b. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch của tỉnh Bình Phước

- Tỉnh Bình Phước có nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển ngành nghề đa dạng, chủ trương phát triển mạnh các doanh nghiệp và có những chính sách thu hút đầu tư cho các nhà đầu tư khi vào Bình Phước.

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập như sau:

+ Phát triển công nghiệp nhanh và bền vững theo hướng ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao như: chế biến, chế tạo, phụ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu, công nghệ thông tin,... Chú trọng nâng cao trình độ công nghệ. Mở rộng và phát triển mới các khu, cụm công nghiệp.

+ Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp quy mô lớn, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

Nhà máy thủy điện Đắc U được UBND tỉnh Bình Phước cấp chủ trương đầu tư thực hiện dự án tại quyết định chủ trương số 3028/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 nên dự án phù hợp với quy hoạch của địa phương.

c. Sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường

Trong quá trình hoạt động nhà máy thủy điện Đắc U phát sinh nước thải sinh hoạt phát sinh đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A + nước thải từ quá trình chạy tuabin xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra suối Đắc U. Suối Đắc U được phân vùng tiếp nhận là loại A theo Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Bình Phước. Vì vậy nhà máy thủy điện Đắc U phù hợp với phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Nước thải sinh hoạt

a) Nguồn tiếp nhận:

- Tên nguồn tiếp nhận: suối Đắc U.
- Mục đích sử dụng nguồn nước: cấp nước tưới tiêu nông nghiệp.
- Chất lượng nguồn nước mặt: QCVN 08:2023/BTNMT, bảng 2 mức B.
- Lưu lượng dòng chảy tối thiểu:

Lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất ở đoạn suối cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải $Q_s = 0,07 \text{ m}^3/\text{s}$ (quyết định số 2064/QĐ-BTNMT ngày 24/7/2023 giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ du các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện).

Theo Quyết định 452/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 thì suối Đắc U được phân nguồn loại cột A.

b) Đặc điểm nguồn xả thải:

- Lưu lượng: $0,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý xả ra nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, $K = 1,2$.

Cơ sở của phương pháp đánh giá như sau:

Phương pháp này xây dựng khi giả thiết rằng các chất ô nhiễm sau khi đi vào nguồn nước tiếp nhận sẽ không tham gia vào các quá trình biến đổi chất trong nguồn nước, như:

- Lắng đọng, tích lũy, giải phóng các chất ô nhiễm;

- Tích đọng các chất ô nhiễm trong thực vật, động vật thủy sinh;
- Tương tác vật lý, hóa học và sinh học của các chất ô nhiễm trong nguồn nước;
- Sự bay hơi của các chất ô nhiễm ra khỏi nguồn nước.

Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của suối được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng, kết quả phân tích chất lượng nguồn nước suối.

Các giả thiết để áp dụng phương pháp bảo toàn khối lượng các chất ô nhiễm:

- Khả năng tiếp nhận chất ô nhiễm được đánh giá đối với một nguồn xả thải trên ven bờ suối với giả thiết là không có sự thay đổi về tốc độ dòng chảy lẫn chất lượng nguồn nước tiếp nhận suối trong khoảng thời gian đánh giá; mục đích sử dụng nguồn nước mặt tại suối Đắc U dùng để cấp nước tưới tiêu đạt QCVN 08:2023/BTNMT, Cột B.

- Quá trình hòa tan, xáo trộn chất ô nhiễm trong nguồn nước tiếp nhận là hoàn toàn và xảy ra ngay sau khi xả thải;

- Mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận đã được xác định.

Xác định chất ô nhiễm đặc trưng có trong nước thải:

Tính chất nước thải sinh hoạt từ nhà máy chủ yếu là BOD₅, TSS, coliform, tổng phosphor, tổng nitơ. Chúng ta sẽ tiến hành đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của suối đối với các thông số ô nhiễm của nước thải từ nhà máy gồm các thông số BOD₅, TSS, Coliform, tổng phosphor, tổng nitơ.

Trình tự tính toán, đánh giá:

Trình tự tính toán, đánh giá áp dụng theo Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Theo khảo sát trực tiếp tại suối Đắc U báo cáo sử dụng đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của suối bằng phương pháp đánh giá gián tiếp. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của suối nhỏ được đánh giá theo công thức sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

+ L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm (kg/ngày);

+ L_{td} : Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (kg/ngày);

+ L_{nn} : Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn suối (kg/ngày);

+ L_{tt} : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn thải (kg/ngày);

+ F_s : Hệ số an toàn.

+ NP_{td} : Tải lượng cực đại các thông số ô nhiễm mất đi do quá trình biến đổi xảy ra trên đoạn trong suối đơn vị tính kg/ngày.

- **Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt được tính toán công thức sau:**

$$L_{td} = Q_s * C_{qc} * 86,4$$

Trong đó:

+ L_{td} : Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (kg/ngày);

+ Q_s = Lưu lượng dòng chảy của đoạn suối (m^3/s), lấy Q_s : 0,07 m^3/s theo quyết định số 2064/QĐ-BTNMT ngày 24/7/2023 giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ du các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện;

+ C_{qc} = Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chuẩn chất lượng nước mặt (mg/l);

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên.

Tổng tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với chất ô nhiễm L_{td} được trình bày trong bảng 2.2.

Bảng 2. 1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước suối

Thông số	TSS	BOD ₅	Coliform	tổng phosphor	tổng nitơ
Giá trị giới hạn C _{qc}	100	6	5000	0,3	1,5
Q_s	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07
L_{td}	604,8	36,288	30.240	1,8144	9,072

- **Tải lượng của thông số chất lượng nước mặt hiện có được tính toán công thức sau:**

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$$

Trong đó:

+ L_{nn} : (kg/ngày) là tải lượng thông số ô nhiễm trong nước suối.

+ Q_s : (m^3/s) là lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của nguồn tiếp nhận, lấy Q_s : 0,07 m^3/s theo quyết định số 2064/QĐ-BTNMT ngày 24/7/2023 giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ du các hồ chứa, đập dâng của các công trình thủy lợi, thủy điện.

+ C_{nn} = Giá trị nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nguồn nước trước khi tiếp nhận nước thải (mg/l).

Bảng 2. 2. Nồng độ chất ô nhiễm hiện có của nguồn nước suối

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		
			14.10. NM01	14.10. NM02	14.10. NM03
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	38	16	21
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	6	6	5
3	Coliform	MPN/100ml	340	1.300	330
4	Nitrat	mg/L	1,6	1,2	1,1
5	Photphat	mg/l	0,40	0,27	0,14

Bảng 2. 3. Tải lượng chất ô nhiễm hiện có của nguồn nước suối

Thông số	TSS	BOD ₅	Coliform	tổng phosphor	tổng nito
Giá trị giới hạn C_{nn}	25	5,6	657	0,27	1,3
Q_s	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07
L_{nn}	151,2	33,87	3973,54	1,63	7,86

- Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải:

$$L_{tt} = L_t + L_d + L_n$$

+ L_d và L_n được xác định trên cân bằng vật chất tại suối nhỏ như sau:

$$D_p + L_{diff} + LB - NP = L_y - L_{y0}$$

Trong đó:

+ D_p : Tổng tải lượng chất ô nhiễm của nguồn điểm xả vào đoạn suối (kg/ngày);

+ L_{diff} : Tổng tải lượng chất ô nhiễm của nguồn diện xả vào đoạn suối (kg/ngày);

+ LB : Tải lượng nền tự nhiên của chất ô nhiễm đi vào suối (kg/ngày);

+ NP: Tải lượng của chất ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn suối (kg/ngày); được chọn giá trị NP = 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm.

+ L_y , L_{y0} : Tải lượng ô nhiễm tại các mặt cắt tương ứng ở hạ lưu và thượng lưu đoạn suối (kg/ngày);

Dựa trên mặt cắt tương ứng hạ lưu và thượng lưu các nguồn điểm ở suối nhỏ thì tải lượng bằng tổng tải lượng chất ô nhiễm của nguồn điểm xả thải:

$$D_p = L_y - L_{y0}$$

Do đó, tải lượng chất ô nhiễm của nguồn diện và tải lượng nền tự nhiên như sau:

$$D_p + L_{diff} + L_B - NP = L_y - L_{y0}$$

Trong đó: $D_p = L_y - L_{y0}$; và NP = 0 kg/ngày.

$$\rightarrow L_{diff} + L_B = 0$$

Vậy tải lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải:

$$L_{tt} = L_t$$

Tải lượng ô nhiễm từ nguồn điểm được xác định như sau:

$$L_t = Q_t * C_t * 86,4$$

Trong đó:

+ C_t : (mg/l) là kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào nguồn tiếp nhận suối, lấy giá trị cột A, QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Q_t : (m^3/s) lưu lượng nước thải lớn nhất của trạm, $Q_t = 0,8 m^3/ngày.đêm = 0,000009 m^3/s$.

+ 86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s) $\times$ (mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2. 4. Nồng độ chất ô nhiễm nước thải tối đa có trong nước thải trước khi xả thải ra nguồn nước suối

Thông số	TSS	BOD ₅	Coliform	tổng phosphor	tổng nitơ
Giá trị giới hạn C_t	50	30	3000	6	30
Q_t	0,000009	0,000009	0,000009	0,000009	0,000009
L_t	0,039	0,023	2,333	0,0047	0,023

- **Xác định F_s** : Hệ số an toàn.

Hệ số an toàn F_s có giá trị trong khoảng $0,7 \leq F_s \leq 0,9$ trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá. Chọn $F_s = 0,7$.

- Xác định NP_{td} : Tải lượng cực đại các thông số ô nhiễm mất đi do quá trình biến đổi xảy ra trên đoạn trong suối đơn vị tính kg/ngày. Chọn giá trị $NP_{td} = 0$ do thành phần chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm.

Vậy, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với các chất ô nhiễm được tính toán theo công thức: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s + NP_{td}$ được tính toán như sau:

Bảng 2. 5. Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước suối Đắc U đối với các chất ô nhiễm

Thông số	TSS	BOD ₅	Coliform	tổng phosphor	tổng nitơ
L_{td}	604,8	36,288	30.240	1,8144	9,072
L_{nn}	151,2	33,8688	3.974	1,63296	7,8624
L_{tt}	0,03888	0,02333	2,3	0,0046656	0,02333
F_s	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8
NP td	0	0	0	0	0
L_{tn} (kg/ngày)	362,85	1,92	21.011,30	0,14	0,95

***Đánh giá:**

- Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn ($>$) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm đã xác định.

- Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm đã xác định.

Kết quả tính toán trên cho thấy suối vẫn còn khả năng tiếp nhận các chỉ tiêu như BOD₅, TSS, Coliform, tổng phosphor, tổng nitơ. Hiện nay, chất lượng nước suối Đắc U còn khá tốt nên còn có khả năng pha loãng và phân giải chất thải theo chiều dài suối.

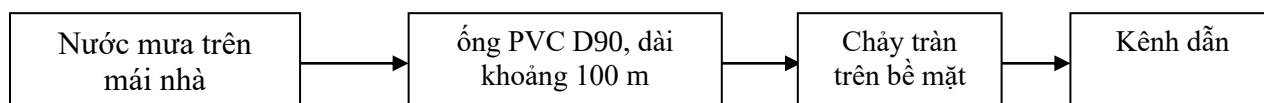
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

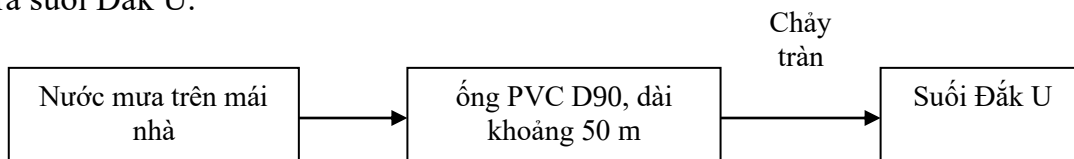
a. Thu gom, thoát nước mưa tại nhà làm việc, nhà ăn:

Nước mưa trên mái nhà được thu gom qua đường ống PVC D90 được bố trí xung quanh khu vực nhà làm việc, dẫn nước chảy xuống bề mặt. Tại đây nước mưa được chảy tràn tự do và thoát ra khu vực kênh dẫn nước của nhà máy.



b. Thu gom, thoát nước mưa tại nhà máy phát điện:

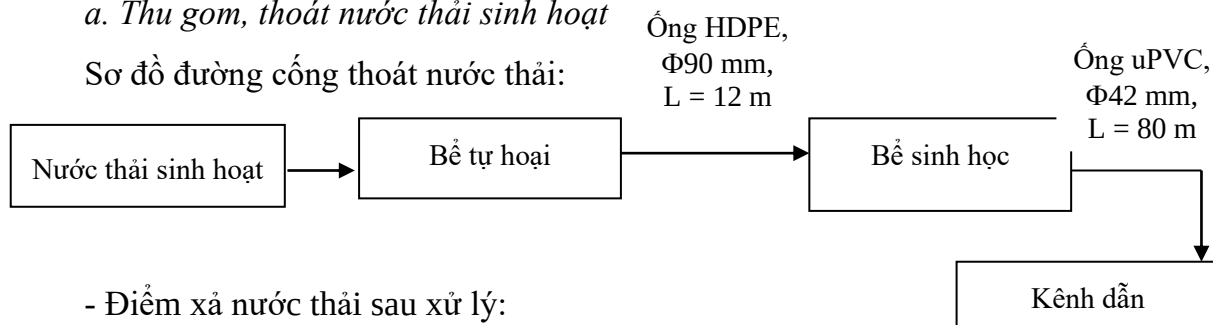
Nước mưa mái nhà máy được thu qua đường ống PVC D90 cùng với nước mưa chảy tràn chảy dẫn nước chảy xuống bề mặt. Tại đây nước mưa được chảy tràn tự do và thoát ra suối Đắk U.



1.2. Biện pháp thu gom, thoát nước thải

a. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

Sơ đồ đường công thoát nước thải:



- Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Vị trí xả nước thải: Điểm xả tại kênh dẫn của nhà máy thủy điện, tọa độ: X: 570.586; Y: 1.268.399 (hệ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰) thuộc thôn Bù Ka, xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

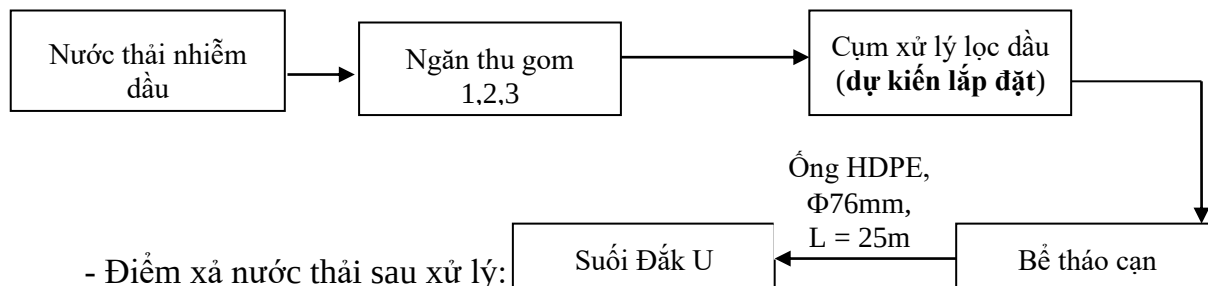
+ Mô tả công trình của xả nước thải: Công trình của xả nước thải sinh hoạt sau khi xử lý dẫn bằng đường ống uPVC Φ90 dài khoảng 50m để dẫn nước thải sau xử lý ra kênh dẫn của nhà máy thủy điện tại thôn Bù Ka, xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

+ Phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Nước thải sinh hoạt sau khi

xử lý xong đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A ($K=1,2$) được bơm dẫn theo đường ống uPVC $\Phi 90$ dài khoảng 50 m xả ra kênh dẫn của nhà máy phát điện theo đúng quy định.

b. Thu gom, thoát nước thải công nghiệp

Sơ đồ đường cống thoát nước thải:



+ Vị trí xả nước thải: Điểm xả tại suối Đắc U, tọa độ: X: 582.276; Y: 1.326.922 (hệ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°) thuộc thôn Bù Ka, xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

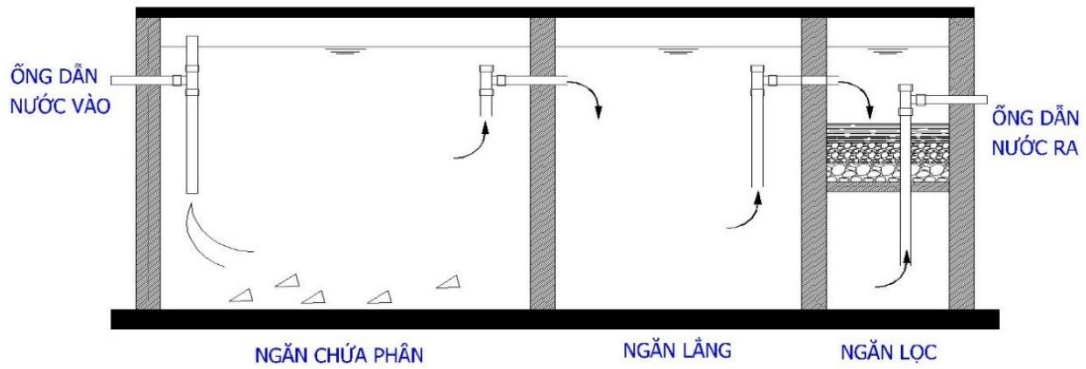
+ Mô tả công trình của xả nước thải: Công trình của xả nước thải nhiễm dầu sau khi xử lý được bơm ra suối Đắc U từ bể tháo cặn bằng đường ống HDPE $\Phi 76$ dài khoảng 25m để dẫn nước thải sau xử lý ra suối Đắc U tại thôn Bù Ka, xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

+ Phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý xong đạt QCVN 40:2010/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$ được bơm dẫn theo đường ống HDPE $\Phi 76$ dài khoảng 25 m xả ra suối Đắc U theo đúng quy định.

1.3. Công trình xử lý nước thải:

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của cán bộ và nhân viên của Công ty được thu gom vào hầm tự hoại 03 ngăn bằng hệ thống đường ống PVC $\Phi 90$. Bể tự hoại 3 ngăn có hai chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý 40 – 60 %. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95 % chất lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Bể tự hoại có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom về bể sinh học để tiếp tục xử lý bằng ống nhựa PVC $\Phi 90$ mm.



Hình 3. 1. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Thông số kỹ thuật của bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: có kết cấu bằng bê tông cốt thép, bể dày thành bể khoảng 0,1 m. Công ty bố trí 01 bể tự hoại tại văn phòng công ty với thể tích bể tự hoại là 10 m³.

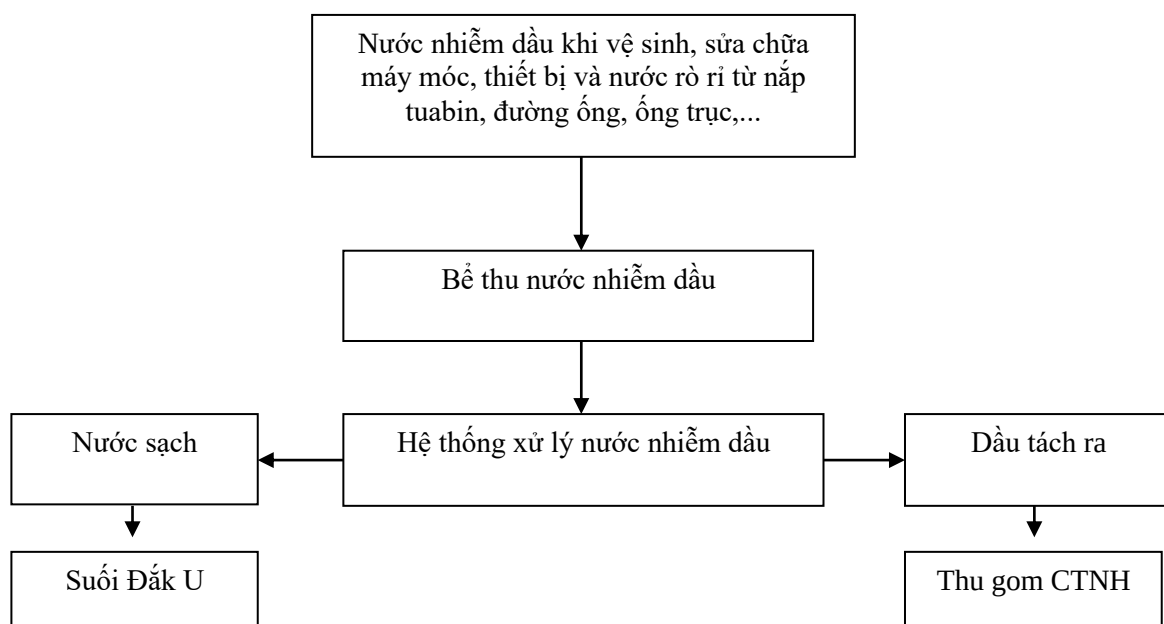
- Vật liệu: HDPE
- Đường kính: Φ 42 và 90 mm
- Tổng chiều dài: 92 m

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống HDPE Φ90 chiều dài 12m đến bể sinh học kích thước 2,5m x 2m x 1,5m (xây gạch, trát vữa, quét chống thấm). Nước thải sau khi qua bể sinh học sẽ được dẫn ra kênh dẫn nước của công trình thủy điện bằng đường ống HDPE Φ42 dài 80m sau đó chảy ra suối Đắk U.

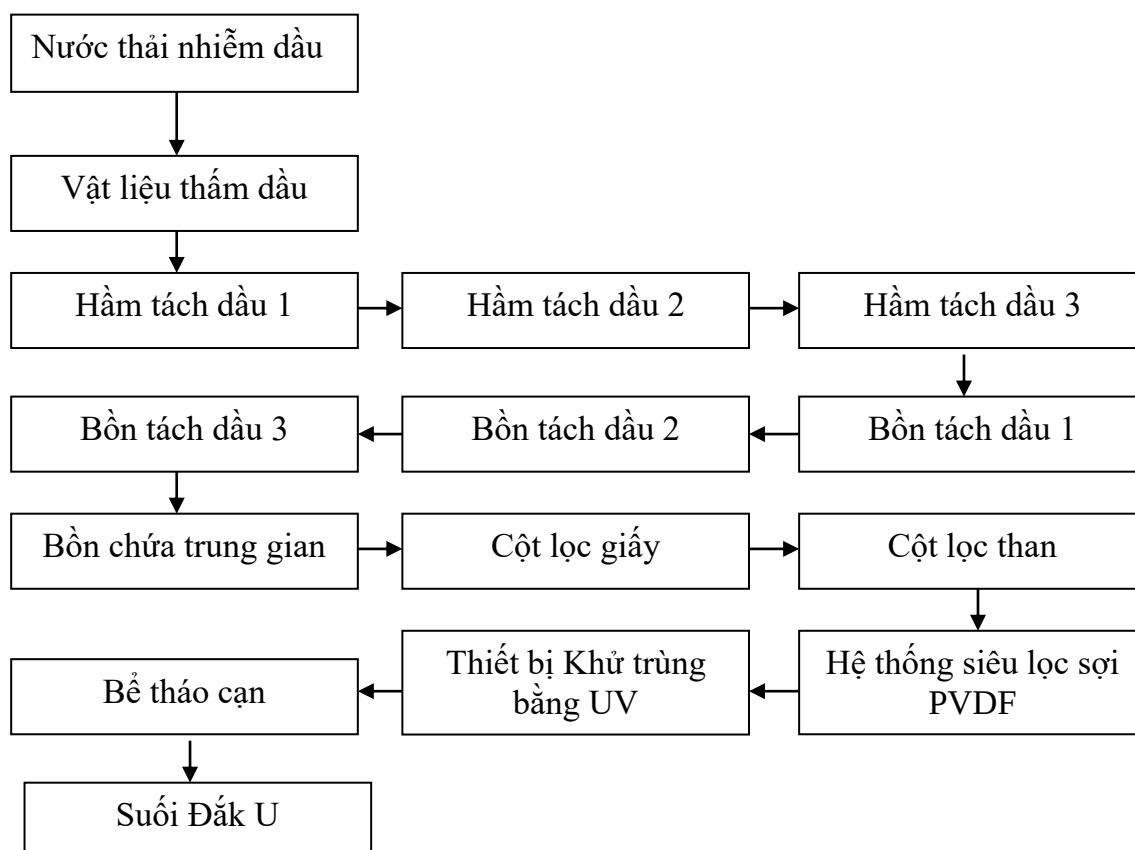
1.3.2. Công trình xử lý nước thải công nghiệp (dự kiến lắp đặt)

- Trong quá trình sản xuất điện hầu như không phát sinh nước thải, tuy nhiên trong một vài trường hợp có thể xảy ra nước nhiễm dầu khi vệ sinh, sửa chữa máy móc, thiết bị và nước rò rỉ từ nắp tuabin, đường ống, ống trục,... dầu thải của trạm biến áp với lưu lượng nhỏ. Công ty dự kiến lắp đặt 01 hệ thống xử lý lượng nước thải nhiễm dầu công suất 8m³/ngày.đêm trước khi thải ra môi trường. Quá trình thu gom của các loại nước thải này cụ thể như sau:

- Sơ đồ nguyên lý thu gom, thoát nước thải của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu như sau:



Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu:



Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu công suất 8 m³/ngày.đêm:

Nước thải nhiễm dầu từ các Tuabin số 1, số 2 và số 3 thu gom tập trung về giỏ lọc dầu sơ bộ, tại đây nước thải đi qua các vật liệu thấm dầu (vật liệu thấm dầu polypropylene) sau đó nước thải nhiễm dầu tiếp tục chảy lần lượt qua các hàm tách dầu số 1, số 2, số 3 (tách dầu và nước theo nguyên lý dầu nhẹ hơn nước sẽ tự động nổi lên trên) nhằm tách dầu sơ bộ. Tại hàm tách dầu số 3 lắp đặt bơm chìm để bơm lên cụm xử lý chính qua tín hiệu điều khiển tự động bằng phao tín hiệu số 1 (được lắp đặt dựa trên mực nước chứa trong hàm theo nguyên tắc mực nước cao bơm, mực nước thấp tắt sao cho không bơm nước có váng dầu nổi qua hệ thống xử lý chính).

Nước được bơm tối ưu lưu lượng cần xử lý về hệ thống xử lý chính qua Phase tách dầu gồm bồn tách dầu số 1, 2, 3 để tiếp tục tách dầu một lần nữa theo nguyên lý dầu nhẹ hơn nước sẽ tự động nổi lên trên, một phần dầu được giữ lại nhờ vách ngăn bằng vật liệu thấm dầu (vật liệu thấm dầu polypropylene) nước được dẫn từ bồn này qua bồn khác từ phía dưới bồn (váng dầu được xả về giỏ lọc dầu sơ bộ), sau đó chảy vào bồn chứa nước trung gian.

Khi mực nước trong bể chứa nước trung gian đầy phao tín hiệu số 2 sẽ điều khiển bơm cấp lọc hút nước từ bồn đi vào cột lọc đĩa chất liệu PE xếp chồng lên nhau với kích thước 50-100 micron, áp suất vận hành duy trì từ 1.0-2.0 bar. Nước sau khi qua lọc đĩa đi vào cột lọc PET (Polyethylen), nước sau lọc giấy đi tiếp vào cột lọc than hoạt tính 20inch kích thước lỗ lọc 5micron. Nước sau khi đi qua than hoạt tính sẽ tiếp tục đi qua hệ thống siêu lọc MF chất liệu PVDF kích thước 0.02micron và đi tiếp vào hệ thống khử khuẩn bằng đèn UV bước sóng ngắn.

Nước sau khử khuẩn đạt **QCVN 40:2011/BTNMT, cột A quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp**. sau đó chảy vào bể tháo cặn và được bơm ra ngoài môi trường.

Thông kê thiết bị của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu như sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ, ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Thiết bị lọc dầu - Model OM-MP, - Công suất: 8m³/ngày		1
1.	Bơm chìm 100w-200w, 220V	cái	1
2.	Bơm lọc 200W, 220V	cái	1
3.	Đồng hồ áp role áp	cái	1
4.	Đèn UV khử trùng	cái	1

STT	TÊN THIẾT BỊ, ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
5.	Cụm cột lọc gồm 04 cột lọc (lọc đĩa, lọc bằng vật liệu thấm dầu PET, than hoạt tính, sợi lọc MF), lắp đặt trong hộp kỹ thuật inox 304	cụm	1
6.	Cụm bể tách dầu (04 bồn chứa), lắp đặt trong hộp kỹ thuật inox 304	cụm	1

+ Nước thải nhiễm dầu từ khu vực gian máy: được bơm hoặc thu theo đường ống D76 về Bể thu nước nhiễm dầu, sau đó đi vào hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (không có)

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng và nhà máy phát điện hiện tại được thu gom, và lưu trữ vào các thùng rác HDPE 120L.

Hiện tại nhà máy có 10 nhân viên trực vận hành và làm việc tại văn phòng của Công ty. Vì vậy, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 9 kg/ngày.đêm.

Bảng 2. 6 Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy

Tên chất thải	Số lượng (kg/ngày)	Ghi chú
Rác thải sinh hoạt	9	Khối lượng phát sinh thực tế trong ngày

Nguồn: Công ty CP đầu tư khai thác thủy điện Đắk U, 2024

Do khu vực nhà máy phát điện xa trung tâm và khu dân cư nên không nằm trên tuyến đường của các đơn vị thu gom chất thải sinh hoạt. Nhà máy sử dụng các biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt như sau:

- Đối với CTR vô cơ gồm: vỏ hộp bằng nhôm, sắt; thùng carton giấy; chai nhựa; chai thủy tinh; túi nilon; hộp giấy... sẽ thu gom chứa trong các thùng chứa và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

- Đối với CTR hữu cơ gồm: các loại thực phẩm, rau quả hỏng, thức ăn dư thừa, vỏ trái cây... sẽ thu gom hàng ngày và cho các hộ dân tại địa phương đến lấy để làm thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc để nuôi gia cầm quy mô hộ gia đình trong khu vực nhà máy.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ nhà máy như: bìa carton, giấy phế liệu...

Công ty bố trí 02 thùng nhựa HDPE 120 lít trong khu vực nhà máy phát điện để chứa các loại chất thải này và ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng. Tần suất thu gom 1 năm/lần hoặc khi kho đầy được công ty báo cho đơn vị thu gom.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Dầu từ trạm biến áp được được công ty CP đầu tư khai thác thủy điện Đắk U định kỳ khoảng 3 năm sẽ thuê đơn vị có chức năng xuống tiến hành lọc lại dầu trong máy biến áp và bổ sung dầu hao hụt. Phần cặn dầu thải sẽ được đơn vị lọc dầu thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định. Công ty không thu gom và xử lý đối với dầu cặn từ trạm biến áp.

Các loại CTNH khác phát sinh trong giai đoạn vận hành của nhà máy như: mực in thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải... được lưu giữ tạm thời trong các thùng phi 120 lít có dán nhãn đặt trong kho CTNH. Thu gom chất thải nguy hại vào các thùng chứa có dán nhãn theo đúng quy định.

Ngoài ra còn phát sinh các chất thải liên quan đến hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu gồm:

+ Váng dầu tại các hầm tách dầu số 1, 2, 3 được thu gom bằng cách thấm vào các vật liệu thấm dầu định lý 01 năm 01 lần vào mùa khô khi nhà máy không có nước để vận hành. Với lượng chất thải nhiễm dầu khoảng 10-15kg/lần/năm

+ Than hoạt tính nhiễm dầu, giấy lọc nhiễm dầu được thay thế định kỳ 6-12 tháng 01/lần (tùy vào nồng độ dầu trong nước), mỗi lần thay tổng chất thải này là:

- 05 lõi lọc than hoạt tính nhiễm dầu: 5 kg
- Lõi lọc PET: 04kg
- Vật liệu thấm dầu polypropylene: 15kg
- Thiết bị điện tử thải bỏ (đèn UV): 0,5kg

Chất thải nguy hại được lưu trữ trong kho riêng với diện tích 18m² kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái lợp tôn, dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị PCCC, có gờ bao và rãnh, hố thu gom chất thải dạng lỏng. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng có rào ngăn, mái che, biển báo, hệ thống thu gom nước rò rỉ theo đúng quy định. Kho chứa đặt tại khu vực nhà máy phát điện.

Công ty đã ký hợp đồng xử lý CTNH với Công ty TNHH TM&XD An Sinh tần suất thu gom 1 năm/lần hoặc khi kho đầy được công ty báo cho đơn vị thu gom.

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy khoảng được trình bày dưới bảng sau:

Bảng 2. 7 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại thông thường
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	Rắn
2.	Bao bì mềm thải	18 01 01	50	Rắn
3.	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	20	Rắn
4.	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can đựng hoá chất thải)	18 01 03	50	Rắn
5.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, bao tay dính hoá chất/mỡ thải)	18 02 01	100	Rắn
6.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100	Lỏng
7.	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 06	10	Rắn
Tổng			340	

Nguồn: Công ty CP đầu tư khai thác thủy điện Đắk U, năm 2024

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn và chấn động, nhà máy áp dụng các biện pháp sau để khống chế:

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế của nhà sản xuất, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết mau mòn.
- Trang bị các dụng cụ ốp tai chống ồn cho cán bộ, công nhân khi tiếp xúc trong thời gian dài tại những nơi có độ ồn lớn.
- Thực hiện chế độ giải lao và chế độ chuyển ca hợp lý cho công nhân nhằm giảm tiếp xúc với tiếng ồn.
- Bảo dưỡng kiểm tra định kỳ hệ thống tuabin phát điện và máy phát điện dự phòng đảm bảo các thiết bị và động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Các động cơ được lắp đặt đệm cao su để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Các mài mòn của chi tiết động cơ sẽ được thay thế dầu bôi trơn thường

xuyên để giảm thiểu độ rung.

- Khu vực nhà máy thủy điện có không gian rộng lớn, xung quanh không có nhà dân nên tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị hầu như chỉ ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy mà không ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

b. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung:

- Giới hạn đối với tiếng ồn: Đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, áp dụng đối với khu vực thông thường, cụ thể:

+ Từ 06 giờ đến 21 giờ: 70 dBA.

+ Từ 21 giờ đến 06 giờ: 55 dBA.

- Giới hạn đối với độ rung: Đảm bảo đạt QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, áp dụng đối với khu vực thông thường, cụ thể:

+ Từ 06 giờ đến 21 giờ: 75 dB.

+ Từ 21 giờ đến 06 giờ: Mức nền (là mức gia tốc rung đo được khi không có các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng tại các khu vực được đánh giá).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Xây dựng và ban hành nội quy PCCC, đặt biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc nghiêm ngặt tại vị trí dễ thấy để cán bộ, công nhân thực hiện. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về PCCC và an toàn điện trong quản lý và vận hành nhà máy.

- Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho công nhân, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra.

- Bố trí hòm nước cứu hỏa, các thiết bị chữa cháy tại chỗ như: bình bột, bình CO₂,... tại khu nhà máy, khu nhà làm việc.

- Hệ thống điện được lắp đặt các role chống sự cố để hạn chế chập, chạm điện và những tình huống xấu do sự cố về điện gây ra.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm tủ trung tâm báo cháy, các đầu dò báo cháy và báo nhiệt, chuông đèn, nút ấn báo cháy,... Hệ thống báo cháy được kiểm tra thường xuyên và nằm trong tình trạng sẵn sàng hoạt động theo đúng quy định PCCC.

- Tiến hành kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị an toàn và phát hiện, xử lý kịp thời các lỗi ở TBA, nhà máy,... có nguy cơ xảy ra chập điện gây cháy nổ hoặc rò rỉ điện.

- Trong nhà máy bố trí các bể nước và các thiết bị, phương tiện chữa cháy để

kịp thời ứng phó sự cố.

- Thoát dầu sự cố của máy biến áp: Khi có sự cố, dầu chảy từ MBA xuống hồ thu dầu của móng MBA.

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, tùy vào mức độ và vị trí cháy nổ để triển khai các phương án chữa cháy kịp thời. Sử dụng các thiết bị chữa cháy để tiến hành chữa cháy đồng thời thực hiện các công việc như: ngắt cầu dao điện, gọi điện thoại cho cảnh sát PCCC tại địa phương, thông báo đến các cơ quan có liên quan biết để phối hợp ứng phó, di chuyển người, tài sản ra khỏi khu vực bị cháy...

- Dự án đã được phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Phước đã nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của nhà máy tại công văn số 43/PCCC(NT) ngày 26/01/2011 đối với nhà máy thủy điện Đắk U.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó tình huống khẩn cấp

Để ứng phó với các tình huống khẩn cấp có thể ảnh hưởng đến hạ du, trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện, công tác quản lý, vận hành và bảo vệ các tuyến đập và hồ chứa luôn được Công ty chú trọng và thực hiện theo quy định như sau:

- Công ty đã xây dựng, ban hành các quy trình phục vụ công tác vận hành bảo dưỡng thiết bị vận hành đập, hồ chứa.

- Công ty đã xây dựng quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 (đính kèm phụ lục báo cáo).

- Trên toàn bộ công trình đập lắp đặt các thiết bị quan trắc để phục vụ công tác giám sát an toàn đập khi vận hành.

- Công ty đã lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp công trình thủy điện Đắk U năm 2024-2025 được UBND huyện Bù Gia Mập phê duyệt tại quyết định 2263/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 (đính kèm phụ lục báo cáo).

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các đập đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động (đặc biệt trong quá trình xả nước, xả lũ - vận hành công trình mùa lũ) nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố, sạt trượt có nguy hại đến an toàn đập.

- Thường xuyên diễn tập ứng phó các tình huống khẩn cấp vỡ đập.

c. Phương án phòng ngừa, ứng phó các tình huống mất an toàn đập có thể xảy ra và giải pháp xử lý.

✚ Tình huống sạt lở phần nền tiếp giáp với mái hạ lưu đập và vai đập có ảnh hưởng đến sự ổn định, an toàn đập

a) Nội dung tình huống:

Theo thiết kế dự án nhà máy thủy điện Đắk U có đập dâng là bê tông trọng lượng tràn tự do cả lòng suối. Đập tích nước của thủy điện Đắk U xây dựng trên phương thức lợi dụng điều kiện địa hình tự nhiên 2 bên bờ suối và vách đá, đồi cao. Tình huống đưa ra đây là: giả sử phần bờ suối phía hạ lưu bên ngoài của đập tràn bị xói lở có nguy cơ làm mất ổn định đập, do ảnh hưởng bởi dòng chảy siết, lũ trên thượng nguồn đổ về khiến dòng nước xả tràn nhanh làm ảnh hưởng.

b) Giải pháp xử lý:

Khi nhận định sự cố có thể xảy ra gây nguy hiểm đến độ an toàn của đập, báo động tình trạng khẩn cấp và sẵn sàng ứng phó. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của nhà máy nhanh chóng gửi thông báo khẩn đến các cơ quan chức năng và các đơn vị Công an, Bộ đội tại địa phương để công bố tình trạng khẩn cấp để khẩn trương di dời người dân trong vùng hạ du lên điểm cao hơn. Đồng thời, nhờ lực lượng Công an, Bộ đội tại địa phương phối hợp hỗ trợ với đội xung kích của nhà máy thực hiện công tác khắc phục sự cố, xử lý triệt để sạt lở cho đến khi đảm bảo an toàn cho đập.

c) Giải quyết sự cố:

Huy động toàn lực lượng đội xung kích phòng chống lụt, bão: gồm 7 người và tất cả cán bộ nhân viên khác có mặt tại nhà máy tham gia công tác giải quyết sự cố. Mọi người sẽ triển khai công việc theo chỉ đạo của chỉ huy trưởng ban phòng chống lụt bão nhà máy.

Lực lượng tham gia khắc phục sự cố nhanh chóng vận chuyển các vật tư, nguyên liệu, dụng cụ cuốc, xẻng, đá, cọc tiếp cận với vị trí có nguy cơ sạt lở và tiến hành công việc gia cố vị trí bị sạt lở.

Cách khắc phục sự cố: Dùng búa đóng cọc gỗ vào phía trên vị trí sạt lở gần phía đập tràn để tránh tình trạng trôi thêm đất. Sau đó, đóng cọc tạo hộc để chất bao đá dăm và bao cát, xếp và nén chặt vào vị trí lở.

Song song với việc xử lý sạt lở, nhà máy nhanh chóng thông báo lũ lớn đến các ban chỉ huy Phòng chống lụt bão địa phương như: BCH phòng chống lụt bão và UBND huyện Bù Gia Mập, UBND xã Phú Nghĩa để các cơ quan này có kế hoạch đối ứng.

Sau khi cơn lũ giảm tần suất, Trưởng Ban chỉ huy phòng chống lụt bão nhà máy chỉ đạo cho thường trực ban chỉ huy Phòng chống lụt bão chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện các công việc sau:

Kiểm tra tình trạng đập dâng, đập tràn và các công trình, thiết bị liên quan;

Lập báo cáo tình hình và ghi lại diễn biến ứng phó, để có thể rút kinh nghiệm cho công tác Phòng chống lụt bão cho nhà máy.

Đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa những chỗ hư hỏng, khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết của các bộ phận công trình, thiết bị có ảnh hưởng hoặc nguy cơ đe dọa đến sự ổn định của công trình hồ chứa,

 Tình huống mất điện trên xuất tuyến đường dây 22kV tuyến 471 – Bù Gia Mập và nguồn điện tự dùng từ nhà máy.

a) Nội dung tình huống:

Mưa lớn kéo dài kèm gió lốc làm cây gãy đổ vướng vào đường dây 22kV gây mất điện trên diện rộng ở trên tuyến đường dây 471– Bù Gia Mập làm mất điện tự dùng lấy từ lưới. Vì vậy, tổ máy của nhà máy không khởi động được, nước trong hồ dâng cao xấp xỉ vượt mực nước dâng bình thường $\nabla 232m..$

b) Giải pháp xử lý:

Tại nhà máy: bộ phận ca trực nhanh chóng khởi động máy phát Diesel để cấp điện cho nhà máy. Truy xuất nhanh các khối role bảo vệ đường dây nhằm tìm nguyên nhân xác định vị trí bị sự cố, sau đó liên lạc với các đơn vị: Điện lực Bù Gia Mập để phối hợp xác minh cụ thể nơi bị sự cố.

Báo cáo nhanh sự cố với phòng điều độ tỉnh Bình Phước theo quy định. Gửi công văn đến Ban chỉ huy phòng chống bão địa phương và các đơn vị ở vùng hạ du về việc nguy cơ có lũ lớn.

Khi đường dây 22kV khắc phục xong sự cố kỹ thuật, đóng điện trở lại thì chuyển đổi sang nguồn điện tự dùng và thông báo với các phòng điều độ tỉnh Bình Phước về trạng thái sẵn sàng lên lưới của nhà máy.

* Lưu ý: Khi các đội sửa chữa trên đường dây, trước khi thực hiện phải đăng ký phiếu công tác với nhà máy như quy định. Nhân viên nhà máy thường xuyên liên hệ với đội sửa chữa trên tuyến để nắm bắt tình hình và tiến độ hoặc phối hợp xử lý nếu có phát sinh sự cố. Sau khi hoàn thành, các đội phải thông báo để khóa các phiếu công tác nhằm đảm bảo rằng không còn đội nào đang công tác trên tuyến nữa, khi đó mới được đóng điện trở lại. Sau khi hoàn thành xử lý sự cố, lập các báo cáo về nguyên nhân, vị trí và cách khắc phục sự cố theo quy định lưu giữ tại nhà máy.

 **Tình huống xuất hiện mạch sủi tại khu vực mái hạ lưu đập, nền tiếp giáp với mái hạ lưu đập và vai đập; lún sụt và sạt lở mái hạ lưu đập ảnh hưởng tới ổn định an toàn đập:**

a) Phương án giải quyết:

Hàng ngày, lực lượng bảo vệ tiến hành kiểm tra theo quy định. Nếu phát hiện có hiện tượng mạnh sủi tại khu vực thân đập gần mái đập xả tràn, lập tức thông báo tình hình lên Quản lý nhà máy để có phương án khắc phục sự cố.

b) Cách khắc phục sự cố mạnh sủi:

Huy động lực lượng xử lý sự cố là các thành viên trong tổ xung kích để khắc phục sự cố.

Lực lượng xử lý sự cố nhanh chóng mang các dụng cụ cuốc, xà beng, xẻng, đá dăm, bao cát, cọc sắt và cọc gỗ tiếp cận vị trí. Tiến hành đóng cọc sắt và xà cừ, tràn phía trên vị trí có mạch sủi. Sau đó, đào hố tại vị trí có mạch sủi xuất hiện, và chèn bao cát, đá dăm, vãi địa hình nén chặt, rồi cải tạo mặt thành đập như ban đầu.

 Tình huống vỡ đập:

Mưa lớn kéo dài kèm gió lốc xoáy làm nước trong hồ dâng cao xấp xỉ vượt mức Cao trình đỉnh đập 235m. Đập có dấu hiệu hiệu rạn nứt, có khả năng vỡ đập.

Công ty Cổ phần đầu tư khai thác thủy điện ĐắkU theo dõi; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước, Sở Công Thương tỉnh Bình Phước, nhân dân ở phía hạ lưu công trình thủy điện Đắk U để kịp thời phối hợp, có biện pháp ứng phó kịp thời để đảm bảo tài sản và tính mạng của nhân dân.

Phát lệnh cảnh báo cho nhân dân phía hạ du biết trước 4 giờ; báo hiệu bằng còi theo nguyên tắc kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 05 giây và kịp thời phối hợp với chính quyền địa phương sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất ra khỏi nơi nguy hiểm và ở định chỗ tạm trú cho nhân dân. Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để đảm bảo sinh hoạt cho người dân.

Huy động lực lượng xử lý sự cố là các thành viên trong Đội xung kích và các phương tiện cứu hộ để khắc phục sự cố. Lực lượng xử lý sự cố nhanh chóng mang các dụng cụ xe Ben, xe Tải để đổ đá dăm, bao cát, đá để hạn chế dòng chảy về đập.

Phối hợp với chính quyền địa phương thông kê tài sản bị thiệt hại để đền bù cho nhân dân theo đúng quy định và ngừng hoạt động đến khi hoàn chỉnh đập trở lại và được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động trở lại.

Phối hợp với chính quyền địa phương công bố Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập theo quy định tại Điều 27 Nghị định 114/2018/NĐ-CP. Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản. Cấm mốc cảnh báo phía hạ du theo quy định.

 Một số Tình huống xâm hại đập khác như:

- Hành vi tụ tập bơi lội, đánh bắt cá, nổ mìn đánh bắt cá gần tuyến đập gây mất an toàn đập và cản trở việc vận hành hồ chứa thủy điện Đắk U.

- Hành vi điều khiển xe cơ giới có trọng tải lớn lưu thông qua thân đập.

- Hành vi làm mất an toàn đập do phá hoại.

- Hành vi làm mất an toàn đập do trộm cắp.

*** Phương án xử lý, khắc phục:**

- Trường hợp a:

- Khi phát hiện có một nhóm người tụ tập bơi lội, đánh bắt cá gần khu vực đập, hạ lưu công trình:

- + Tổ bảo vệ Công ty sẽ nhắc nhở để mọi người mau chóng rời khỏi khu vực gần hồ nước công trình.

- + Sau khi nhắc nhở mà người vi phạm không thực hiện theo yêu cầu, Tổ bảo vệ sẽ lập biên bản, tạm giữ người vi phạm, phương tiện, dụng cụ vi phạm, đồng thời thông báo cho chính quyền Xã quản lý biết và phối hợp với Công ty để xử lý.

- Khi phát hiện có người nổ mìn đánh bắt cá gây hại đến an toàn công trình:

- + Tổ bảo vệ Công ty sẽ bắt giữ người, phương tiện, dụng cụ và lập biên bản vi phạm.

- + Thông báo cho chính quyền Xã biết để đến Công ty xử lý, đồng thời gửi biên bản, văn bản thông báo đến chính quyền Xã, Huyện để xử lý theo pháp luật.

- + Triển khai kiểm tra mức độ hư hỏng của công trình để tiến hành khắc phục kịp thời.

- Trường hợp b:

- Khi phát hiện có người điều khiển xe cơ giới có trọng tải lớn lưu thông qua công trình, Tổ bảo vệ dùng lời nói để thông báo, giải thích cho người điều khiển xe cơ giới biết lý do không nên cho xe qua công trình.

- Trường hợp không thể giải thích, Tổ bảo vệ kiên quyết không cho xe qua, đồng thời ghi nhận lại thông tin của người muốn điều khiển xe qua công trình (như tên người, CMND, địa chỉ, loại xe, tải trọng xe,...) và thông báo đến chính quyền Xã biết.

- Thông báo lại bằng văn bản đến các xã liên quan để họ thông báo, tuyên truyền cho người dân biết việc không cho phép qua công trình đang vận hành.

- Trường hợp c:

- Khi phát hiện thấy người đang tiến hành phá hoại đập - hồ - cửa nhận nước, thiết bị quan trắc bằng vật liệu nổ, hóa chất... nhân viên quản lý vận hành đập phối hợp với lực lượng bảo vệ bán chuyên trách cố gắng, mưu trí hành động, ngăn chặn không cho sự việc diễn ra, khẩn trương bắt giữ tội phạm, tiến hành các biện pháp dẫn giải ngay thủ phạm cùng tang vật, phương tiện vũ khí về phòng thường trực lập biên bản vụ việc đồng thời báo cáo cho bộ phận thanh tra bảo vệ Công ty, báo cáo ngay cho Công an địa phương phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khi phát hiện có người đánh phá thân đập có nguy cơ vỡ, ngay lập tức, lực lượng kiểm tra mức độ hư hỏng của công trình để tiến hành khắc phục kịp thời. Song song đó, báo cáo ngay cho Quản Lý Nhà máy để phân công cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và toàn thể cán bộ công nhân viên người lao động trong Công ty: nhanh chóng triển khai đội hình đóng cọc ngăn đỡ khối trượt. Nếu thấy xoáy nước do dòng thấm qua đập ở phía thượng lưu thì thả các bao tải đất xuống vùng nước xoáy tạm bịt dòng thấm. Sau đó đắp lăng trụ chống trượt bằng các bao cát, đá học.

- Trường hợp d:

Khi phát hiện người có hành động trộm cắp tài sản vật tư thiết bị tại đập, nhân viên quản lý vận hành đập phối hợp với lực lượng bảo vệ chuyên trách tổ chức lực lượng bao vây, bắt giữ ngay thủ phạm, giữ nguyên hiện trường cùng với những tang vật chứng cứ đã phạm tội, đồng thời báo cáo cho bộ phận thanh tra bảo vệ Công ty, Công an địa phương biết để phối hợp xử lý theo quy định pháp luật.

d. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự mùa lũ

Vận hành hồ chứa thủy điện Đăk U trong thời kỳ mùa lũ.

- Hồ thủy điện Đăk U có dung tích không lớn, tràn xả mặt tự do, không có van xả lũ nên không có khả năng điều tiết lũ, cắt lũ, phân lũ. Lưu lượng lũ vào hồ được ưu tiên sử dụng để phát công suất tối đa có thể được của nhà máy thủy điện phần lưu lượng lũ còn lại tự xả qua đập tràn khi mực nước hồ vượt qua cao trình tràn.
- Công tác chuẩn bị phòng, chống lũ: Ban chỉ huy phòng chống lụt bão nhà máy thủy điện Đăk U chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác phòng chống lụt bão. Theo dõi chặt chẽ tình hình khí tượng thủy văn, kiểm tra thực tế tình trạng thiết bị và công trình, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết. Hàng năm vào đầu mùa mưa lũ chuẩn bị báo cáo và tổ chức triển khai công tác phòng chống lụt bão theo đúng quy định.

Hiệu lệnh thông báo xả nước

- Khi đập tràn đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi kéo dài 20 giây cách nhau 10 giây.
- Khi đập tràn ở trạng thái xả mà tăng thêm lưu lượng xả thì kéo 3 hồi còi dài 20 giây cách nhau 10 giây.
- Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần phải xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình thì kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 5 giây, sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả.
- Khi đập tràn kết thúc xả nước xuống hạ lưu thì kéo 1 hồi còi dài 30 giây.
- Trong thời gian lưu vực sông đang có lũ, trước khi xả nước qua các tổ máy phát điện với lưu lượng thiết kế m^3/s , tại khu vực nhà máy kéo 4 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

Phối hợp vận hành giữa các công trình thủy điện trên bậc thang.

Trong quá trình vận hành công trình thủy điện Đăk U, phải thường xuyên liên lạc và cập nhật thông tin của các công trình thủy điện trên cùng bậc thang để có chế độ vận hành tối ưu và an toàn.

Vận hành công trình điều tiết nước phát điện và đảm bảo dòng chảy môi trường hạ du

Chế độ làm việc của nhà máy thủy điện Đăk U

- Nguyên tắc chung: Phải tuân thủ phương thức huy động của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia và các cơ quan điều độ hệ thống điện theo phân cấp và hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và đơn vị mua điện.
- Hồ chứa thủy điện Đăk U làm việc theo chế độ điều tiết ngày đêm. Trong điều kiện bình thường, duy trì mực nước hồ ở mức cao để phát điện.
- Trong quá trình vận hành công trình thủy điện Đăk U điều tiết nước phát điện, phải thường xuyên liên lạc và cập nhật thông tin của các công ty thủy điện trên cùng bậc thang để có chế độ vận hành tối ưu.

Vận hành công trình bảo đảm dòng chảy sinh thái và môi trường hạ du: Để bảo đảm dòng chảy sinh thái và môi trường hạ du. Việc vận hành hồ chứa phải đảm bảo các yêu cầu dòng chảy tối thiểu theo quy định về cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của nhà máy.

Tại thời điểm lập hồ sơ về cơ bản chủ dự án đã thực hiện đầy đủ các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại quyết định số

Quyết định số 967/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Phước ngày 01/06/2007. Trong quá trình thực hiện dự án, để phù hợp với thực tế và nâng cao công tác bảo vệ môi trường, Công ty dự kiến có những điều chỉnh, thay đổi một số hạng mục so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 2. 8 Nội dung điều chỉnh so báo cáo Đánh giá tác động môi trường của nhà máy

Tên công trình	Theo nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường của nhà máy	Điều chỉnh, thay đổi	Ghi chú
Nước thải nhiễm dầu	Không đề cập	Nước thải nhiễm dầu -> hầm tách dầu 1, 2, 3 -> bồn tách dầu 1, 2, 3 -> bồn chứa trung gian -> Cột lọc giấy -> cột lọc than hoạt tính -> siêu lọc MF -> khử trùng bằng UV-> bể tháo cặn -> suối Đắc U	Đang lên kế hoạch chưa lắp đặt

* Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi các hạng mục công trình thực tế so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt:

Những thay đổi được trình bày tại bảng trên không làm thay đổi quy mô công suất và công nghệ sản xuất điện năng của Dự án đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, để phù hợp với thực tế và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường hiệu quả, Công ty đã tiến hành đề xuất bổ sung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cụ thể hơn. So với các phương án, nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì các phương án chủ dự án đưa ra có tính hợp lý, hiệu quả hơn. Các loại chất thải (nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) đều được thu gom và xử lý triệt để hơn đảm bảo giảm thiểu tác động tới môi trường ở mức thấp nhất.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của nhà máy:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên của nhà máy
- + Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu từ việc vận hành của nhà máy phát điện.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: $8,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, bao gồm:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, lưu lượng $0,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
 - + Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu, lưu lượng $8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Dòng nước thải:

+ Dòng số 01: Nhà máy thủy điện có dòng nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2018/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số $K=1,2$).

+ Dòng số 02: Nhà máy thủy điện có dòng nước thải nhiễm dầu từ nguồn số 02 sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của nhà máy thủy điện Đắk U

STT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn
	Dòng số 01		Giới hạn cho phép QCVN 14:2018/BTNMT Cột A ($K = 1,2$)
1	BOD ₅	mg/1	36
2	TSS	mg/1	60
3	Nitrat	mg/1	36
4	Photphat	mg/1	7,2
5	Coliforms	mg/1	3.600
	Dòng số 02		Giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT Cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$)
1.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/1	5,4

STT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn
2.	pH	-	6-9
3.	Coliforms	Vi khuẩn/100ml	3.240

- Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả thải nguồn số 01: X = 582.440; Y = 1.327.106 (theo hệ toạ độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 106⁰15').

Tọa độ vị trí xả thải nguồn số 02: X = 582.276; Y = 1.326.922 (theo hệ toạ độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 106⁰15').

- Phương thức xả thải:

Nguồn số 01: tự chảy ra kênh dẫn.

Nguồn số 02: Sử dụng bơm hút nước thải sau khi xử lý chảy ra suối Đắc U.

- Chế độ xả nước thải:

Nguồn số 01: liên tục 24 giờ/ngày.

Nguồn số 02: gián đoạn trong 24h (điều khiển tự động bằng phao tín hiệu số 3 theo nguyên tắc mực nước cao bơm, mực nước thấp tắt bơm).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (không có)

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: hoạt động của nhà máy phát điện. Tọa độ X:582.276, Y:1.326.922 (theo hệ toạ độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 106⁰15').

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

*** Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

***Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	Tần suất quan trắc	Ghi chú
----	--	-----------------------	---------

	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	định kỳ	
1	70	60	--	Khu vực thông thường

4. Nội dung cấp phép quản lý chất thải

4.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Tổng khối lượng rác thải phát sinh của nhà máy khoảng 9 kg/ngày.

Nhà máy sử dụng các biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt như sau:

- Đối với CTR vô cơ gồm: vỏ hộp bằng nhôm, sắt; thùng carton giấy; chai nhựa; chai thủy tinh; túi nilon; hộp giấy... sẽ thu gom chứa trong các thùng chứa và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

- Đối với CTR hữu cơ gồm: các loại thực phẩm, rau quả hỏng, thức ăn dư thừa, vỏ trái cây... sẽ thu gom hàng ngày và cho các hộ dân tại địa phương đến lấy để làm thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc để nuôi gia cầm quy mô hộ gia đình trong khu vực nhà máy.

4.2. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn không nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được thu gom và phân loại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà máy: Chất thải được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa tại nhà máy phát điện, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

4.3. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại bao gồm: dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, pin, chì thải, bao bì thải bằng nhựa, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại, bao bì đựng hóa chất...

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được thu gom và phân loại theo Nghị định số 08/2022 /NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Số lượng phát sinh thường xuyên tại nhà máy như sau:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại thông thường
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	Rắn
2.	Bao bì mềm thải	18 01 01	50	Rắn
3.	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	20	Rắn

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại thông thường
4.	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can đựng hoá chất thải)	18 01 03	50	Rắn
5.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, bao tay dính hoá chất/mỡ thải)	18 02 01	100	Rắn
6.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100	Lỏng
7.	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 06	10	Rắn
Tổng			340	

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 18 m² kết cấu tường gạch, mái lợp tôn, nền bê tông (dán biển cảnh báo khu lưu trữ chất thải nguy hại, thiết bị phân loại và dán mã số của từng loại chất thải nguy hại), có rãnh và hố thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải lỏng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

- Dự án không thuộc đối tượng giám sát môi trường định kỳ đối với nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

- Dự án không thuộc đối tượng giám sát môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.

- Trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chủ dự án đã tiến hành quan trắc môi trường nền. Vì vậy trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chủ dự án không tiến hành quan trắc môi trường nữa.

a/ Môi trường không khí

Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu
14.10.KK01	Không khí tại khu vực văn phòng
14.10.KK02	Không khí tại khu vực kênh dẫn nước cách tua bin khoảng 100m
14.10.KK03	Không khí tại khu vực nhà máy thủy điện

Kết quả phân tích:

Bảng 5. 1 Kết quả phân tích vi khí hậu của khu vực dự án

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		
			14.10. KK01	14.10. KK02	14.10. KK03
1.	Nhiệt độ(*)	°C	30,6	31,1	31,8
2.	Độ ẩm(*)	%	72,1	70,8	68,4
3.	Vận tốc gió(*)	m/s	0,5	0,6	0,2

Bảng 5. 2 Kết quả phân tích không khí khu vực dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo/ phân tích	Kết quả		
				14.10. KK01	14.10. KK02	14.10. KK03
01	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	54,8	56,3	78,7
02	Bụi(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	34	41	35
03	SO ₂ (*)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	21	27	25
04	NO ₂ (*)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	19	24	22
05	CO(*)	µg/Nm ³	SOP 02	3.734	4.509	4.224

b/ Môi trường nước:

14.10.NM01	Tại kênh dẫn nước cách tua bin khoảng 100 m
14.10.NM02	Tại điểm xả thải của nhà máy thủy điện (suối Đắk U)
14.10.NM03	Tại suối Đắk U cách điểm xả thải 100 m về phía hạ nguồn

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		
			14.10. NM01	14.10. NM02	14.10. NM03
1.	pH ^(**)	--	6,51	6,38	6,45
2.	DO ^(*)	mg/L	4,87	4,77	4,8
3.	TSS ^(**)	mg/L	38	16	21
4.	COD ^(**)	mg/L	11	11	10
5.	BOD ₅ ^(*)	mg/L	6	6	5
6.	Tổng Nitơ ^(**)	mg/L	1,6	1,2	1,1
7.	Tổng Photphor ^(**)	mg/L	0,40	0,27	0,14
8.	Fe ^(**)	mg/L	KPH (MDL =0,03)	0,09	KPH (MDL =0,03)
9.	Cu ^(**)	mg/L	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)
10.	Zn ^(*)	mg/L	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)
11.	Coliform ^(*)	MPN/100ml	340	1.300	330

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành.

Bảng 6. 1 Danh mục kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải tập trung

STT	Công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	6 tháng kể từ ngày được cấp GPMT		50-100% công suất hệ thống
2	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	6 tháng kể từ ngày được cấp GPMT		50-100% công suất hệ thống

1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 6. 2 Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu

STT	VỊ TRÍ/CÔNG ĐOẠN LẤY MẪU	THÔNG SỐ GIÁM SÁT	SỐ LƯỢNG, TẦN SUẤT, THỜI GIAN LẤY MẪU	QUY CHUẨN/TIÊU CHUẨN SO SÁNH
1	Nước thải sinh hoạt đầu ra của hệ thống xử lý	Lưu lượng, pH, TSS, BOD ₅ , COD, tổng N, tổng P, Coliforms.	Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: “ <i>Đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải</i> ”.	QCVN 14:2011/BTNMT, cột A
2	Nước thải sau khi tách dầu của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.	Lưu lượng, tổng dầu mỡ khoáng, pH, coliforms	Vì thế chủ dự án đo đạc, lấy mẫu và phân tích như sau: + Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: 2 mẫu đơn nước thải đầu ra của mỗi công trình xử lý nước thải. + Trong giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của mỗi công trình xử lý nước thải.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

Nhằm đánh giá hiệu quả của các công trình, thiết bị xử lý khí thải, nước thải; Chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng, năng lực (đã được cấp giấy chứng nhận VIMCERTS) để tiến hành thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích.

Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đáp ứng QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,2).

Chất lượng nước thải công nghiệp trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đáp ứng QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, Kq = 0,9; Kf = 1,2).

Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, 01 mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.

+ Thông số giám sát:

Đối với nước thải sinh hoạt: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, Coliforms.

Đối với nước thải nhiễm dầu: Lưu lượng, tổng dầu mỡ khoáng, pH, Coliforms.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, 4 lần/năm.

+ Quy chuẩn so sánh:

Đối với nước thải sinh hoạt: QCVN 14:2011/BTNMT, cột A

Đối với nước thải nhiễm dầu: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

- Giám sát chất thải rắn:

+ Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn.

+ Các chỉ tiêu cần đánh giá gồm: thành phần (sinh hoạt, công nghiệp), lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày

- *Giám sát chất thải nguy hại (CTNH):*

+ Vị trí giám sát: Kho lưu giữ CTNH.

+ Các chỉ tiêu cần đánh giá gồm: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

+ Tần suất giám sát: Hàng năm.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Quan trắc nước thải, bụi, khí thải: theo quy định tại Điều 97, 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở. (không có)

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm khoảng 50.000.000 VNĐ (mười triệu đồng).

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo cơ sở không có bị kiểm tra, thanh tra về môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ cơ sở cam kết các số liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, chủ đầu tư xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về Bảo vệ môi trường: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường) trong quá trình thực hiện dự án.

Chủ dự án cam kết tuân thủ nghiêm túc các nội dung đưa ra trong nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường được phê duyệt và tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện dự án và các yêu cầu khác, bao gồm các cam kết sau đây:

+ Thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành của dự án xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,2).

+ Thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; Kq = 0,9; Kf = 1,2).

+ Cam kết về tiếng ồn, độ rung (quy định về thời gian trong khoảng 6h- 21h và 21h-6h) trong quá trình hoạt động không làm ảnh hưởng đến các tổ chức, cá nhân lân cận dự án. Tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; Độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022.

+ Tuân thủ Luật Tài nguyên nước và các quy định của nhà nước về bảo vệ nguồn nước và môi trường đối với dự án.

+ Cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố về môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố an toàn đập, sự cố trong quá trình vận hành công trình... và có

trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do các sự cố gây ra.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN



Tua bin phát điện

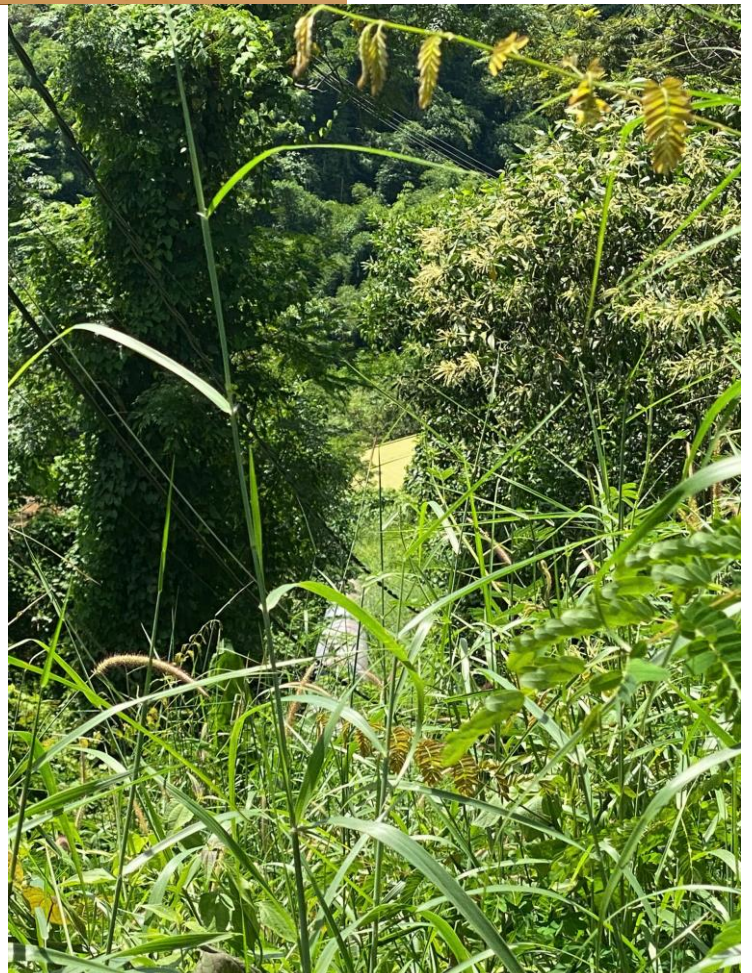
Nhà máy phát điện





**Cửa dẫn nước từ
kênh dẫn xuống
tua bin phát điện**

**Ống dẫn nước từ kênh dẫn
xuống tua bin phát điện**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3801172616

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 05 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 20 tháng 01 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC
THỦY ĐIỆN ĐẮK U

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Bù Ka, Xã Đăk O, Huyện Bù Gia Mập, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0986.176686

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN THẾ SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 09/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

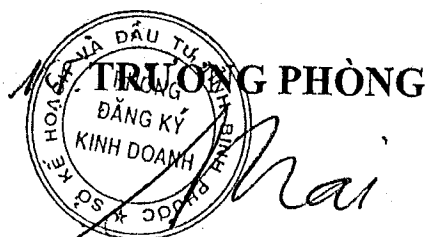
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 113658142

Ngày cấp: 02/11/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 7, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt
Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Duy Hải

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 2998 /STNMT-CCBVM
V/v ý kiến hồ sơ môi trường đối với
Công trình thủy điện Đăk U của
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác
thủy điện Đăk U

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đăk U
(Thôn Bù Ka, Xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước)

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước nhận được Công văn số 169/2024/CV-Đak.U ngày 16/9/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đăk U về việc Hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường của cơ sở: “Công trình thủy điện Đăk U” tại xã Phú Nghĩa và xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Qua nghiên cứu các văn bản pháp lý có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án “Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk U – Công ty Cổ phần ĐT&PT năng lượng Phú Tân (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đăk U)” tại xã Phú Nghĩa và xã Đăk O, huyện Phước Long (nay là huyện Bù Gia Mập), tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Dự án) đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 01/6/2007.

Theo Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở Dự án nêu trên của Sở Công nghiệp tỉnh Bình Phước (nay là Sở Công Thương tỉnh Bình Phước) số 11/SCN-Đ ngày 12/02/2007 thì Công trình thủy điện Đăk U có diện tích sử dụng đất: vùng ngập là 18 ha và diện tích xây dựng là 36 ha (Tổng diện tích sử dụng đất là 54 ha).

Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình là dự án sử dụng đất, đất có mặt nước với quy mô từ 50 ha đến dưới 100 ha theo quy định tại mục II.5 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và được phân thành dự án nhóm II theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39, điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường thì Công trình thủy điện Đăk U hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II trong quá trình hoạt động có phát sinh nước thải xả ra môi trường phải được xử lý thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Đồng thời, ngày 07/02/2024 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã ban hành Công văn số 398/STNMT-CCBVMT về việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp hoạt động chăn nuôi; các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đăk U nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo nội dung tại Công văn số 398/STNMT-CCBVMT ngày 07/02/2024.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước./.

(Gửi kèm Công văn số 398/STNMT-CCBVMT ngày 07/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT (Đ.V.D-T10.01)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Dinh

Số: **967** /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày **01** tháng **6** năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk U – Công ty cổ phần ĐT&PT năng lượng Phú Tân” tại xã Phú Nghĩa và xã Đăk O, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk U – Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Phú Tân tại xã Phú Nghĩa và xã Đăk O, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước ngày 18/04/2007 tại Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk U đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Phú Tân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 135/TTr-STNMT ngày 17/5/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk U của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Phú Tân (sau đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Khi vận hành công trình, phải thực hiện đúng quy trình điều tiết và xả lũ; có phương án khắc phục và hạn chế tới mức thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra khi có sự cố hoặc lũ lớn.

2. Phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi và tiếng ồn từ hoạt động của Nhà máy đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận. Nồng độ khí thải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5937, 5938-2005 đối với môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5949-1998.

2. Phải xử lý nước thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng và hoạt động của Nhà máy đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6772-2000 trước khi thải ra môi

trường ngoài. Đầu tư trang thiết bị thu gom và xử lý chất thải rắn như trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Phải thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo đúng các chỉ tiêu, tần suất và vị trí đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Số liệu quan trắc, giám sát môi trường phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, theo dõi.

4. Khi có sự cố ảnh hưởng đến môi trường, Chủ dự án phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để kịp thời giải quyết.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Sở TN&MT;
- Công ty CPĐT&PT NL Phú Tân (th);
- LĐVP, CV: SX;
- Lưu VT.



Bùi Văn Danh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu PC3
BH theo Thông tư số: 04/2003/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy

Hồi 10 giờ 00 ngày 21 tháng 01 năm 2011, tại Nhà máy thủy điện Đắk U
Địa chỉ: xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
Chúng tôi gồm:

01. Đại diện cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Bình Phước:

- Đ/c: Nguyễn Thọ Bài, Đại úy, đội phó
- Đ/c: Nguyễn Đình Thụ, Thượng uý, cán bộ

02. Đại diện chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân:

- Ông : Nguyễn Văn Sửu, Tổng Giám đốc.

03. Đại diện đơn vị thi công : Công ty cổ phần thiết bị PCCC NOMI

- Ông : Hàn Minh Tâm – Giám đốc

Đã tiến hành kiểm tra: Nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà máy thủy điện Đắk U

*** Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

- Hồ nghiệm thu:

- + Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC
- + Bản vẽ hoàn công.
- + Văn bản đề nghị nghiệm thu
- + Tài liệu, chứng chỉ kiểm định thiết bị PCCC

- Kiểm tra và thử nghiệm thực tế:

- + Hệ thống cấp điện đặt trong mương bê tông.
- + Lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy vách tường gồm: 02 lãng, 02 vòi chữa cháy, hệ thống đường ống, van khóa. Nguồn nước chữa cháy được lấy từ đường ống vào phía thượng nguồn. Áp lực tại vị trí bất lợi nhất đạt 10 m.c.n. Lưu lượng đạt 5 l/s
- + Các thông số của lãng, vòi, đầu nổi phù hợp.
- + Bậc chịu lửa II, 01 lối thoát ra khỏi phòng
- + Đường giao thông rộng 6 m, chiều cao thông thủy 5 m, có bãi quay xe

- Kết luận:

+ Bậc chịu lửa, ngăn cháy, thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách an toàn PCCC đảm bảo theo thiết kế.

+ Hệ thống cấp, thiết bị điện lắp đặt theo thiết kế được duyệt.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy lắp đặt theo thiết kế.

+ Bình chữa cháy đảm bảo thiết kế

- Kiến nghị:

+ Lập hồ sơ quản lý hoạt động PCCC, phương án chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho nhân viên.

+ Hoàn chỉnh việc lắp đặt thiết bị báo cháy tự động, chống sét theo thiết kế được duyệt (Thời hạn hoàn thành: ngày 21 tháng 4 năm 2011).

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 55 phút ngày 21 tháng 01 năm 2011, gồm 02 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

**ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ**


Nguyễn Văn Siêu

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG**

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN CS. PCCC**



Nguyễn Thọ Bài

**CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CS. PCCC&CNCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 43 /PCCC(NT)

Đồng Xoài, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân:

Theo văn bản số 05 /CV ngày 18/01/2011 về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) của Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân
Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh Sát PCCC lập ngày 21 /01/2011.

Phòng Cảnh Sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

Công trình: Nhà máy thủy điện Đăk U.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân

Xây dựng tại: xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, bình chữa cháy

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị tại biên bản kiểm tra do đại diện cơ quan CS PCCC&CNCH lập ngày 21/01/2011

- Duy trì chế độ kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định. *Vinh*

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư công trình;
- C66 – BCA (để báo cáo);
- Lưu: PC66 (KT) số: .

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá. Phạm Văn Xuân

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 116/2010/GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà máy thủy điện Đak U.

- Vị trí xây dựng: Trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00; Diện tích: 206.590,6 m², tại xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Và trên thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00; Diện tích: 15.947,8 m², tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Đất công trình năng lượng).

- Bản vẽ thiết kế công trình do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Điện Thành Đạt và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đầu tư Đô Thành lập. V được Sở Công thương tỉnh Bình Phước điều chỉnh kết quả thẩm định thiết kế cơ sở tại thông báo số 388/SCC-Đ ngày 13/05/2009.



2.1. Tuyến áp lực:

a. Đập chính.

- Chiều dài theo đỉnh đập (kể cả tràn): 78,2m

- Chiều rộng đỉnh đập: 5m

- Chiều cao đập lớn nhất Hmax: 7,0m

b. Công trình xả:

- Số khoan tràn: 01 khoang

- Chiều rộng khoan tràn: 40m

- Cao trình ngưỡng tràn: 232m

- Cao trình đáy đập tràn: 228m

- Cột nước tràn: 1,84m

2.2. Kênh dẫn:

- Bề rộng đáy: 2,5m

- Chiều dài: 450m

2.3. Cửa lấy nước

- Số khoang: 01 cửa
- Kích thước (dài x rộng): 1,3m x 1,3m

2.4. Nhà máy thủy điện

- Diện tích xây dựng: 639,752m²
- Chiều cao công trình: 17,88m tính từ cốt + 162.49; Số tầng: 01 tầng
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể công trình kèm theo giáp phép

này

2.5. Đường ống áp lực:

- Số nhánh chính: 01 nhánh
- Đường kính ống: 1,3m
- Chiều dài: 212m
- Đoạn phân nhánh vào tổ máy: 03 nhánh; đường kính ống: 0,7m; chiều dài đường ống: 30m

2.6. Nhà điều hành thủy điện

- Diện tích xây dựng: 235,2m²
- Chiều cao công trình: 6,6m; Số tầng: 01 tầng
- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn mặt đất tự nhiên: 0,2m
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể công trình kèm theo giáp phép

này

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 01180 ngày 16/10/2008, và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 01180 cấp ngày 16/10/2008, do UBND tỉnh Bình Phước cấp.

4. Giấy phép này hợp thức hoá cho công trình thủy điện Dăk U; theo Quyết định xử phạt số 15/QĐ-XPHC ngày 29/9/2010 của Thanh tra Sở Xây dựng về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở trang 03 của giấy phép này).

Đồng Xoài, ngày 11 tháng 10 năm 2010

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. KT&QH.



Huỳnh Thanh Dũng

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn và bền vững công trình xây dựng của mình.
3. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
4. Phải thực hiện theo điều 72 của Luật Xây dựng số 16/2003-QH11 trước khi khởi công xây dựng công trình đối với các công trình cấp mới.
 - Có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thi công xây dựng thỏa thuận.
 - Có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục, công trình đã phê duyệt.
 - Có hợp đồng xây dựng.
 - Có đủ nguồn vốn để bảo đảm tiến độ xây dựng công trình theo tiến độ đã được phê duyệt trong dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - Có biện pháp để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.
5. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm.
6. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
7. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
8. Phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi trường, PCCC theo quy định hiện hành.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Đồng Xoài, ngày tháng năm 2010

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 10 năm 2019

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 05/1/2018 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh do Bộ Công Thương quản lý;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BCT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi khoản 1 và khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, điều chỉnh Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1753/TTr-SCT ngày 15/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động điện lực cho:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U.
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801172616 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 22/11/2018.
3. Mã số doanh nghiệp: 3801172616.

4. Trụ sở chính: Thôn Bù Ka, xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
Điện thoại: 0986.176686.

Điều 2. Lĩnh vực hoạt động: Phát điện dưới 03MW.

Điều 3. Phạm vi và thời hạn hoạt động:

- Phạm vi hoạt động: Nhà máy thủy điện Đăk U.
- Thời hạn của giấy phép: Có giá trị đến ngày 22 tháng 10 năm 2029.

Điều 4. Các nội dung chi tiết của Giấy phép: Theo Phụ lục Giấy phép đính kèm.

Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

1. Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U có nghĩa vụ duy trì điều kiện hoạt động được cấp phép và báo cáo cơ quan cấp giấy phép theo quy định.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Luật Điện lực; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 05/1/2018 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh do Bộ Công Thương quản lý; Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; Thông tư số 15/2019/TT-BCT sửa đổi khoản 1 và khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Văn bản hợp nhất 10/VBHN-BCT ngày 09/02/2018 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Luật Điện lực và Luật bổ sung Luật Điện lực và tuân thủ các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Hiệu lực thi hành.

Giấy phép hoạt động điện lực này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 31/GP-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty thủy điện Đăk U;
- LĐVP; Phòng: TH, KT
- Lưu: VT, (Quế-16.10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Văn Trăm

PHỤ LỤC
GIẤY PHÉP CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LỰC CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U
(Kèm theo Giấy phép số 70 /GP-UBND ngày 17 / 10 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

I. LĨNH VỰC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG:

1. Các lĩnh vực hoạt động điện lực được cấp phép: Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U đủ điều kiện được phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực sau: Hoạt động phát điện dưới 03MW.
2. Phạm vi hoạt động: Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U được phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực đối với các lĩnh vực được cấp phép trong phạm vi toàn quốc.

II. QUYỀN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U:

1. Đơn vị phát điện có các quyền sau đây:
 - a) Hoạt động phát điện và các hoạt động khác theo giấy phép hoạt động điện lực.
 - b) Đấu nối vào hệ thống điện quốc gia khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn kỹ thuật.
 - c) Bán điện cho bên mua điện theo hợp đồng có thời hạn và chào giá bán điện giao ngay trên thị trường điện lực.
 - d) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động phát điện.
 - đ) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ hoạt động phát điện.
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Đơn vị phát điện có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành nhà máy điện, lưới điện.
 - b) Tuân thủ phương thức vận hành, lệnh chỉ huy, điều khiển của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia.
 - c) Xử lý sự cố.
 - d) Trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn của trang thiết bị phải ngừng hoặc giảm mức phát điện nếu không có giải pháp khác.
 - e) Tuân thủ các quy định về thị trường điện lực và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - f) Báo cáo về khả năng sẵn sàng phát điện, mức dự phòng công suất, tình hình thực hiện phương thức vận hành của nhà máy điện theo yêu cầu của đơn vị



điều độ hệ thống điện quốc gia, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực, cơ quan điều tiết điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động phát điện.

h) Thông báo ngay cho đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có sự cố về phát điện.

i) Đầu tư trạm điện, công tơ và đường dây dẫn điện đến công tơ cho bên mua, trừ trường hợp có thoả thuận khác với đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện hoặc bên mua điện.

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

III. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật:

Tuân thủ các quy định của Luật Điện lực; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật điện lực; Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; các điều kiện trong Giấy phép này và tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Duy trì điều kiện được cấp giấy phép:

a) Duy trì cơ cấu tổ chức để đảm bảo các cán bộ quản lý, vận hành như trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

b) Duy trì các điều kiện đối với lĩnh vực phát điện đã được cấp phép theo quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

c) Trưởng ca, cán bộ quản lý vận hành do Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U thực hiện phải thuộc biên chế hoặc có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn của Công ty đảm nhiệm.

3. An toàn trong phát điện:

a) Nhà máy điện, trạm phát điện phải được bảo vệ nghiêm ngặt, xung quanh phải có tường rào bảo vệ, biển báo an toàn về điện, về phòng cháy, chữa cháy; những người không có nhiệm vụ không được phép vào nhà máy điện, trạm phát điện.

b) Hồ chứa nước phục vụ nhà máy thủy điện phải được bảo vệ an toàn để đáp ứng yêu cầu tích nước của nhà máy. Nghiêm cấm các hành vi lấn chiếm lòng hồ và làm ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến khả năng phát điện.

c) Phòng đặt trang thiết bị điện phải được bảo đảm an toàn về phòng, chống cháy nổ; có biển báo khu vực nguy hiểm, đường thoát hiểm, hệ thống chiếu sáng đầy đủ, hệ thống thông gió làm mát thiết bị, cửa thông gió phải có lưới bảo vệ chống sự xâm nhập của các loài động vật, hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu của môi trường.

d) Tuỳ theo đặc tính kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ của từng loại trang thiết bị điện, phải đặt lưới bảo vệ, vách ngăn và treo biển báo an toàn; phải bảo đảm khoảng cách an toàn từ lưới bảo vệ hoặc vách ngăn đến phần mang điện của trang thiết bị không được nhỏ hơn khoảng cách quy định và có các biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu của môi trường đến hoạt động của trang thiết bị điện.

e) Tại các khu vực có chất dễ cháy, nổ, hệ thống điện phải được thiết kế, lắp đặt theo quy định về an toàn phòng, chống cháy nổ; chỉ được sử dụng loại thiết bị, dụng cụ phòng chống cháy, nổ chuyên dùng.

f) Hệ thống cáp điện trong nhà máy điện, trạm phát điện phải đáp ứng các quy định về an toàn sau đây:

- Cáp điện phải được sắp xếp trật tự theo chủng loại, tính năng kỹ thuật, cấp điện áp và được đặt trên các giá đỡ. Cáp điện đi qua khu vực có ảnh hưởng của nhiệt độ cao phải được cách nhiệt và đi trong ống bảo vệ.

- Hàm cáp, mương cáp phải có nắp đậy kín, thoát nước tốt, bảo quản sạch sẽ, khô ráo. Không được để nước, dầu, hoá chất, tạp vật tích tụ trong hàm cáp, mương cáp. Hàm cáp phải có tường ngăn để tránh hỏa hoạn lan rộng; có hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng điện áp an toàn phù hợp với quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện.

g) Các trang thiết bị và hệ thống chống sét, nối đất trong nhà máy điện, trạm phát điện, trạm phân phối điện phải được lắp đặt đúng thiết kế và được kiểm tra nghiệm thu, kiểm tra định kỳ theo đúng quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện.

4. Đào tạo và sử dụng lao động:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng lao động.

b) Duy trì nguồn nhân lực bao gồm bộ máy quản lý, cán bộ, quản lý vận hành đáp ứng được yêu cầu về số lượng và năng lực chuyên gia như trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

5. Báo cáo khi có thay đổi:

a) Báo cáo bằng văn bản những thay đổi về nhân sự chủ chốt (*Giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý vận hành*) cho UBND tỉnh, Sở Công Thương.

b) Báo cáo bằng văn bản cho UBND tỉnh, Sở Công Thương trước 60 ngày trong trường hợp ngừng hoạt động điện lực.

c) Báo cáo bằng văn bản cho UBND tỉnh, Sở Công Thương trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi trụ sở làm việc.

IV. QUẢN LÝ SỬ DỤNG GIẤY PHÉP:

1. Phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép:

Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U phải nộp phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép theo quy định.

2. Lưu giữ tài liệu và hồ sơ:

Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U: Lưu trữ Giấy phép hoạt động điện lực được cấp hoặc bản sao có chứng thực tại trụ sở Công ty Cổ phần Khai thác thủy điện Đắk U trong suốt quá trình hoạt động.

3. Trách nhiệm báo cáo:

Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U:

a) Báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày thay đổi địa chỉ trụ sở trong giấy phép hoạt động điện lực.

b) Báo cáo ngay với cơ quan cấp giấy phép trong trường hợp Giấy phép hoạt động điện lực bị mất hoặc bị hỏng.

c) Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, báo cáo bằng văn bản cho UBND tỉnh và Sở Công Thương về tình hình thực hiện hoạt động phát điện đã được cấp giấy phép về việc duy trì điều kiện hoạt động trong lĩnh vực được cấp phép và tình hình hoạt động điện lực của năm trước theo Mẫu 4a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

d) Báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực trong thời hạn 60 ngày trước ngày ngừng hoạt động điện lực hoặc chuyển giao hoạt động điện lực.

e) Báo cáo và cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin khi cơ quan cấp giấy phép, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

4. Kiểm tra và thanh tra:

Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U phải phối hợp và tạo điều kiện để Thanh tra chuyên ngành điện lực, Kiểm tra viên điện lực thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

5. Xử lý vi phạm:

a) Trường hợp có hành vi vi phạm các quy định tại Giấy phép này, Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U phải có văn bản giải trình về việc vi phạm.

b) Sau khi cung cấp các thông tin bằng văn bản về vi phạm, giải trình và đề xuất giải pháp khắc phục, những hình thức xử phạt sau đây có thể được áp dụng đối với Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U.

- Yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U phải chấm dứt những hành vi vi phạm hoặc phải có những hoạt động để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra trong thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U theo các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

c) Trường hợp hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì vụ việc được chuyển sang cơ quan điều tra để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

6. Thu hồi giấy phép:

Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Không triển khai hoạt động sau 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực.

b) Không đảm bảo duy trì các điều kiện đã được cấp giấy phép hoạt động phát điện.

c) Không thực hiện đúng các nội dung quy định trong Giấy phép này.

d) Cho thuê, cho mượn hoặc tự ý sửa chữa Giấy phép này.

e) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

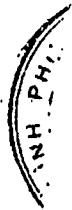
a) Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U phải lập hồ sơ về việc cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực khi có thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở, loại hình hoạt động, phạm vi hoạt động.

b) Trước khi giấy phép hoạt động điện lực hết thời hạn sử dụng 30 ngày, trường hợp có nhu cầu tiếp tục hoạt động, Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U phải tiến hành lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và thực hiện trình tự, thủ tục về cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm



Mẫu 3b

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH
(Kèm theo Giấy phép số 70 /GP-UBND ngày 17 / 10 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Mã số định danh (nếu có)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số năm công tác trong lĩnh vực đề nghị cấp phép	Ghi chú
I.	Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, trực tiếp quản lý kinh doanh							
1	Trần Quang Chung	31/10/1983	Hưng Yên		Tổng Giám đốc	Ths Kinh tế	05	
II	Đội ngũ trưởng ca vận hành (đối với hoạt động phát điện, phân phối, truyền tải điện)							
1	Nguyễn Thái Quyền	04/7/1988	Bình Định		Trưởng ca	Trung cấp điện	09	
2	Triệu Quang Hóa	13/8/1975	Lạng Sơn		Nhân viên vận hành	Trung cấp điện	04	
3	Dương Thế Anh	20/8/1977	Thái Nguyên		Nhân viên vận hành	Trung cấp điện	04	
4	Đặng Ngọc Tịnh	08/8/1988	Bình Định		Nhân viên vận hành	12/12	07	
5	Lê Ngọc Huyền	10/12/1995	Thừa Thiên Huế		Kế toán	Trung cấp	02	

Ghi chú: Khi có thay đổi về nhân sự chủ chốt (Giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý vận hành) của Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U phải báo cáo bằng văn bản cho UBND tỉnh và Sở Công Thương.



Số: 3028 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Điều chỉnh lần 2, cập nhật từ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 44121000027 do UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 21/7/2008, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6630376315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp thay đổi lần 1 ngày 01/6/2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2111/BC-SKHĐT-ĐKKD ngày 11/11/2020 về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Đăk U do Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác thủy điện Đăk U làm chủ đầu tư; văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo nộp ngày 06/10/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác thủy điện Đăk U.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác thủy điện Đăk U (tách từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân) – Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801172616 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 14/05/2018, cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 22/11/2018; địa chỉ trụ sở chính tại thôn Bù Ka, xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang Chung, sinh ngày 31/10/1983; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giấy chứng thực cá nhân số 001083004464 cấp ngày 23/10/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; địa chỉ thường trú tại 114 Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng,



thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay tại 114 Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; chức danh: Tổng Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy thủy điện Đăk U.
2. Mục tiêu: Xây dựng nhà máy thủy điện.
3. Quy mô đầu tư: Công suất thiết kế 2,4 MW.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đăk Ô và xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
5. Diện tích, nguồn gốc đất sử dụng:
 - Diện tích: 404.200,6m².
 - Nguồn gốc đất: Thuộc quyền sử dụng của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác thủy điện Đăk U được UBND tỉnh Bình Phước cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T01180 ngày 16/10/2008 (*chỉnh lý ngày 14/02/2019*) và số CT 002188 ngày 28/7/2011 (*chỉnh lý ngày 14/12/2019*).
6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 60.366.030.000 đồng. (*Sáu mươi tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng*).

Trong đó:

- Vốn tự có: 28.366.030.000 đồng.
 - Vốn vay: 32.000.000.000 đồng
7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.
 8. Tiến độ thực hiện dự án:
 - Từ tháng 01/2008: Khởi công xây dựng.
 - Từ tháng 12/2008 trở đi: Hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Được miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.
3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, giao đất và các ưu đãi khác: Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và được hưởng các ưu đãi đầu tư khác theo quy định của Chính phủ và tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Việc điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển đổi chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 45 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc giãn tiến độ đầu tư; tạm ngừng, ngừng hoạt động dự án thực hiện theo Điều 46, 47 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

4. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động trước thời hạn, bị thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

5. Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác thủy điện Đắk U là chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung đã được quy định tại các văn bản đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều 53, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. (Biểu mẫu báo cáo thực hiện theo biểu 1, 2, 3 tại Phụ lục III, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Bù Gia Mập căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị hướng dẫn nhà đầu tư triển khai các thủ tục đúng quy định.

2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát quá trình vận hành dự án của nhà đầu tư đảm bảo đúng thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được lập thành 03 (Ba) bản. Nhà đầu tư được cấp một bản. Một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4, 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TTPVHCC, Phòng: TH;
- Lưu: VT(M.Anh).



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Mi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2263/QĐ-UBND

Bù Gia Mập, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ
chứa thủy điện Đắk U (năm 2024 – 2025)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai
và Luật đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về
quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy
thủy điện;*

*Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công
Thương quy định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện;*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định
số 101/BC-KT&HT ngày 03/07/2024,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện Đắk U (năm 2024 - 2025) để Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong quá trình quản lý, khai thác và vận hành.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế và Hạ Tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND xã Đắk Ô, UBND xã Phú Nghĩa và các ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện Đắk U ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ Tầng, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã Đăk Ô, Phú Nghĩa, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT.UBND huyện;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CV: KT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH ✓



Đoàn Văn Chảo

Số: 11 /SCN-Đ

Đồng Xoài, ngày 12 tháng 02 năm 2007

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐAK U, HUYỆN PHƯỚC
LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng Phú Tân

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng công trình;

- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15/07/2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 30/2006/QĐ-BCN ngày 31/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về quản lý đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập;

- Căn cứ văn bản số 3128/UBND-KSX ngày 28/12/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà máy thủy điện Đak U huyện Phước Long tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ văn bản số 88/CV/EVN-KH ngày 13/12/2006 của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam về việc đồng ý mua điện từ Nhà máy thủy điện Đak U huyện Phước Long tỉnh Bình Phước;

Xét tờ trình số 34/CV-DA ngày 02/2/2007 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân về việc đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở công trình thủy điện Đak U huyện Phước Long tỉnh Bình Phước;

Sở Công nghiệp đã có công văn số 28/SCN-Đ ngày 05/2/2007 về việc lấy ý kiến thẩm định chuyên ngành dự án thủy điện Đak U và hồ sơ đính kèm để các Sở: Tài Nguyên và Môi trường; Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn; Sở Xây dựng, Điện Lực Bình Phước và UBND huyện Phước Long nhưng đến nay các cơ quan trên không có ý kiến trả lời;

Căn cứ vào Điều 9 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng công trình và xem xét hồ sơ, Sở Công nghiệp báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình với nội dung chính như sau:

A. Dự án thủy điện Đak U:

1. Tên công trình : THỦY ĐIỆN ĐAK U
2. Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân
3. Địa điểm xây dựng : Xã Đak O-xã Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.
4. Diện tích sử dụng đất: vùng ngập 18ha, diện tích xây dựng là 36ha.
5. Nhà thầu lập thiết kế cơ sở: Chi nhánh Công ty Cổ phần điện Hà Nội

Địa chỉ: 8/11B Nguyễn Thiện Thuật, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TPHCM

6. Nhiệm vụ chính của công trình:

Sản xuất, cung cấp điện năng lên lưới điện Quốc gia với công suất lắp máy dự kiến khoảng 3,2MW và sản lượng điện trung bình năm là khoảng 11,57 triệu kWh/năm.

7. Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng:

TCXDVN 285:2002; QPLT 11.77; QPTL C1.78; 14TCN 157-2005; QCXDVN III.

8. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

Nhà máy thủy điện Đak U thuộc loại đường dẫn, sử dụng chuyển nước từ hồ thông qua cửa lấy nước, kênh dẫn, đường áp lực vào nhà máy.

9. Quy mô và các thông số chính của công trình:

9.1 Vị trí xây dựng:

Công trình thủy điện Đak U nằm trên suối Đak U, một nhánh thượng nguồn của Sông Bé thuộc xã Phú Nghĩa – xã Đak Ô huyện Phước Long tỉnh Bình Phước. Tuyến đập dự kiến xây dựng, giới hạn trong các vĩ độ và kinh độ sau:

TT	Các hạng mục	Tọa độ	
		Vĩ độ Bắc	Kinh độ đông
01	Thiết kế	từ $11^{\circ}46'.40''$ đến $11^{\circ}55'.00''$	từ $107^{\circ}12'.40''$ đến $107^{\circ}23'.23''$
02	Theo CV 3128/UBND –KSX ngày 28/12/2006	từ $11^{\circ}59'.52''$	từ $107^{\circ}0'.15''$

Cao trình đập tràn và cao trình đặt nhà máy:

	Cao trình (mét)	Thiết kế	Theo CV 3128/UBND –KSX ngày 28/12/2006
01	Đập đầu mối	245m	
02	Đập tràn	242m	250m
03	Đặt nhà máy	166m	180m

Diện tích lưu vực tính đến vị trí tuyến công trình khoảng 60 km². Đường dây 22kV từ nhà máy đến lưới điện quốc gia hiện hữu khoảng 2km.

9.2 Cấp công trình:

Công trình xây dựng cấp III. (Theo phụ lục số 1 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ)

9.3 Thủy văn

- Diện tích lưu vực tính đến cửa lấy nước: 60 km².
- Mức nước thượng lưu (mức nước dâng bình thường):242m
- Mức nước chết phát điện: 239,5m.
- Diện tích mặt thoáng ứng với mức nước dâng bình thường :0,18km²;
- Diện tích mặt thoáng ứng với mức nước chết: 0,07km²;

9.4 Công trình đầu mối:

Đập đầu mối có cao trình đỉnh đập 245,0m

1.Kênh dẫn : có các hạng mục chính sau :

Tuyến kênh dẫn có chiều dài 350m , Rộng 2m , cao 2m.

Bể áp lực có chiều dài 26m Rộng 3,8m, cao 3,8m

5. Nhà Trạm thủy điện:

Kích thước chính nhà máy: 25x52x8,64m

Nhà điều hành: 150m²;

Nhà làm việc : 100m².

Thiết bị chính trong nhà máy

Số tổ máy

04 tổ máy trực ngang

Công suất 04 tổ máy

3,2MW

Lưới đấu nối:

Nhà máy thủy điện Đak U dự kiến đấu nối với Hệ thống điện Quốc gia tại trụ 246 tuyến 473 Phước Long.

9.5 Đường giao thông vào nhà máy:

Đường mòn đến công trình khoảng 02km

10. Môi trường, đền bù, di dời và tái định cư:

Trong diện tích vùng ngập có thảm phủ thực vật trên lưu vực chiếm 65% chủ yếu là rừng cây và có khoảng 35% rừng đã khai phá trồng cây công nghiệp như cà phê, điều,...nên việc ảnh hưởng về môi trường là không đáng kể, việc đền bù ít và không có tái định cư vì đất chủ yếu do Lâm trường Đak O quản lý.

B. Nội dung hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình, bao gồm cả thiết kế cơ sở:

a) Các văn bản của cấp có thẩm quyền:

- Căn cứ văn bản số 3128/UBND-KSX ngày 12/8/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Phú Tân chủ đầu tư dự án xây dựng nhà máy thủy điện Đak U huyện Phước Long tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ văn bản số 88/CV/EVN-KH ngày 13/12/2006 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc đồng ý mua điện từ Nhà máy thủy điện Đak U huyện Phước Long tỉnh Bình Phước;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện Hà Nội do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần 2 ngày 02/6/2003, Giấy phép hoạt động Điện lực do Bộ Công nghiệp cấp ngày 1/7/2003, Chứng chỉ hành nghề của ông Dương Hồng Hải do Sở Xây dựng TPHCM cấp ngày 20/2/2005.

b) Tài liệu thiết kế:

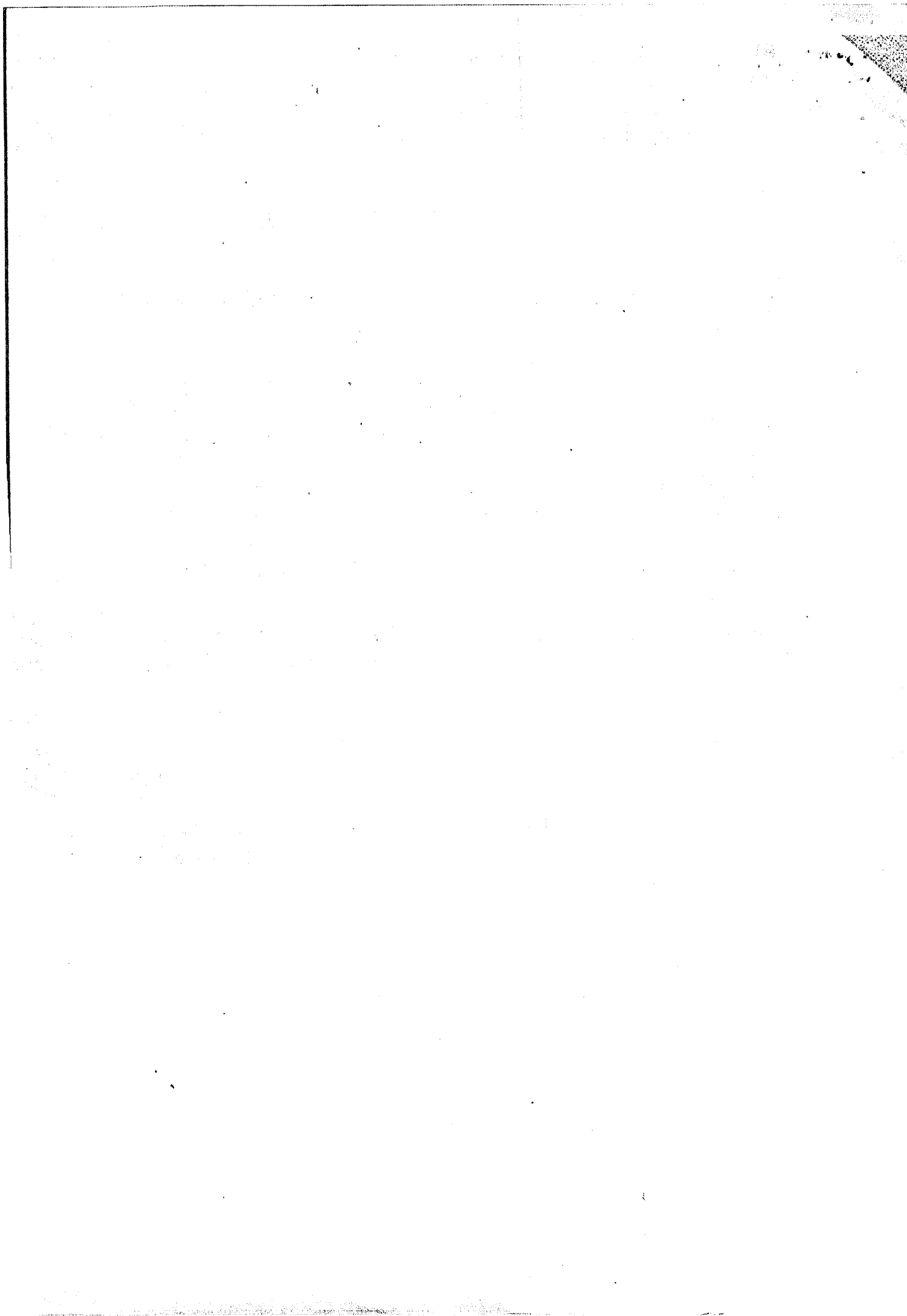
- Thuyết minh thiết kế cơ sở;

- Các bản vẽ thiết kế cơ sở;

- Thuyết minh dự án đầu tư;

- Thuyết minh tóm tắt dự án đầu tư.

C. Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở:



-Bố trí mặt bằng, tuyến công trình, các điểm đầu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật là hợp lý.

-Thiết kế cơ sở phù hợp với thuyết minh của dự án về quy mô xây dựng, công nghệ, công suất thiết kế, các số liệu sử dụng trong thiết kế.

-Các tiêu chuẩn được áp dụng trong các giải pháp thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn: TCXDVN 285:2002, QPLT 11.77, QPLT.C1.78, 14TCN 157-2005, QCXDVN III.

-Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện Hà Nội đủ điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề lập thiết kế cơ sở theo quy định.

-Ảnh hưởng về môi trường là không đáng kể, việc đền bù ít và không có tái định cư vì đất chủ yếu do BQLDA Rừng Phòng hộ Đak O quản lý.

D. Kết luận và kiến nghị:

Đạt yêu cầu về điện. Tuy nhiên chủ đầu tư cần bổ sung các vấn đề như sau:

-Do vùng ngập của dự án là 18ha có thảm phủ thực vật trên lưu vực chiếm 65% chủ yếu là rừng cây và có khoảng 35% rừng đã khai phá trồng cây công nghiệp như cà phê, điều nên đề nghị Chủ đầu tư liên hệ với UBND tỉnh để có ý kiến chính thức về vấn đề này.

-Hoàn chỉnh các thủ tục thu hồi đất và đền bù để UBND tỉnh xem xét giải quyết và các thủ tục về môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Khảo sát địa hình cho các hạng mục chính như tuyến kênh dẫn, bể áp lực, tuyến đường ống và vị trí nhà máy. Bổ sung các điểm tọa độ GPS hệ VN 2000 trong khu vực dự kiến đầu tư.

-Hồ sơ thoả thuận đầu nối với Đơn vị quản lý vận hành lưới điện theo qui định tại Quyết định số 37/2006/QĐ-BCN ngày 16/10/2006 của Bộ Công nghiệp. Sau khi có ý kiến thoả thuận đầu nối của Đơn vị quản lý vận hành lưới điện chủ đầu tư gửi hồ sơ về Sở Công nghiệp để thẩm định hạng mục công trình này.

-Sau có ý kiến chính thức của UBND tỉnh thì Chủ đầu tư tiến hành các bước tiếp theo theo qui định về quản lý đầu tư dự án, trên cơ sở các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh và thực hiện đúng cao trình : Đập đầu mỗi là 245m; đập tràn 242m; đặt nhà máy 166m.

Kết quả thẩm định này có giá trị 01 năm kể từ ngày ký, nếu Chủ đầu tư không hoàn chỉnh các thủ tục để khởi công xây dựng công trình thì Sở Công nghiệp sẽ tham mưu UBND tỉnh Bình Phước chấm dứt dự án để kêu gọi Chủ đầu tư khác triển khai dự án mà không cần thông báo cho Chủ đầu tư biết./.

Nơi nhận:

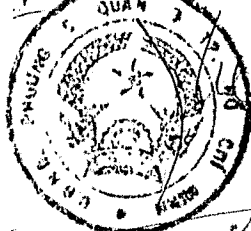
- UBND tỉnh (để b/c)
- Như trên (06 bộ);
- Lãnh đạo sở ;
- Lưu VT ; PQLB.

Chứng thực sao đúng với bản chính

Số chứng thực 10000/06 TP/CC-SC/SGT

Ngày 23-07-2007

CHỦ TỊCH UBND P. 3 - G. 3



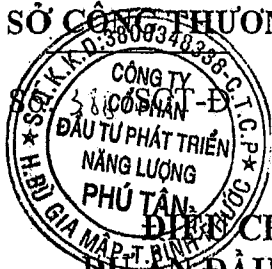
Ngô Lệ Xuân

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Hữu

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ CÔNG THƯƠNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Xoài, ngày 8 tháng 5 năm 2009

BẢN SAO

THÔNG BÁO
ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐẮK U

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 30/2006/QĐ-BCN ngày 31/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về quản lý đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập;

Xét Tờ trình số 05/CV-PT ngày 16/03/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân về việc đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở hiệu chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắc U (Kèm theo hồ sơ) do Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng điện Thành Đạt lập tháng 3/2009;

Xét hồ sơ hiệu chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắc U, Sở Công thương thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắc U như sau:

1. Các văn bản pháp lý :

Quyết định số 3454/QĐ-BCN ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc;

Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắc U, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước tại Công văn số 11/SCN-Đ ngày 12/02/2007 của Sở Công nghiệp (Nay là Sở Công thương);

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư thủy điện Đắc U, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 15/QĐ-KHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2007 của Công ty Cổ phần phát triển năng lượng Phú Tân;

Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – tổng dự toán công trình đầu tư xây dựng thủy điện Đắc U, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 20/QĐ-KHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Công ty Cổ phần phát triển năng lượng Phú Tân.

Sở Công Thương đã có công văn số 272/SCT-Đ ngày 09/04/2009 đóng góp ý kiến thẩm định điều chỉnh dự án thủy điện Đắc U ;

Giấy phép Hoạt động Điện lực số 823/GP-BCN ngày 15 tháng 03 năm 2007 của Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng điện Thành Đạt do Bộ Công nghiệp cấp;

2. Kết quả điều chỉnh thẩm định thiết kế cơ sở :

STT	Các Hạng mục	KQ thẩm định tại CV Số 11/SCN-Đ	KQ đề nghị Điều chỉnh
A	CÁC THÔNG SỐ CHÍNH		
I	Hồ chứa		
1	Mực nước dâng bình thường MNDBT	242m	232m
2	Mực nước chết MNC	239,5m	231
3	Mực nước gia cường MNGC (p=1,5%)	244,18m	234,66m
4	Mực nước kiểm tra MNKT (p=0,5%)	239,5m	234,24m
5	Dung tích toàn bộ Wtb	$0,816,16 \times 10^6 \text{m}^3$	$0,60 \times 10^6 \text{m}^3$
6	Dung tích chết We	$0,22296 \times 10^6 \text{m}^3$	$0,35 \times 10^6 \text{m}^3$
7	Dung tích hữu ích Whi	$0,5932 \times 10^6 \text{m}^3$	$0,25 \times 10^6 \text{m}^3$
8	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	$0,18 \text{Km}^2$	$0,28 \text{Km}^2$
II	Lưu lượng qua nhà máy		
1	Lưu lượng đảm bảo Qđb	$0,37 \text{m}^3/\text{s}$	$0,07 \text{m}^3/\text{s}$
2	Lưu lượng max qua nhà máy Qmax	$5,59 \text{m}^3/\text{s}$	$4,66 \text{m}^3/\text{s}$
3	Lưu lượng min qua nhà máy Qmin	$0,33 \text{m}^3/\text{s}$	$0,93 \text{m}^3/\text{s}$
III	Cột nước		
1	Cột nước lớn nhất Hmax	72,79m	66,27m
2	Cột nước nhỏ nhất Hmin	71,35m	61,92m
3	Cột nước tính toán Htt	71,83m	64,14m
IV	Mực nước hạ lưu nhà máy		
1	Mực nước min (ứng với $Q = 0,6.Q_{tk}$)		165m
2	Mực nước max		169,9m
V	Công suất		
1	Công suất lắp máy Nlm	3,2MW	2,4MW
2	Công suất đảm bảo Nđb tần suất p=80%	0,2106MW	0,04MW
VI	Điện lượng		
1	Điện lượng trung bình năm Etb	$11,57 \times 10^6 \text{KWh}$	$10,49 \times 10^6 \text{KWh}$
2	Điện lượng mùa khô	$5,58 \times 10^6 \text{KWh}$	$5,55 \times 10^6 \text{KWh}$
3	Điện lượng mùa mưa	$5,99 \times 10^6 \text{KWh}$	$4,94 \times 10^6 \text{KWh}$
4	Điện lượng đảm bảo	-	$0,33 \times 10^6 \text{KWh}$
5	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	3,616 giờ	4.371 giờ
VII	Tổng mức đầu tư sau thuế (tư vản lập)		51,5 tỷ đồng
B	CÔNG TRÌNH ĐẦU MÓI		
I	Tuyến áp lực		

1	Đập chính , kết cấu	Bê tông cốt thép	Bê tông cốt thép
	Cao trình đỉnh đập	245,00m	235,00m
	Chiều cao đập lớn nhất Hmax	13,2m	7,0m
	Chiều dài theo đỉnh đập (kể cả tràn)	-	78,2m
	Chiều rộng đỉnh đập	-	5m
2	Công trình xả lũ		
	Số khoang tràn	5	1
	Chiều rộng khoang tràn	50m	40m
	Cao trình ngưỡng tràn	242m	232m
	Cao trình đáy đập tràn	-	228m
	Lưu lượng xả max qua tràn (p=1,5%)	352,29m ³ /s	284,4m ³ /s
	Cột nước tràn	2,18m	1,84m
	Tiêu năng kiểu	-	Bật thực (tiêu năng mặt)
	Kích thước cổng xả cát (m x m)		1 x 1
II	Tuyến năng lượng		
1	Cửa lấy nước	Bê tông cốt thép	Bê tông cốt thép
	Cao trình ngưỡng	239,15m	227,4m
	Cao trình đỉnh	239,5	235m
	Số khoang	-	HPI cửa
	Kích thước (dài x rộng)	2,0m x 2,0m	1,3m x 1,3m
2	Kênh dẫn (tự điều tiết)		
	Kết cấu gia cố	Bê tông cốt thép	Bê tông cốt thép
	Lưu lượng thiết kế	-	4,66m ³ /s
	Bề rộng đáy	2m	2,5m
	Chiều dài	350m	450m
	Mái dốc	-	1,5
	Độ dốc đáy kênh	-	0,1%
	Cao trình đáy đầu kênh	-	229,5m
3	Đường ống áp lực	Thép đường ống gia công	Thép đường ống gia công
	Số nhánh chính	1	1
	Đường kính ống	1,4m	1,3m
	Bề dày thép đường ống	16mm	12mm
	Chiều dài	350m	212m
	Đoạn phân nhánh vào tổ máy		
	Số lượng nhánh	4	3

	Đường kính ống	0,8m	0,7m
	Bề dày thép đường ống	10mm	12mm
	Chiều dài đường ống	17,5m	30m
4	Nhà máy thủy điện		
	Kết cấu nhà máy có các thông số sau :		
	Chiều dài	45m	38,7m
	Chiều rộng	15m	9,2m
	Chiều cao		10,1m
	Bên trong nhà có các thiết bị chính như sau :		
	Số tổ máy	4	3
	Công suất đơn vị tổ máy	0,8MW	0,8MW
	Kiểu tổ máy	-	Francis-trục ngang
	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	5,59m ³ /s	4,66m ³ /s
	Cao trình đặt Turbin	-	167m
	Cao trình sàn gian máy	-	166,37m
	Cao trình sàn lắp máy	-	107,5m
5	Thiết bị phân phối lưới 22KV		
	Kiểu hợp bộ trong nhà	-	01 bộ
	Tổng mức đầu tư (tư vấn lập)	60,366 tỷ đồng	51,50 tỷ đồng

Các nội dung còn lại thực hiện theo Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắk U, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước tại Công văn số 11/SCN-Đ ngày 12/02/2007 của Sở Công nghiệp (Nay là Sở Công thương)

Đề nghị Chủ đầu tư :

Khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi phê duyệt điều chỉnh dự án. Vì trong Quyết định số : 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005 của Bộ Công nghiệp không có dự án thủy điện Đắk U.

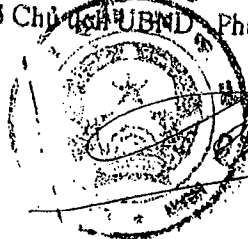
Cần sử dụng tư vấn có kinh nghiệm về thủy điện để thiết kế và thẩm định điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình theo phân cấp tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Nội nhân:

- Như trên ;
- Công ty Phú Tân (đặc biệt);
- Lưu VT ; PQLD.

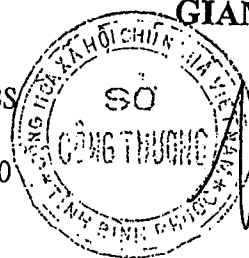
Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

Số chứng thực.....1122 Quyển số.....SCT/BS
Ngày.....2 tháng.....8 năm.....2010
Phó Chủ tịch UBND Phường 1 - Quận 10



Nguyễn Thanh Lâm

GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature and date)

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt công trình thủy điện Đắc U, tỉnh Bình Phước của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắc U và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắc U (có địa chỉ tại thôn Bù Ka, xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: thủy điện Đắc U.
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: phát điện.
3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: sông Đắc U, phụ lưu của sông Đắc Huýt (lưu vực sông Bé).
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:
 - Các xã Đắc Ô và Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
 - Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3°) các hạng mục chính của công trình:

TT	Hạng mục	Tọa độ	
		X	Y
1	Đập tràn	1326872	582971
2	Nhà máy thủy điện	1326810	582458

5. Chế độ khai thác: hồ chứa công trình thủy điện Đăk U hoạt động theo chế độ điều tiết ngày đêm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: công suất lắp máy là 2,4 MW, lưu lượng lớn nhất qua nhà máy thủy điện là 4,66 m³/s.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: công trình thủy điện Đăk U là công trình thủy điện kiểu đường dẫn, tuyến đập được xây dựng trên sông Đăk U, nước sau khi phát điện được xả trả lại sông Đăk U tại vị trí cách tuyến đập khoảng 0,7km về phía hạ lưu.

8. Thời hạn của Giấy phép là mười (10) năm.

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đăk U chỉ được phép khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Thực hiện đúng các quy định của Quy trình vận hành hồ chứa được cơ quan có thẩm quyền ban hành; tuân thủ theo lệnh vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán thiếu nước và các trường hợp khẩn cấp khác.

2. Hoàn thành hạng mục công trình xả dòng chảy tối thiểu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021 để bảo đảm duy trì lưu lượng xả thường xuyên, liên tục sau đập công trình thủy điện Đăk U không nhỏ hơn 0,07 m³/s như đã cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép. Khi có yêu cầu cấp nước gia tăng ở hạ du của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, phải vận hành công trình thủy điện Đăk U xả nước về hạ du theo yêu cầu.

3. Xây dựng quy chế và phương án phối hợp vận hành với đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa và các địa phương ở khu vực thượng, hạ du trong việc bảo đảm an toàn công trình, điều tiết giảm lũ, dòng chảy tối thiểu, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định, bảo đảm không gây lũ, lụt, ngập úng nhân tạo, thiếu nước ở hạ du và cung cấp, trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu vận hành của các công trình thủy điện trên sông Đăk U và sông Đăk Huýt.

4. Thực hiện việc lắp đặt camera và các thiết bị quan trắc tự động để thực hiện việc quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến mực nước hồ, lưu lượng phát điện của nhà máy, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu và giám sát định kỳ lưu lượng xả qua tràn theo quy định; kết nối, cập nhật số liệu quan trắc tại công trình vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

5. Bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; thực hiện quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác, sử dụng và việc xả dòng chảy tối thiểu hàng ngày, tháng, năm.

6. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu đập trước khi vận hành xả lũ qua tràn hoặc bắt đầu vận hành xả nước qua phát điện.

7. Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn, mưa lũ lớn, lũ ống, lũ quét, lũ bùn đá, sạt lở đất, các loại hình thiên tai và xây dựng phương án để bảo đảm vận hành công trình an toàn, đối phó với tình huống vỡ đập, các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân; có trách nhiệm hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình.

8. Trường hợp do vận hành công trình thủy điện Đăk U gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản và hoạt động sản xuất của người dân địa phương ở phía thượng và hạ lưu thì phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả kịp thời và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

9. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác, sử dụng nước của công trình thủy điện Đăk U khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

10. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng ở Trung ương, địa phương để có biện pháp xử lý.

11. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

12. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

13. Ngay sau khi hoàn thành hạng mục công trình xả dòng chảy tối thiểu, phải thông báo cho Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước và các cơ quan, đơn vị có liên quan để theo dõi, giám sát.

14. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuê tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

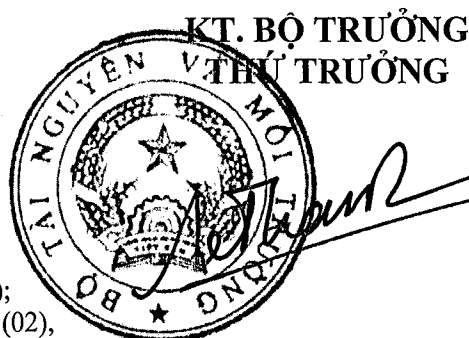
15. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của công trình thủy điện Đăk U và gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước theo quy định.

Điều 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đăk U được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2021. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắk U còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/cáo);
- UBND tỉnh Bình Phước;
- Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công Thương;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Phước;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- Công ty CP Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắk U (02);
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép mã TNN-NM-027.21 (02), VPMC Bộ TN&MT, TNN (02).



Lê Công Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2263/QĐ-UBND

Bù Gia Mập, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ
chứa thủy điện Đắk U (năm 2024 – 2025)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai
và Luật đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về
quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy
thủy điện;*

*Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/07/2019 của Bộ Công
Thương quy định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện;*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định
số 101/BC-KT&HT ngày 03/07/2024,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện Đắk U (năm 2024 - 2025) đề Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đắk U và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong quá trình quản lý, khai thác và vận hành.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế và Hạ Tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND xã Đắk Ô, UBND xã Phú Nghĩa và các ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện Đắk U ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ Tầng, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã Đăk Ô, Phú Nghĩa, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác thủy điện Đăk U và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT.UBND huyện;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CV: KT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH ✓



Đoàn Văn Chảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 22.25./QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Xoài, ngày 16 tháng 10 năm 2008.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất Ban QLRPH Bù Gia Phúc và Đăk Ô,
giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty CP Đầu tư và
Phát triển năng lượng Phú Tân để xây dựng công trình thủy điện Đăk U.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về
thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 331/TTr-
STNMT ngày 08/10/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Thu hồi 404.200,6 m² (Bốn trăm lẻ bốn ngàn hai trăm phẩy sáu mét
vuông) đất lâm nghiệp của Ban QLRPH Bù Gia Phúc và Đăk Ô, trong đó:

- Ban QLRPH Bù Gia Phúc: 76.256,1 m² tại xã Phú Nghĩa, huyện Phước
Long.

- Ban QLRPH Đăk Ô: 327.944,5 m² tại xã Đăk Ô, huyện Phước Long.

2. Giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty cổ phần Đầu tư
và Phát triển năng lượng Phú Tân để xây dựng công trình thủy điện Đăk U như
sau:

a. Giao đất với diện tích 181.662,2 m² (Một trăm tám mươi một ngàn sáu
trăm sáu mươi hai phẩy hai mét vuông) để quản lý vùng ngập của thủy điện Đăk
U, trong đó tại xã Phú Nghĩa: 60.308,3 m², tại xã Đăk Ô: 121.353,9 m².

b. Cho thuê đất và cấp GCNQSD đất với diện tích 222.538,4 m² (Hai trăm
hai mươi hai ngàn năm trăm ba mươi tám phẩy bốn mét vuông) để xây dựng Nhà
máy và công trình phụ trợ, trong đó tại xã Phú Nghĩa: 15.947,8 m², tại xã Đăk Ô:
206.590,6 m².

- Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo bản đồ địa chính tỷ lệ
1/2.000 do Trung tâm Kỹ thuật địa chính thực hiện ngày 03/10/2008.

- Mục đích sử dụng: Đất công trình năng lượng.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày ký Quyết định giao đất, cho thuê
đất.

- Giá thuê đất: Do Sở Tài chính xác định.

- Nguồn gốc đất: Thuộc đất của Ban QLRPH Bù Gia Phúc và Đăk Ô, đã được UBND tỉnh giao đất và cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 389/QĐ-UB và số 403/QĐ-UB ngày 19/3/2003.

Điều 2. Sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Phú Tân có trách nhiệm :

- Đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất, chấp hành đúng các quy định về quản lý và sử dụng đất.

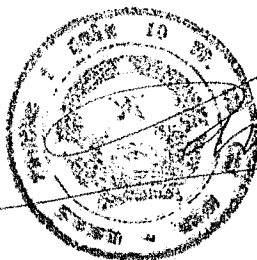
- Nộp các khoản lệ phí và tiền thuê đất theo quy định, đồng thời đến UBND xã Phú Nghĩa và xã Đăk Ô, huyện Phước Long để đăng ký biến động sử dụng đất.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý GCNQSD đất đã cấp cho Ban QLRPH Bù Gia Phúc và Đăk Ô; trao GCNQSD đất cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Phú Tân khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND huyện Phước Long, Chủ tịch UBND xã Phú Nghĩa, Chủ tịch UBND xã Đăk Ô, Giám đốc Ban QLRPH Bù Gia Phúc, Giám đốc Ban QLRPH Đăk Ô, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Phú Tân và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT.
 - Như điều 4.
 - LĐVP, CV: ~~S~~ chứng thực... Quyển số... 2 SCT/BS
 - Lưu: VT.
- Ngày... 3... tháng... 8... năm... 2003
- Phó Chủ tịch UBND - Phường 1 - Quận 10



Nguyễn Thanh Lâm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

M. CHỦ TỊCH



Bùi Văn Danh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 2457/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 14 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đak U

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND tỉnh ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ Quyết định số 285/2006/QĐ-TTg ngày 25/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện;

Căn cứ Thông tư 34/2010/TT-BCT ngày 07/01/2010 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập của các công trình thủy điện;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1523 /TTr-SCT-ĐN ngày 07/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đak U do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Phú Tân lập tháng 10/2014 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Phú Tân có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đak U được phê duyệt.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có điểm nào chưa phù hợp hoặc phát sinh so với tình hình thực tế, kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Công Thương để Sở Công Thương xem xét trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung.

3. Báo cáo định kỳ vào ngày 15 hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu gửi về UBND tỉnh, Sở Công Thương, Ban Chỉ huy phòng chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

Điều 3. Giao Sở Công Thương kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đak U.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Phú Tân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng: KTTH, KTN;
- Lưu: VT, (Quế.- 11.1.1).



Phạm Văn Công

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐAK U**

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA
THỦY ĐIỆN ĐAK U**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Tại Quyết định số 24.54/QĐ. UBND

Ngày 11 tháng 11 năm 2014.

Nhà máy Thủy điện Đak U

Bu Gia Mập, ngày 21 tháng 10 năm 2014

Địa chỉ: xã Đak O, huyện Bu Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0651

Fax: 0651

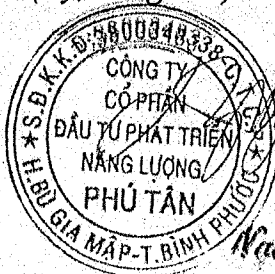
Năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐAK U**

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA
THỦY ĐIỆN ĐAK U**

**CÔNG TY CP ĐTPT NĂNG LƯỢNG
PHÚ TÂN**

(Ký, đóng dấu)



[Signature]
Nguyễn Văn Đức

**SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ký, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ký, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT Tại Quyết định số <u>2454/QĐ. UBND</u> Ngày <u>11</u> tháng <u>11</u> năm <u>.....</u>

Tháng 10/2014

QUY TRÌNH

Vận hành hồ chứa Thủy điện Đak U

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Mọi hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện Đak U phải tuân thủ:

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
2. Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão ngày 08/3/1993 và pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh phòng, chống lụt, bão ngày 24/8/2000;
3. Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;
4. Nghị định số: 08/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của pháp lệnh phòng, chống lụt, bão được sửa đổi, bổ sung ngày 24/8/2000;
5. Nghị định số: 143/2003/NĐ-CP ngày 28/01/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
6. Nghị định số: 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
7. Nghị định số: 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;
8. Căn cứ Quyết định số: 285/2006/QĐ-TTg ngày 25/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện;
9. Thông tư: 34/2010/TT-BCT ngày 07/01/2010 của bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập của các công trình thủy điện;
10. Các quy phạm hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Nhiệm vụ: Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Đak U nhằm đảm bảo các yêu cầu theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đầu mối thủy điện Đak U.
2. Cung cấp điện lên lưới điện Quốc gia phục vụ kinh tế, xã hội.
3. Đảm bảo môi trường sinh thái khu vực công trình.

Điều 3. Các thông số chính của công trình:

1. Tên công trình: Công trình thủy điện Đak U.

2. Địa điểm xây dựng: Trên suối Đak U thuộc khu vực xã Đak O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Cấp công trình: Công trình cấp IV theo TCXD VN 285 - 2002.

4. Thông số kỹ thuật chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
I	Đặc trưng lưu vực		
1	Diện tích lưu vực	km ²	60
2	Dòng chảy lũ kiểm tra 0,5%	m ³ /s	282,40
3	Dòng chảy lũ thiết kế 1,5%	m ³ /s	243,77
II	Thông số hồ chứa		
1	Mức nước dâng bình thường (MNDBT)	m	232
2	Mức nước dâng gia cường	m	234,66
3	Mức nước chết	m	231
4	Diện tích mặt hồ ở MNDBT	Km ²	0,28
5	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	0,25
6	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	0,60
III	Đập chính, kết cấu		
1	Hình thức:	Bê tông cốt thép	
2	Chiều dài theo đỉnh đập (kể cả tràn)	m	78,2
3	Chiều cao đỉnh đập	m	7
4	Chiều rộng đỉnh đập	m	5
5	Cao trình đỉnh đập	m	235
IV	Cửa nhận nước:		
1	Hình thức:	Bê tông cốt thép	
2	Cao trình ngưỡng	m	227,4
3	Cao trình đỉnh	m	235
4	Số khoang	khoang	1
5	Kích thước (dài x rộng)	m x m	1,3 x 1,3
V	Kênh dẫn		
1	Hình thức:	Bê tông cốt thép	
2	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	4,66
3	Bề rộng đáy	m	2,5
4	Chiều dài	m	450
5	Mái dốc	m	1,5
6	Độ dốc đáy kênh	%	0,1
7	Cao trình đáy đầu kênh	m	229,5
VI	Đường ống áp lực		
1	Số nhánh chính		1
2	Đường kính ống	m	1,3
3	Bề dày thép đường ống	mm	12
4	Chiều dài	m	212
	Đoạn phân nhánh vào tổ máy		
5	Số lượng nhánh	Nhánh	3

6	Đường kính ống	m	0,7
7	Bề dày thép đường ống	mm	12
8	Chiều dài đường ống	m	30
VII Nhà máy thủy điện			
1	Lưu lượng lớn nhất ($Q_{\max}$)	m^3/s	4,66
2	Lưu lượng đảm bảo (Q_{db})	m^3/s	0,77
3	Kiểu turbin		Francis-trục ngang
4	Công suất lắp máy	MW	2,4
5	Số tổ máy	Tổ	3 x 0,8kw

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM VỤ CHỐNG LŨ

Điều 4. Quy định về thời kỳ lũ:

Để an toàn chống lũ và phát điện, quy định 3 thời kỳ vận hành trong mùa lũ như sau:

- a/ Thời kỳ lũ sớm : Từ 01 tháng 6 đến 31 tháng 7.
- b/ Thời kỳ lũ chính vụ: Từ 01 tháng 8 đến 31 tháng 10.
- c/ Thời kỳ lũ muộn : Từ 01 tháng 11 đến 31 tháng 12.

Điều 5. Vận hành hồ chứa thủy điện Đak U trong thời kỳ mùa lũ.

- Hồ thủy điện Đak U có dung tích không lớn, tràn xả mặt tự do, không có van xả lũ nên không có khả năng điều tiết lũ, cắt lũ, phân lũ. Lưu lượng lũ vào hồ được ưu tiên sử dụng để phát công suất tối đa có thể được của nhà máy thủy điện, phần lưu lượng lũ còn lại tự xả qua đập tràn khi mực nước hồ vượt qua cao trình tràn.

- Công tác chuẩn bị phòng, chống lũ: Ban chỉ huy phòng chống lụt bão nhà máy thủy điện Đak U chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác phòng chống lụt bão. Theo dõi chặt chẽ tình hình khí tượng thủy văn, kiểm tra thực tế tình trạng thiết bị và công trình, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết. Hàng năm vào đầu mùa mưa lũ chuẩn bị báo cáo và tổ chức triển khai công tác phòng chống lụt bão theo đúng quy định.

Điều 6. Hiệu lệnh thông báo xả nước

1. Khi đập tràn đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi kéo dài 20 giây cách nhau 10 giây.

2. Khi đập tràn ở trạng thái xả mà tăng thêm lưu lượng xả thì kéo 3 hồi còi dài 20 giây cách nhau 10 giây.

3. Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần phải xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình thì kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 5 giây, sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả.

4. Khi đập tràn kết thúc xả nước xuống hạ lưu thì kéo 1 hồi còi dài 30 giây.

5. Trong thời gian lưu vực sông đang có lũ, trước khi xả nước qua các tổ máy phát điện với lưu lượng thiết kế m^3/s , tại khu vực nhà máy kéo 4 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

Điều 7. Phối hợp vận hành giữa các công trình thủy điện trên bậc thang.

Trong quá trình vận hành công trình thủy điện Đak U, phải thường xuyên liên lạc và cập nhật thông tin của các công trình thủy điện trên cùng bậc thang để có chế độ vận hành tối ưu và an toàn.

Chương III

VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH ĐIỀU TIẾT NƯỚC PHÁT ĐIỆN VÀ ĐẢM BẢO DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG HẠ DU

ĐIỀU 8. Chế độ làm việc của nhà máy thủy điện Đak U.

1. Nguyên tắc chung: Phải tuân thủ phương thức huy động của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia và các cơ quan điều độ hệ thống điện theo phân cấp và hợp đồng mua bán điện giữa Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân và đơn vị mua điện.

2. Hồ chứa thủy điện Đak U làm việc theo chế độ điều tiết ngày đêm. Trong điều kiện bình thường, duy trì mực nước hồ ở mức cao để phát điện.

3. Trong quá trình vận hành công trình thủy điện Đak U điều tiết nước phát điện, phải thường xuyên liên lạc và cập nhật thông tin của các công ty thủy điện trên cùng bậc thang để có chế độ vận hành tối ưu.

Điều 9. Vận hành công trình bảo đảm dòng chảy sinh thái và môi trường hạ du: Để bảo đảm dòng chảy sinh thái và môi trường hạ du. Việc vận hành hồ chứa phải đảm bảo các yêu cầu dòng chảy tối thiểu theo quy định về cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC VẬN HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của Tổng Giám Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân:

1. Ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong Quy trình này.

2. Trường hợp xảy ra những tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng quy trình vận hành, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân phải triển khai ngay các biện pháp đối phó phù hợp, đồng thời báo cáo Sở Công thương và UBND tỉnh Bình Phước, Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập và thông báo cho các chủ đập ở thượng lưu, hạ lưu công trình thủy điện Đak U biết để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

3. Sau mùa lũ hàng năm, lập báo cáo tổng kết gửi Sở Công Thương tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh Bình Phước về việc thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đak U, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết.

4. Thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão nhà máy thủy điện Đak U. Cơ cấu, thành phần tối thiểu như sau:

a/ Tổng Giám đốc: Trưởng ban - chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung.

b/ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc xí nghiệp thủy điện Đak U làm phó trưởng ban.

c/ Phó Giám đốc kỹ thuật xí nghiệp Thủy điện làm thư ký thường trực.

d/ 03 ủy viên phụ trách kỹ thuật, vận hành, hành chính.

Điều 11. Trách nhiệm của Trưởng ban chỉ huy phòng chống lụt, bão nhà máy thủy điện Đak U:

1. Chịu trách nhiệm về công tác phòng chống lụt bão cho công trình và hạ du, cụ thể:

a/ Tổ chức thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn.

b/ Kiểm tra tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để bảo đảm tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

c/ Thi hành lệnh của Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn tỉnh Bình Phước.

d/ Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

2. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá nhân sự và toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

a/ Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa.

b/ Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành chống lũ.

c/ Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới bảo đảm vận hành an toàn của các tổ máy phát điện.

d/ Các nguồn cung cấp điện.

e/ Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.

f/ Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.

g/ Phối hợp với các cơ quan địa phương của tỉnh Bình Phước để thông báo và tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác phòng chống lụt bão của hồ chứa thủy điện Đak U, đặc biệt là với các hộ dân sống gần hạ lưu công trình.

3. Sau mùa lũ, Trưởng Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão nhà máy thủy điện Đak U phải tiến hành các công tác sau:

a/ Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn của công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn.

b/ Phối hợp với cơ quan chức năng địa phương kiểm tra thiệt hại vùng hạ du (nếu có).

c/ Lập báo cáo diễn biến lũ.

d/ Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn công trình và thiết bị.

e/ Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước kết quả thực hiện những công tác trên.

4. Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước các số liệu về hồ chứa Đak U của tất cả các lần quan trắc đo đạc trong suốt thời gian làm nhiệm vụ giám sát lũ:

a/ Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ.

b/ Lưu lượng vào hồ, lưu lượng xả, lưu lượng tháo qua tua bin.

c/ Trạng thái làm việc của công trình.

Điều 12. Trách nhiệm về an toàn công trình.

1. Lệnh vận hành hồ thủy điện Đak U nếu trái với các quy định trong Quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân có trách nhiệm xử lý sự cố kịp thời, đồng thời báo cáo Sở Công Thương Bình Phước, UBND tỉnh Bình Phước và Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước và thông báo cho các chủ đập ở hạ lưu công trình để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

3. Tháng 4 hàng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ. Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để bảo đảm vận hành theo chế độ làm việc quy định đồng thời báo cáo Sở Công Thương Bình Phước, UBND tỉnh Bình Phước và Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước để theo dõi, chỉ đạo.

Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 01 tháng 6, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân có biện pháp xử lý kịp thời và báo cáo Sở Công Thương Bình Phước, UBND tỉnh Bình Phước và Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước và thông báo cho các chủ đập ở hạ lưu công trình để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

Điều 13. Phương thức thông tin, báo cáo vận hành.

- Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành của hồ chứa thủy điện Đak U đều phải thực hiện bằng văn bản, Fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển bản tin qua mạng Internet, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

Điều 14. Chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đak U.

- Trong trường hợp chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đak U từ Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng

Phú Tân sang một đơn vị khác, các quy định về trách nhiệm của Công ty và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân trong quy định này sẽ được quy định cho đơn vị và thủ trưởng đơn vị được chuyển giao.

- Tất cả các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đak U đều phải giao nộp cho UBND tỉnh Bình Phước để thống nhất theo dõi, chỉ đạo.

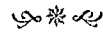
Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đak U.

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ thủy điện Đak U, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân, thủ trưởng các đơn vị liên quan phải kiến nghị bằng văn bản cho Sở Công Bình Phước để xem xét, và trình UBND Tỉnh quyết định.

Đak Ô, ngày tháng 10 năm 2014

CÔNG TY CPĐT PT NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 199-ASNTB/HĐKT-CTNH/2024

**“V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và chất
thải nguy hại”**

=====

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp với mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.089.1X;

- Căn cứ nhu cầu, chức năng và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 11 năm 2024, tại văn phòng Công Ty CP Đầu Tư Khai Thác Thủy Điện Đắk U, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U

Đại diện : Ông **TRẦN THẾ SƠN** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Thôn Bù Ka, xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
Điện thoại : 0974.077.685
Mã số thuế : 3801172616
Số tài khoản : 114002687063 tại Ngân hàng Vietinbank_CN Bình Phước

BÊN B : CÔNG TY TNHH TM&XD AN SINH

Đại diện : Ông **NGUYỄN VĂN THÀNH** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ VP : Tổ 1, phường Lâm Hà, quận Kiến An, Tp Hải Phòng, Việt Nam.
Mã số thuế : 0200576224
Địa chỉ CN : 79, Nguyễn Công Trứ, P. Tư An, TP Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Đ/c NMXL : Thôn Phú Hải, xã Đại Hiệp, H. Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam
Điện thoại : 02633 56 1235

Tài khoản : 117002688209 Tại NH Công thương Việt Nam Chi Nhánh Bắc Hải Phòng (Chi nhánh Tô hiệu cũ)

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1.1. Nội dung hợp đồng: Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại và chất thải nguy hại (CTNH) các loại CTNH phát sinh của bên A nằm trong danh mục CTNH mà bên B được phép xử lý.

1.2. Thời gian thực hiện: Thực hiện thu gom, vận chuyển theo yêu cầu của bên A. Khi có nhu cầu thu gom Bên A phải báo trước 05 ngày bằng điện thoại, email, fax hoặc khi đi thu gom định kỳ Bên B sẽ báo trước 02 ngày.

1.3. Địa điểm thu gom CTNH: Nhà máy Thủy điện Đắc U – Thôn Bù Ka, xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dụng vận chuyển CTNH.

1.5. Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 23 tháng 11 năm 2024 đến ngày 23 tháng 11 năm 2025.

1.6. Tần suất thu gom: 01 lần/thời hạn hợp đồng.

1.7. Phương thức giao nhận: Tại kho lưu trữ CTNH của bên A, hai bên sẽ xác định khối lượng đối với từng mã CTNH, lập biên bản giao nhận CTNH, lập chứng từ chất thải nguy hại để làm cơ sở cho việc thanh toán và quản lý CTNH.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

2.1.1. Phân loại, bảo quản và lưu trữ CTNH trong thiết bị lưu chứa phù hợp theo từng loại CTNH riêng biệt theo quy định. Các loại chất thải khi giao phải được đóng gói bao bì cẩn thận (việc đóng gói và bao bì đóng gói do bên A chịu trách nhiệm) và tập trung tại một điểm duy nhất.

2.1.2. Khi chuyển giao CTNH cho bên B, Bên A phải thống nhất thông tin trên các chứng từ chuyển giao CTNH do Bên B phát hành. Chứng từ chuyển giao phải được ghi rõ ràng, đầy đủ các thông tin và ký tên đóng dấu của bên A.

2.1.3. Xác nhận số lượng, khối lượng vận chuyển chất thải bằng biên bản giao nhận.

2.1.4. Giao chất thải nguy hại đúng thời hạn theo Hợp đồng.

2.1.5. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu đề lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng.

2.1.6. Bên A tự chịu trách nhiệm đối với các chất thải nguy hại không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

2.2.1. Hướng dẫn bên A phân loại, bảo quản và lưu trữ CTNH trong thiết bị lưu chứa phù hợp theo từng loại CTNH riêng biệt theo quy định.

2.2.2. Chịu trách nhiệm trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ điểm tiếp nhận chất thải của bên A đến khu xử lý CTNH của bên B.

2.2.3. Bên B có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải nguy hại không nằm trong danh mục chất thải nguy hại được quy định trong hợp đồng này cũng như CTNH chưa được lưu chứa.

2.2.4. Bên B phát hành bộ chứng từ CTNH và bàn giao chứng từ CTNH sau khi đã xử lý xong cho bên A.

2.2.5. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tư cách pháp nhân và hồ sơ pháp lý trong việc ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

ĐIỀU 3: TỔNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC TẠM ỨNG, THANH TOÁN.

3.1. Danh mục và đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng chi tiết theo Phụ lục đính kèm Hợp đồng.

3.2. Hình thức tạm ứng, thanh toán: Chia thành 2 đợt.

- **Đợt 1:** Bên A tạm ứng 50% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày khi hợp đồng được ký và bên A nhận được 01 bản gốc giấy đề nghị tạm ứng của bên B.

- **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho bên B 50% giá trị hợp đồng còn lại và số tiền vượt khoản phát sinh (nếu có) trong thời hạn 10 ngày sau khi bên A nhận được:

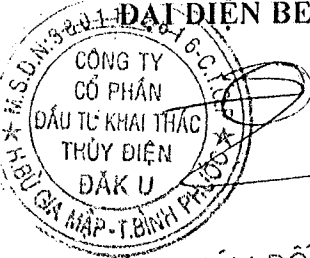
- + Công văn đề nghị thanh toán của bên B.
- + Biên bản giao nhận CTNH và chứng từ CTNH (liên 3,4).
- + Hóa đơn GTGT theo quy định.

Trong trường hợp bên A không phát sinh CTNH hoặc bên A không yêu cầu thu gom theo kế hoạch thu gom của bên B, khi hết hạn hợp đồng thì bên A phải chịu phí duy trì hợp đồng là **6.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu triệu đồng)**. Chi phí này chưa bao gồm thuế VAT.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1. Mọi sửa đổi, bổ sung hay chấm dứt hợp đồng đều phải được thông báo trước cho các bên ít nhất 30 ngày và phải được thống nhất bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.
- 4.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh sẽ giải quyết bằng thương lượng và hoà giải trên tinh thần hợp tác giữa các bên.
- 4.3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.
- 4.4. Khi hợp đồng hết thời hạn xem như là bản thanh lý khi 2 bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng.
- 4.5. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, bên A giữ 02 (hai) bản và bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thế Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thành

L.7.2
G. TY
H. AN
H. AI
T. DI
C. U
T. BINH

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ SỐ 01

(Phụ lục đính kèm hợp đồng số 199-ASNTB/HĐKT-CTNH/2024 ký ngày 23/11/2024)

Phạm vi thực hiện và giá trị hợp đồng chi tiết

STT	Danh mục chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng khoán (kg)	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú			
Chất thải nguy hại									
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	≤ 700 kg/năm	16.000.000	Đã bao gồm chi phí vận chuyển cho 1 lần/thời hạn hợp đồng			
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03						
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01						
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06						
5	Thiết bị linh kiện điện tử thải (Bóng đèn Led,...)	Rắn	16 01 13						
6	Các loại CTNH khác nằm trong danh mục bên B được phép xử lý	-	-						
Chất thải công nghiệp phải kiểm soát									
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03						
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02						
3	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01						
4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04						
5	Sơn, mực thải	Rắn	16 01 09						
6	Bao bì BVTV cứng thải	Rắn	14 01 06						
7	Bao bì BVTV mềm thải	Rắn	14 01 05						
Chất thải công nghiệp thông thường									
1	Lốp xe ô tô	Rắn	15 01 10						
2	Bao bì giấy carton	Rắn	12 08 03						
3	Kính vỡ	Rắn	11 02 03						
TỔNG GIÁ TRỊ ĐÃ BAO GỒM THUẾ VAT 8%							16.000.000		

(Bằng chữ: Mười sáu triệu đồng)

Ghi chú:

- Đơn giá trên áp dụng cho khối lượng bàn giao CTNH phát sinh ≤ 700 kg/01 lần thu gom/năm. Nếu khách hàng thực hiện bàn giao CTNH có khối lượng vượt quá số kg quy định thì sẽ tính thêm lượng chất thải vượt là 20.000 VNĐ/kg.

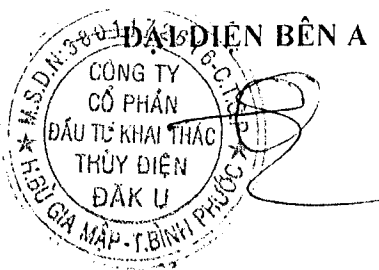
- Nếu khách hàng yêu cầu thực hiện vận chuyển lần thứ 2 trở lên, chi phí vận chuyển sẽ được tính là 3.000.000 đồng/chuyến.

- Khối lượng được xác định dựa trên biên bản giao nhận CTNH được hai bên ký nhận.

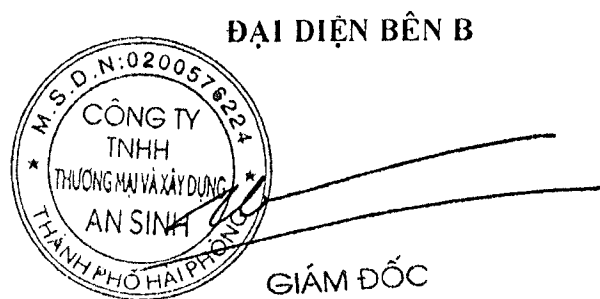
- Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Chất thải nguy hại được xử lý theo đúng phương pháp đã đăng ký tại giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.089.VX do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH TM&XD An Sinh và những văn bản pháp lý có liên quan.

- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày kí và là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 199-ASNTB/HĐKT-CTNH/2024 ký ngày 23/11/2024.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thế Sơn



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thành



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐC: QL 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Điện thoại/fax: 02713.665566
Email: cermbinhphuoc@gmail.com

VIMCERTS 246

Số: 1751/2024/PKQPT

Bình Phước, ngày 23 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa chỉ: xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Phòng Quan trắc và Phân tích Môi trường, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường
- Kế hoạch lấy mẫu: theo hợp đồng số 33/HĐ-QTTNMT ký ngày 30/9/2024
- Ngày lấy mẫu: 14/10/2024
- Điều kiện môi trường lấy mẫu: Trời nắng.
- Loại mẫu: Vi khí hậu Số lượng: 03
- Ngày nhận mẫu: 14/10/2024
- Kí hiệu mẫu:

Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp đo/lấy mẫu
14.10.KK01	Không khí tại khu vực văn phòng	Theo phương pháp phân tích
14.10.KK02	Không khí tại khu vực kênh dẫn nước cách tua bin khoảng 100m	
14.10.KK03	Không khí tại khu vực nhà máy thủy điện	

11. Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				14.10.KK01	14.10.KK02	14.10.KK03
1.	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,6	31,1	31,8
2.	Độ ẩm(*)	%		72,1	70,8	68,4
3.	Vận tốc gió(*)	m/s		0,5	0,6	0,2

Ghi chú: (1) - Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm đo, mẫu thử; (2) - MDL: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện; (3) - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu mẫu vi sinh, không khí, khí thải; (4) - Đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS; (5) - Đánh dấu (**) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS và đã được công nhận ISO/IEC 17025:2017; (6) - Đánh dấu (°) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (7) - Việc sao chép kết quả phân tích này chỉ có giá trị khi được sao chép toàn bộ, không được sao chép một phần kết quả phân tích này khi chưa được sự đồng ý của Trung tâm.

PT. Phòng QT & PTMT

Chu Ngọc Tuấn



Giám đốc

Nguyễn Đức Cửu



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐC: QL 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Điện thoại/fax: 02713.665566
Email: cermbinhphuoc@gmail.com

VIMCERTS 246

Số: 1752/2024/PKQPT

Bình Phước, ngày 23 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa chỉ: xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Phòng Quan trắc và Phân tích Môi trường, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường
- Kế hoạch lấy mẫu: theo hợp đồng số 33/HĐ-QTTNMT ký ngày 30/9/2024
- Ngày lấy mẫu: 14/10/2024
- Điều kiện môi trường lấy mẫu: Trời nắng.
- Loại mẫu: Không khí
- Ngày nhận mẫu: 14/10/2024
- Kí hiệu mẫu:

Số lượng: 03

Ngày thử nghiệm: 14-22/10/2024

Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp đo/lấy mẫu
14.10.KK01	Không khí tại khu vực văn phòng	Mẫu nguyên vẹn, dán kín	Theo phương pháp phân tích
14.10.KK02	Không khí tại khu vực kênh dẫn nước cách tua bin khoảng 100m	Mẫu nguyên vẹn, dán kín	
14.10.KK03	Không khí tại khu vực nhà máy thủy điện	Mẫu nguyên vẹn, dán kín	

11. Kết quả phân tích:

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo/ phân tích	Kết quả		
				14.10. KK01	14.10. KK02	14.10. KK03
01	Tiếng ồn ^(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	54,8	56,3	78,7
02	Bụi ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	34	41	35
03	SO ₂ ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	21	27	25
04	NO ₂ ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	19	24	22
05	CO ^(*)	µg/Nm ³	SOP 02	3.734	4.509	4.224

Ghi chú: (1) - Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm đo, mẫu thử; (2) - MDL: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện; (3) - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu mẫu vì sinh, không khí, khí thải; (4) - Đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS; (5) - Đánh dấu (**) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS và đã được công nhận ISO/IEC 17025:2017; (6) - Đánh dấu ^(*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (7) - Việc sao chép kết quả phân tích này chỉ có giá trị khi được sao chép toàn bộ, không được sao chép một phần kết quả phân tích này khi chưa được sự đồng ý của Trung tâm.

PT. Phòng QT & PTMT

Chu Ngọc Tuấn



Giám đốc

Nguyễn Đức Cường



Số: 1753/2024/PKQPT

Bình Phước, ngày 23 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa chỉ: xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Phòng Quan trắc và Phân tích Môi trường, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường
- Kế hoạch lấy mẫu: theo hợp đồng số 33/HĐ-QTTNMT ký ngày 30/9/2024
- Ngày lấy mẫu: 14/10/2024
- Điều kiện môi trường lấy mẫu: Trời nắng.
- Loại mẫu: Nước mặt Số lượng: 03
- Ngày nhận mẫu: 14/10/2024 Ngày thử nghiệm: 14-22/10/2024
- Kí hiệu mẫu:

Kí hiệu mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp lấy mẫu
14.10.NM01	Nước mặt	Tại kênh dẫn nước cách tua bin khoảng 100 m	Mẫu nước vàng nhạt, có cặn, không có rác nổi	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 5994-1995 TCVN 6663-6:2018 TCVN 8880:2011
14.10.NM02	Nước mặt	Tại điểm xả thải của nhà máy thủy điện (suối Đăk U)	Mẫu nước vàng nhạt, có cặn, không có rác nổi	
14.10.NM03	Nước mặt	Tại suối Đăk U cách điểm xả thải 100 m về phía hạ nguồn	Mẫu nước vàng nhạt, có cặn, không có rác nổi	

11. Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				14.10. NM01	14.10. NM02	14.10. NM03
1.	pH(**)	--	TCVN 6492 : 2011	6,51	6,38	6,45
2.	DO(*)	mg/L	TCVN 12026:2018	4,87	4,77	4,8
3.	TSS(**)	mg/L	TCVN 6625:2000	38	16	21
4.	COD(**)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	11	11	10
5.	BOD ₅ (*)	mg/L	TCVN 6001 – 1: 2008	6	6	5
6.	Tổng Nito (**)	mg/L	TCVN 6638:2000	1,6	1,2	1,1



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐC: QL 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Điện thoại/fax: 02713.885586

Email: cermbinhphuoc@gmail.com



VIMCERTS 246

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				14.10. NM01	14.10. NM02	14.10. NM03
7.	Tổng Photphor(**)	mg/L	SMEWW 4500P.B&D:2017	0,40	0,27	0,14
8.	Fe(**)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL =0,03)	0,09	KPH (MDL =0,03)
9.	Cu(**)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)
10.	Zn(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)
11.	Coliform(*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	340	1.300	330

Số: 1753/2024/PKQPT

Ghi chú: (1) - Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm đo, mẫu thử; (2) - MDL: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện; (3) - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu mẫu vì sinh, không khí, khí thải; (4) - Đánh dấu () là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS; (5)- Đánh dấu (**) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS và đã được công nhận ISO/IEC 17025:2017; (6) - Đánh dấu (°) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (7) - Việc sao chép kết quả phân tích này chỉ có giá trị khi được sao chép toàn bộ, không được sao chép một phần kết quả phân tích này khi chưa được sự đồng ý của Trung tâm.*

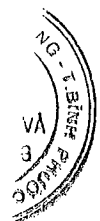
PT. Phòng QT & PTMT

Chu Ngọc Tuấn



Giám đốc

Nguyễn Đức Cửu





Số: 1753/2024/PKQPT

Bình Phước, ngày 23 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK U
- Địa chỉ: xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Phòng Quan trắc và Phân tích Môi trường, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường
- Kế hoạch lấy mẫu: theo hợp đồng số 33/HĐ-QTTNMT ký ngày 30/9/2024
- Ngày lấy mẫu: 14/10/2024
- Điều kiện môi trường lấy mẫu: Trời nắng.
- Loại mẫu: Nước mặt
- Ngày nhận mẫu: 14/10/2024
- Số lượng: 03
- Ngày thử nghiệm: 14-22/10/2024
- Kí hiệu mẫu:

Kí hiệu mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp lấy mẫu
14.10.NM01	Nước mặt	Tại kênh dẫn nước cách tua bin khoảng 100 m	Mẫu nước vàng nhạt, có cặn, không có rác nổi	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 5994-1995 TCVN 6663-6:2018 TCVN 8880:2011
14.10.NM02	Nước mặt	Tại điểm xả thải của nhà máy thủy điện (suối Đăk U)	Mẫu nước vàng nhạt, có cặn, không có rác nổi	
14.10.NM03	Nước mặt	Tại suối Đăk U cách điểm xả thải 100 m về phía hạ nguồn	Mẫu nước vàng nhạt, có cặn, không có rác nổi	

11. Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				14.10. NM01	14.10. NM02	14.10. NM03
1.	pH(**)	--	TCVN 6492 : 2011	6,51	6,38	6,45
2.	DO(*)	mg/L	TCVN 12026:2018	4,87	4,77	4,8
3.	TSS(**)	mg/L	TCVN 6625:2000	38	16	21
4.	COD(**)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	11	11	10
5.	BOD ₅ (*)	mg/L	TCVN 6001 – 1: 2008	6	6	5
6.	Tổng Nito (**)	mg/L	TCVN 6638:2000	1,6	1,2	1,1



VIMCERTS 246

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				14.10. NM01	14.10. NM02	14.10. NM03
7.	Tổng Photphor (**)	mg/L	SMEWW 4500P.B&D:2017	0,40	0,27	0,14
8.	Fe(**)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL =0,03)	0,09	KPH (MDL =0,03)
9.	Cu(**)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)
10.	Zn(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)	KPH (MDL =0,02)
11.	Coliform(*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	340	1.300	330

Số: 1753/2024/PKQPT

Ghi chú: (1) - Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm đo, mẫu thử; (2) - MDL: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện; (3) - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu mẫu vi sinh, không khí, khí thải; (4) - Đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS; (5)- Đánh dấu (**) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS và đã được công nhận ISO/IEC 17025:2017; (6) - Đánh dấu (i) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (7) - Việc sao chép kết quả phân tích này chỉ có giá trị khi được sao chép toàn bộ, không được sao chép một phần kết quả phân tích này khi chưa được sự đồng ý của Trung tâm.

PT. Phòng QT & PTMT

Chu Ngọc Tuấn



Nguyễn Đức Cửu



Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

I. Thửa đất:

- Thửa đất số: , tờ bản đồ số: ;
- Địa chỉ: Xã Đak O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ;
- Diện tích: 206.590,6 m² ;
(Bằng chữ: Hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm chín mươi sáu mét vuông).
- Hình thức sử dụng: riêng 206.590,6 m², chung: Không m²;
- Mục đích sử dụng: Đất công trình năng lượng.
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 16/10/2058 ;
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy thủy điện Đak U.

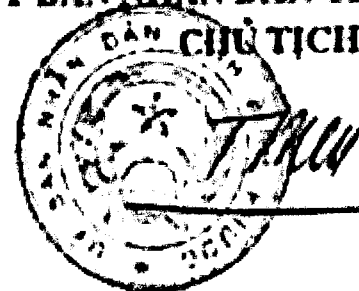
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
01 Nhà máy thủy điện	+	2.40 MW	+	IV	+	+	+
02 Nhà vận hành thủy điện	356,04	356,04	Cột, vì kèo, sàn bê tông đúc, tường xây gạch + vữa trát, mái lợp tôn, cửa nhôm	IV	01	+	+
03 Nhà điều hành thủy điện	210,00	210,00	Tường xây gạch, mái lợp tôn, cửa lợp gạch ceramic	IV	01	+	+

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

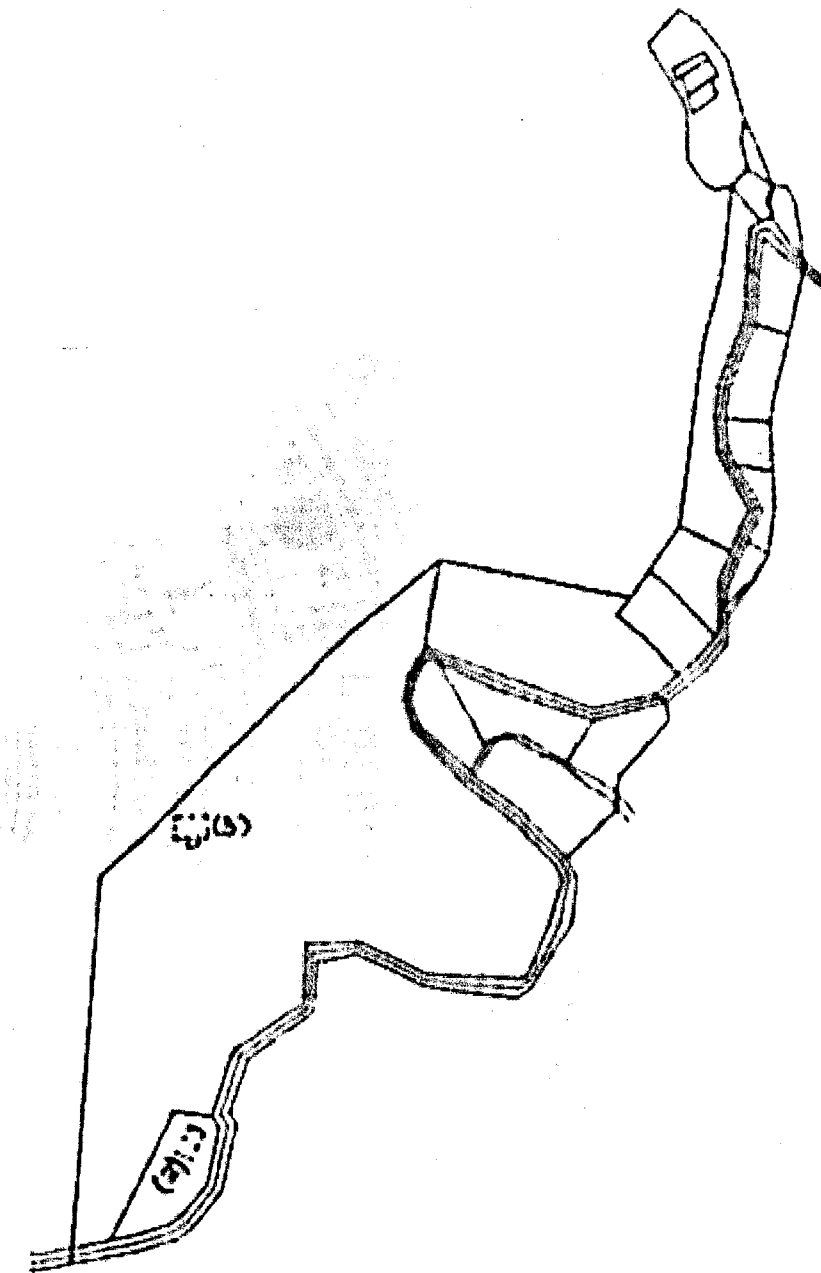
Bình Phước, ngày 28 tháng 7 năm 2011
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC



Trương Tấn Thiệu

Số văn bản cấp GCN: CT.002.183

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



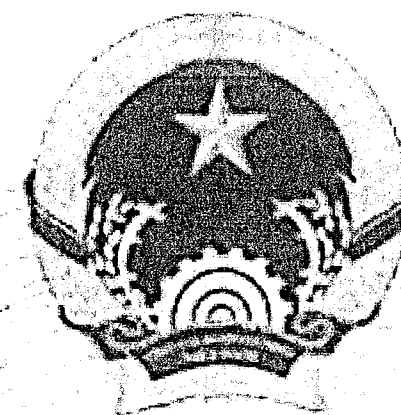
(có bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 kèm theo)

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đổi tên từ "Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân" thành "Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắk U. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801172616 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 1 ngày 22/11/2018; Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bù Ka, xã Đắk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo Hồ sơ Đăng ký biến động ngày 03/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắk U/.	11/07/2019 GIAM ĐỐC <i>[Signature]</i> <i>[Stamp]</i> <i>Võ Duy Hải</i>

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800348338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 27/5/2011.

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Đắk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

BD 75239C

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần hai ngày 22/6/2008.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

(Có bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 kèm theo)

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 00 2. Tờ bản đồ số: 00
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

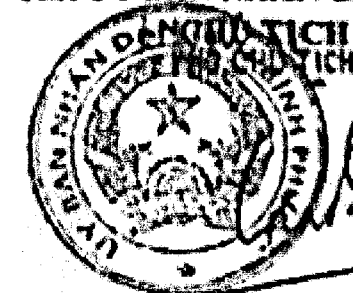
4. Diện tích: 15.947,8 m²
Bằng chữ: Mười lăm ngàn chín trăm bốn mươi bảy phẩy tám mét vuông.

5. Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 15.947,8 m²
+ Sử dụng chung: Không m²
6. Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng.
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày/6/10/2058.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Ngày .16.. tháng .10.. năm 2008.
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Bùi Văn Linh

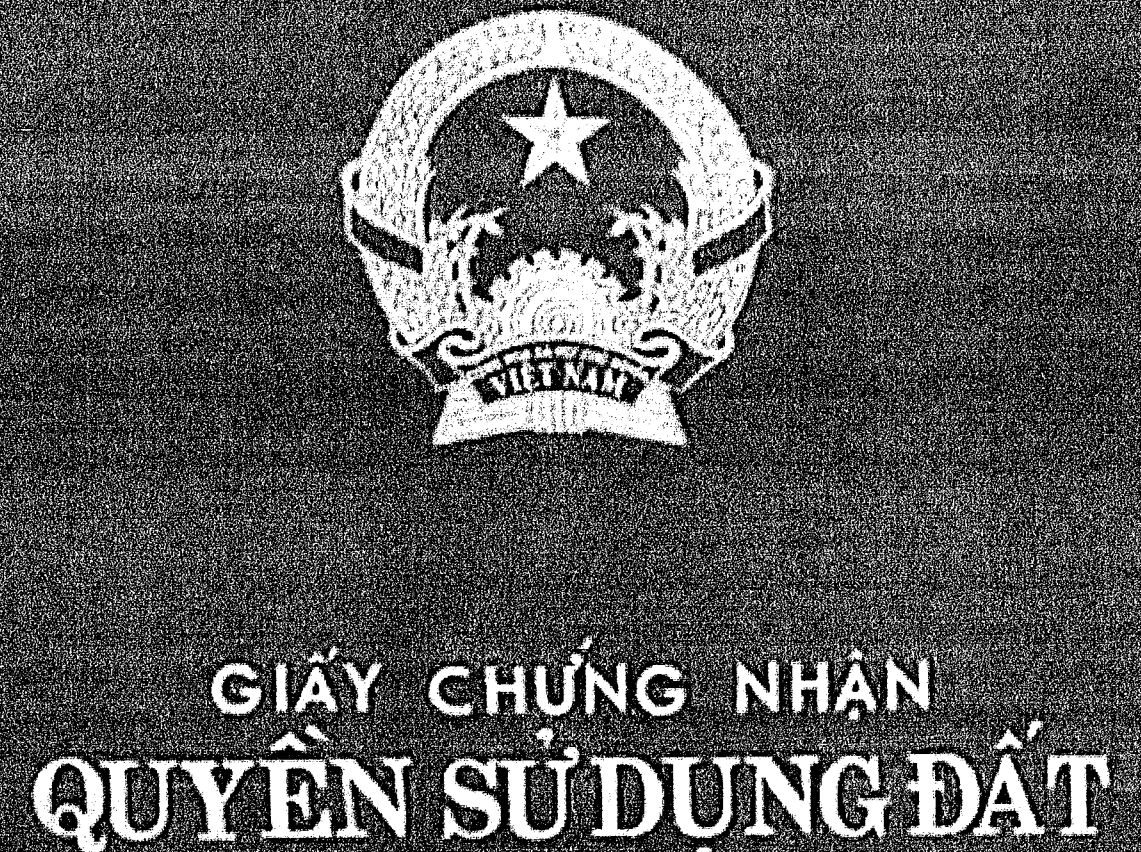
Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T.04180...

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
14/01/2019	Đổi tên từ "Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Phú Tân" thành "Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắk U. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801172616 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 1 ngày 22/11/2018. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bù Ka, xã Đắk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước" theo Hồ sơ Đăng ký biến động ngày 03/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Thủy điện Đắk U.	GIAM ĐỐC <i>Võ Duy Hải</i>

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

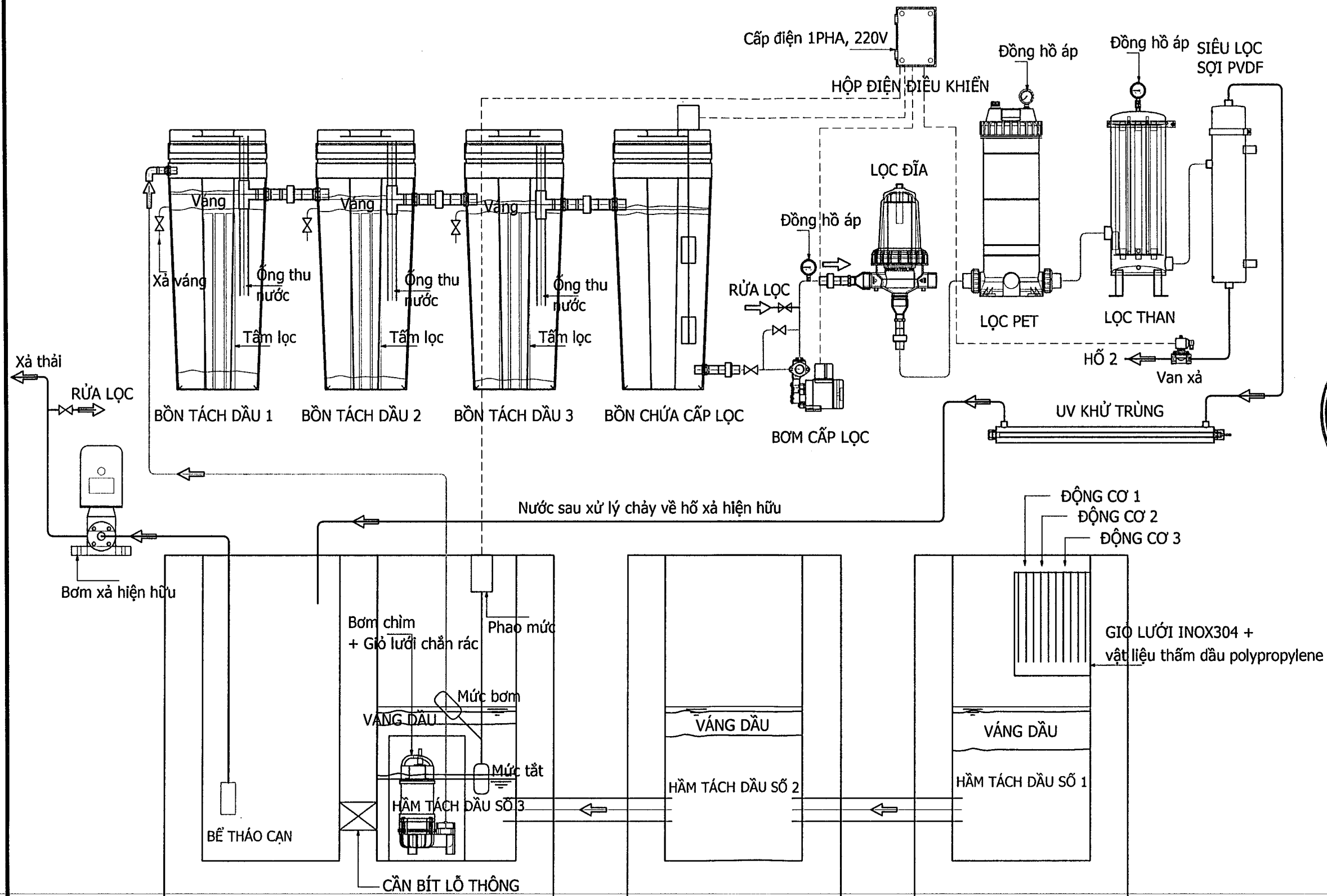
- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



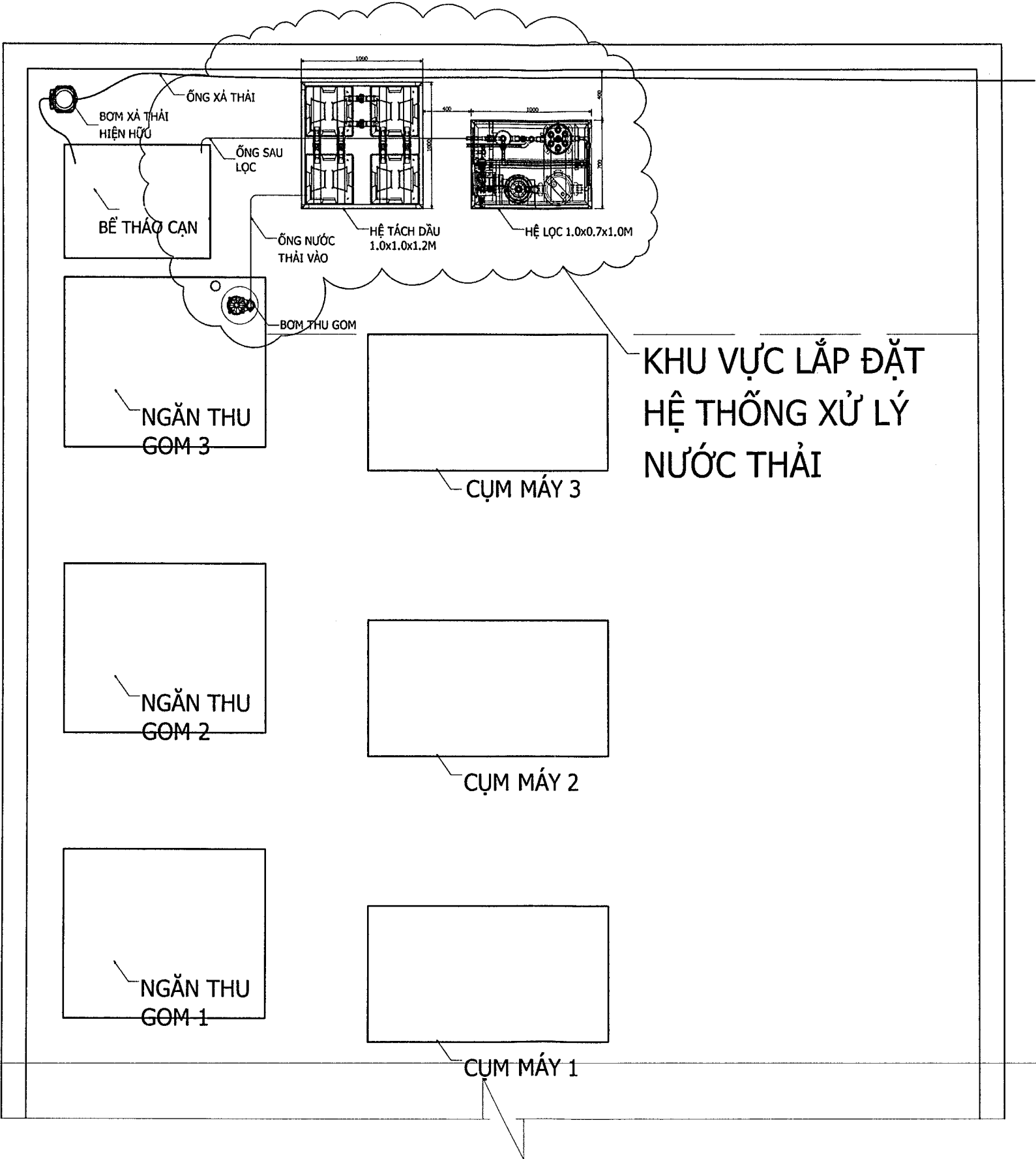
SỐ AN 539912

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHIỄM DẦU

NGÀY HOÀN THÀNH	26/11/2024
SỐ BẢN VẼ	01/03



ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHIỄM DẦU



KHU VỰC LẮP ĐẶT
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

DỰ ÁN
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK U

Địa chỉ: xã Đăk Ô, huyện Bù Gia
Mập, tỉnh Bình Phước

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
KHAI THÁC THỦY ĐIỆN ĐẮK U
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THẾ SƠN
Địa chỉ: xã Đăk Ô, huyện Bù Gia
Mập, tỉnh Bình Phước

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG
MINH PHÁT
GIÁM ĐỐC



LÊ THANH MINH
Địa chỉ: ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng,
huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

THỂ HIỆN
PHAN TRỌNG TÂN

DUYỆT

LÊ QUANG TRỌNG
KIỂM TRA

LÊ QUANG TRỌNG

CÔNG TRÌNH
Hệ thống xử lý nước thải
nhiễm dầu
Công suất 8m³/ngày

TÊN BẢN VẼ ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI NHIỄM DẦU

LOẠI BẢN VẼ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY HOÀN THÀNH 26/11/2024
SỐ BẢN VẼ 02/03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK U
TỈNH BÌNH PHƯỚC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TP. Hồ Chí Minh, 2009

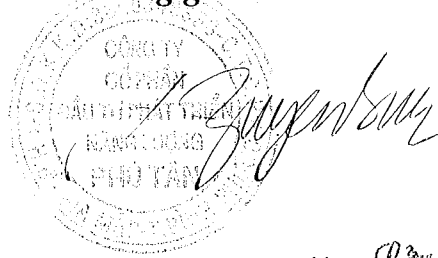
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK U
TỈNH BÌNH PHƯỚC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
PHÚ TÂN

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Phẩm

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT – XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI

PHÚ THỌ

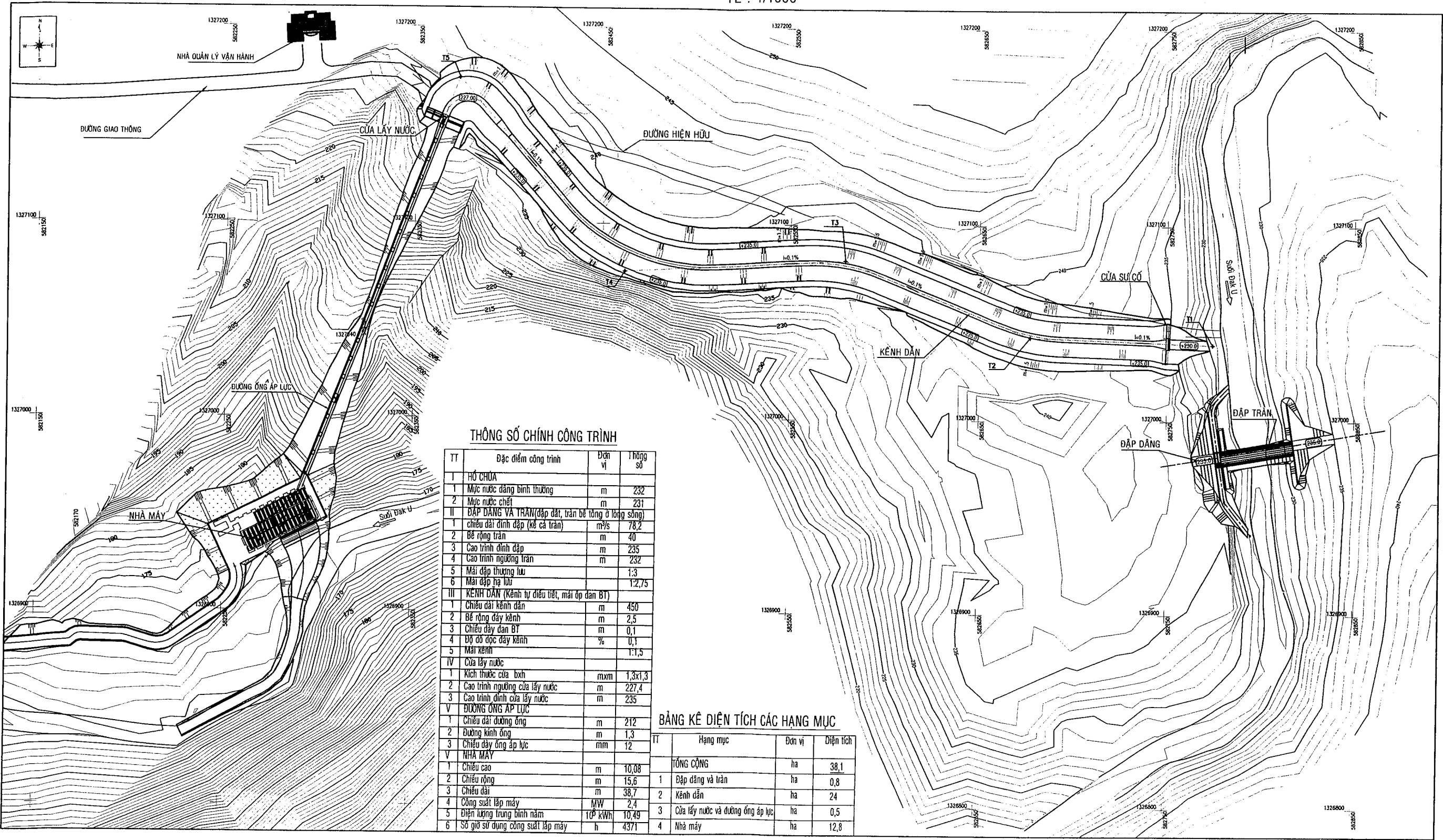
P. Giám đốc



Vũ Thị Thanh Hà

CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐAK U - TỔNG MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH

TL : 1/1000



THÔNG SỐ CHÍNH CÔNG TRÌNH

TT	Đặc điểm công trình	Đơn vị	Thông số
I	HỒ CHỨA		
1	Mức nước dâng bình thường	m	232
2	Mức nước chết	m	231
II	ĐẬP DẰNG VÀ TRẦN (đập đất, tràn bê tông ở lòng sông)		
1	Chiều dài đỉnh đập (kể cả tràn)	m	78,2
2	Bề rộng tràn	m	40
3	Cao trình đỉnh đập	m	235
4	Cao trình ngưỡng tràn	m	232
5	Mái đập thượng lưu	1:3	
6	Mái đập hạ lưu	1:2,75	
III	KÊNH DẪN (Kênh tự điều tiết, mái ốp đan BT)		
1	Chiều dài kênh dẫn	m	450
2	Bề rộng đáy kênh	m	2,5
3	Chiều dày đan BT	m	0,1
4	Độ dốc đáy kênh	%	0,1
5	Mái kênh	1:1,5	
IV	Cửa lấy nước		
1	Kích thước cửa bxxh	mxxm	1,3x1,3
2	Cao trình ngưỡng cửa lấy nước	m	227,4
3	Cao trình đỉnh cửa lấy nước	m	235
V	ĐƯỜNG ỐNG ÁP LỰC		
1	Chiều dài đường ống	m	212
2	Đường kính ống	m	1,3
3	Chiều dày ống áp lực	mm	12
V	NHÀ MÁY		
1	Chiều cao	m	10,08
2	Chiều rộng	m	15,6
3	Chiều dài	m	38,7
4	Công suất lắp máy	MW	2,4
5	Điện lượng trung bình năm	10 ⁶ kWh	10,49
6	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	h	4371

BẢNG KÊ DIỆN TÍCH CÁC HẠNG MỤC

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
	TỔNG CỘNG	ha	38,1
1	Đập dâng và tràn	ha	0,8
2	Kênh dẫn	ha	24
3	Cửa lấy nước và đường ống áp lực	ha	0,5
4	Nhà máy	ha	12,8

GHI CHÚ:

Tỷ lệ: 1/1000 0 10 20 30 40 50m

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN

Nguyễn Văn Dân

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI
SAN XUẤT - XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI

Vũ Thị Thanh Hoa

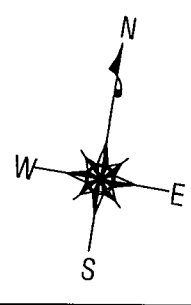
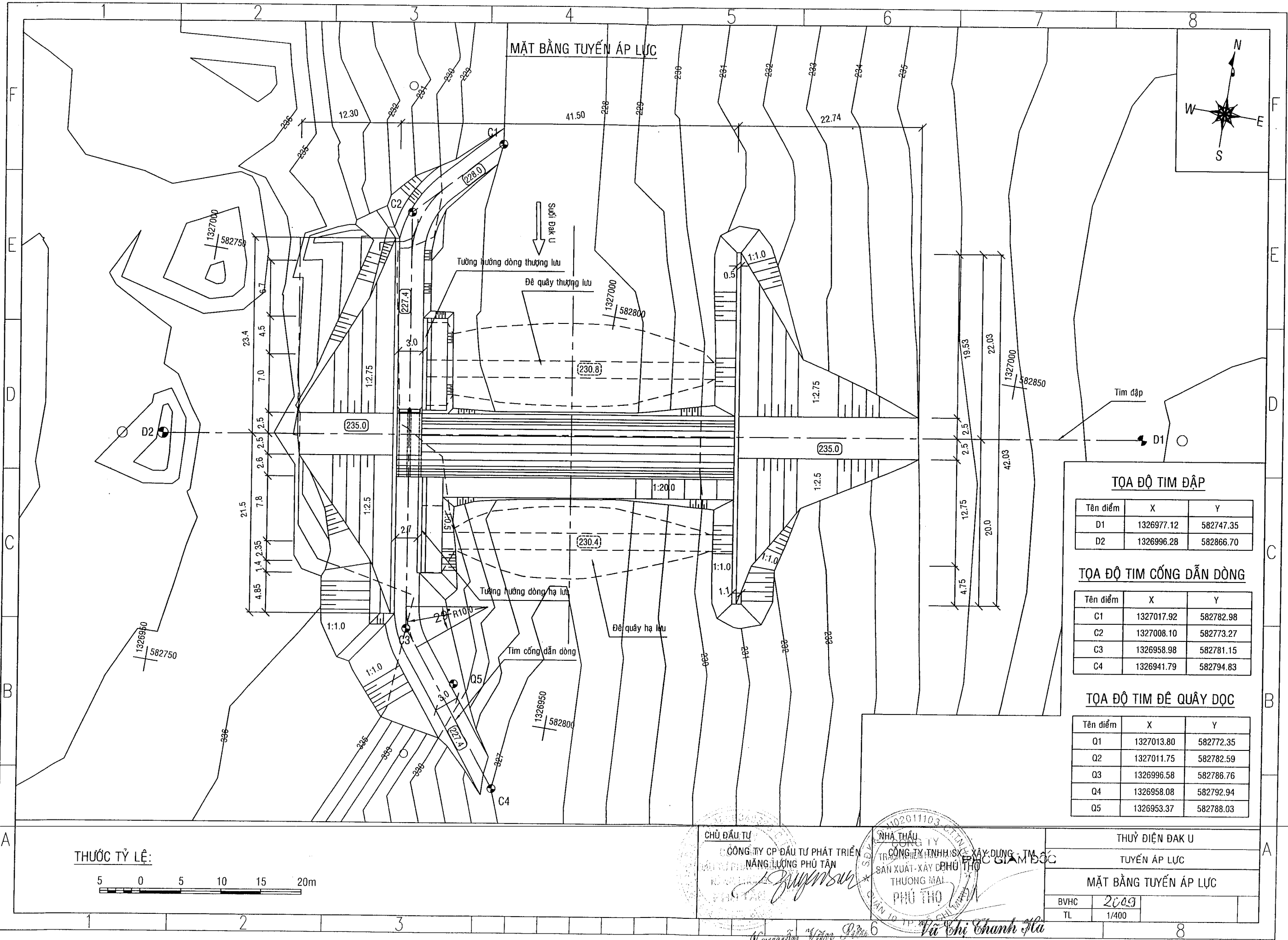
THỦY ĐIỆN ĐAK U

TỔNG MẶT BẰNG XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỔNG MẶT BẰNG

BVHC 2.003

TI



TỌA ĐỘ TIM ĐẬP

Tên điểm	X	Y
D1	1326977.12	582747.35
D2	1326996.28	582866.70

TỌA ĐỘ TIM CỐNG DẪN DÒNG

Tên điểm	X	Y
C1	1327017.92	582782.98
C2	1327008.10	582773.27
C3	1326958.98	582781.15
C4	1326941.79	582794.83

TỌA ĐỘ TIM ĐÊ QUẦY DỌC

Tên điểm	X	Y
Q1	1327013.80	582772.35
Q2	1327011.75	582782.59
Q3	1326996.58	582786.76
Q4	1326958.08	582792.94
Q5	1326953.37	582788.03

THƯỚC TỶ LỆ:



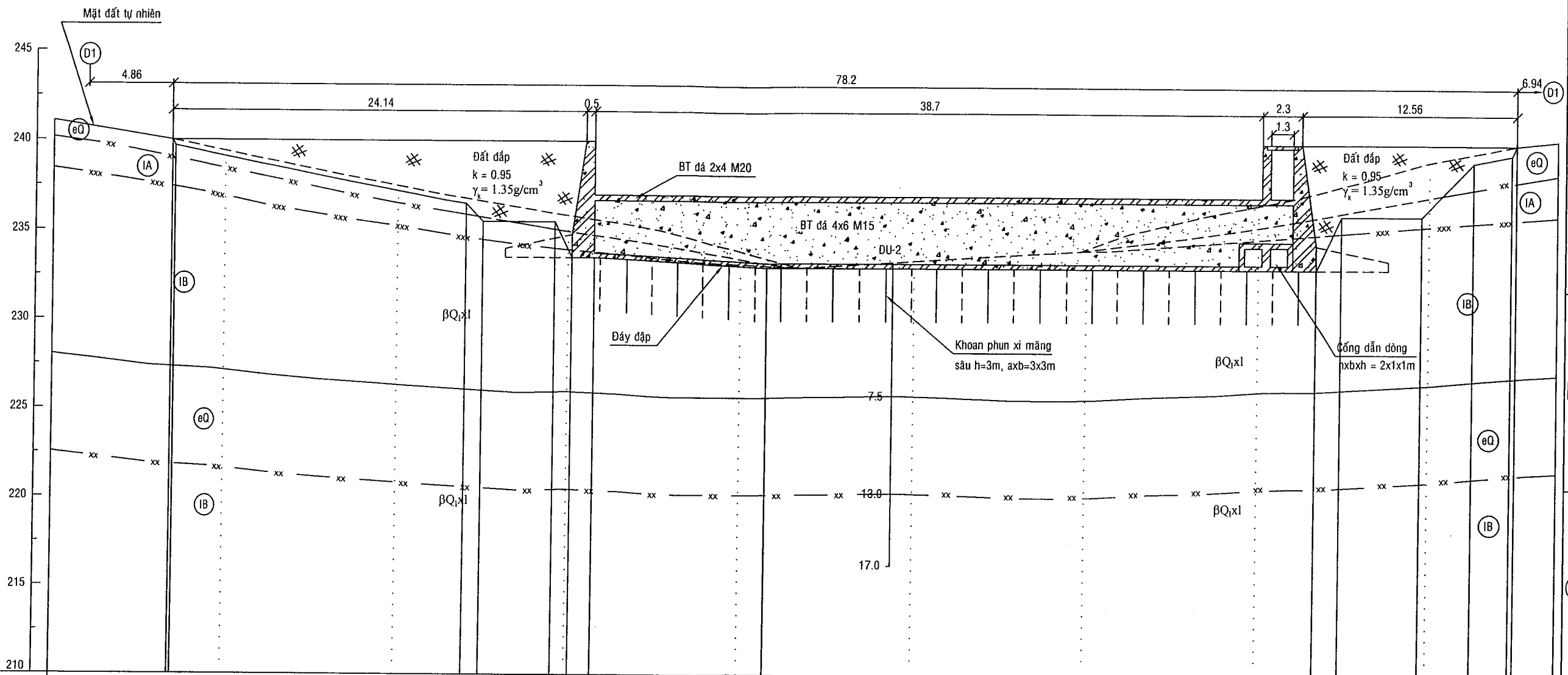
CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN
PHÚ THO

THỦY ĐIỆN ĐAK U
TUYẾN ÁP LỰC
MẶT BẰNG TUYẾN ÁP LỰC

BVHC 2009
TL 1/400

NGUYỄN VĂN BÌNH
VÀ CHỊ CHANH HUA

MẶT CẮT DỌC TUYẾN ĐẬP



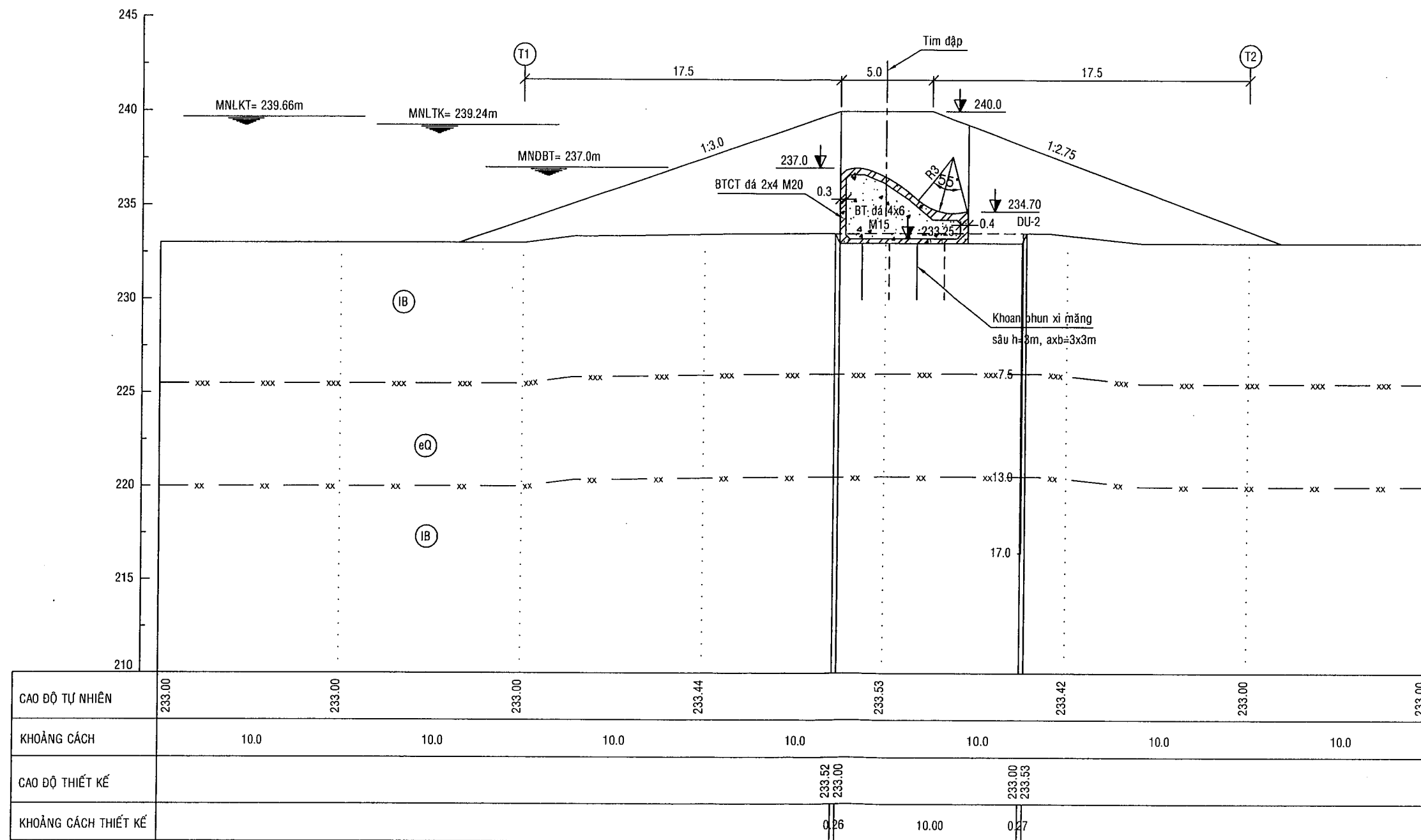
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	241.07	239.39	237.48	235.85	233.90	233.41	234.13	226.60	239.04	240.24
KHOẢNG CÁCH	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.50	
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	240.00 239.50		236.49 235.50	235.50 233.50 233.50	233.00			233.00 236.00	236.00 239.02	239.50 240.00
KHOẢNG CÁCH THIẾT KẾ	0.50	16.98	0.99 4.21	1.00 1.28	10.00	31.85		1.50 4.70	3.02	2.21 0.50



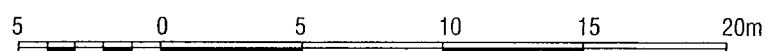
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN	NHÀ THẦU CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM TRÁCH NHIỆM HUẤN LUYỆN SẢN XUẤT - XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚ THO	THỦY ĐIỆN ĐAK U TUYẾN ÁP LỰC MẶT CẮT DỌC TUYẾN ĐẬP BVHC 2009 T.L 1:250
--	---	--

Nguyễn Văn Bình Vũ Thị Thanh Hà

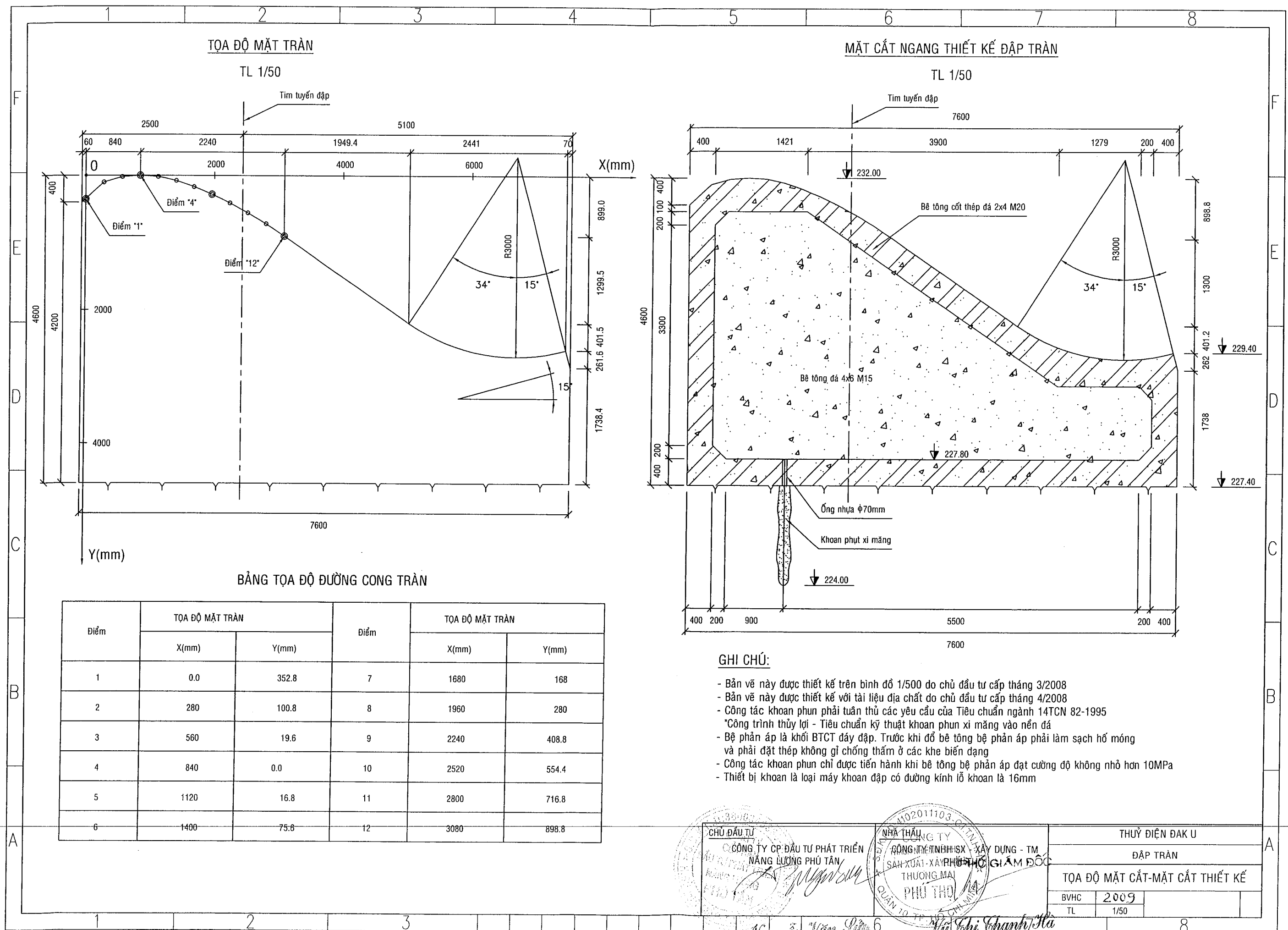
MẶT CẮT NGANG ĐẬP TRẦN

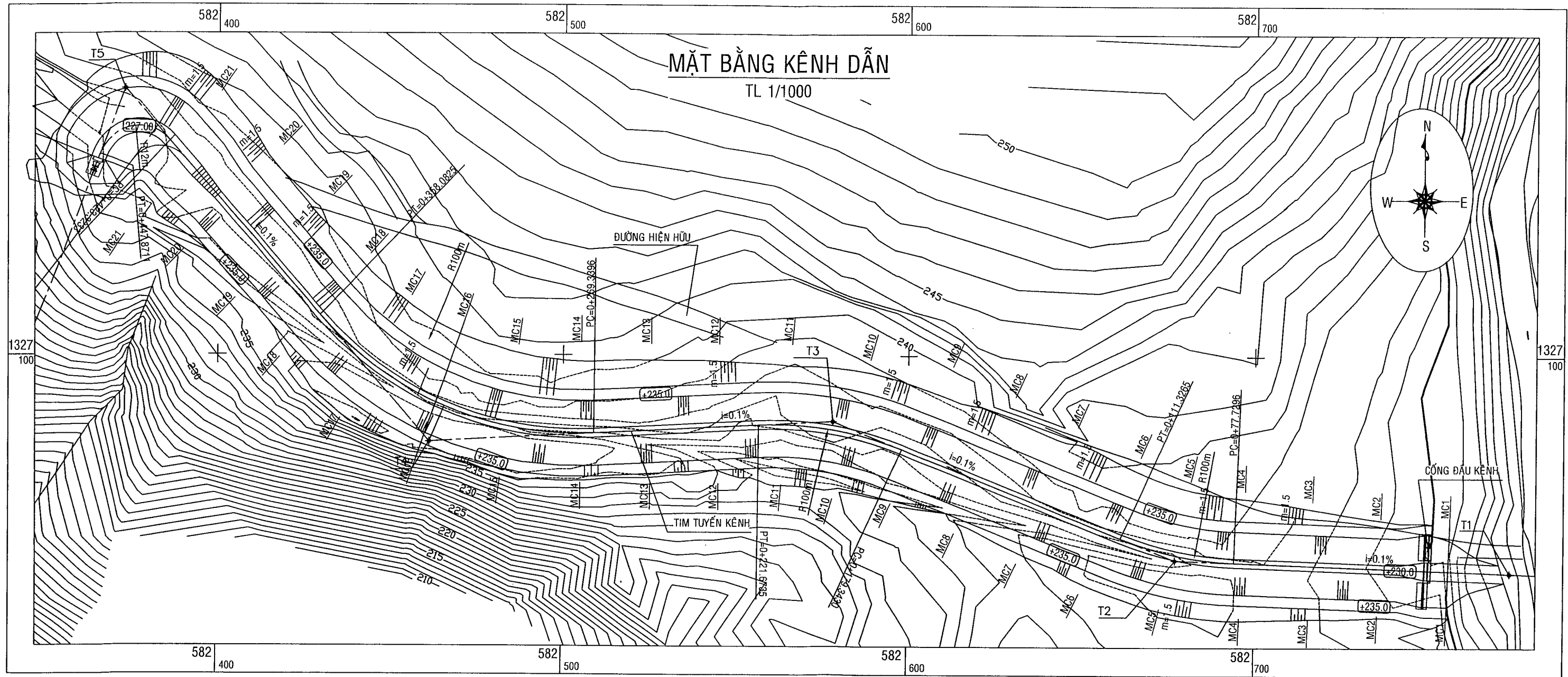


THƯỚC TỶ LỆ:



CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHÁT HÀNH LƯƠNG PHÚ TÂN <i>Nguyễn Văn Phú Tân</i>		NHÀ THẦU CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM TRÁCH NHIỆM PHỤ THỰC GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT - XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚ THỦ		THỦY ĐIỆN ĐAK U TUYẾN ÁP LỰC MẶT CẮT NGANG ĐẬP TRẦN BVHC 2009 T.L 1-250	
6	6	6	6	8	8





BẢNG TOA ĐỘ TIM TUYẾN

STT	TÊN ĐIỂM	X	Y
1	T1	582774.1025	1327039.3364
2	T2	582677.1736	1327042.8810
3	T3	582578.0136	1327081.6294
4	T4	582461.4785	1327075.7059
5	T5	582372.8146	1327173.9563

THÔNG SỐ CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	THÔNG SỐ
1	MNDBT	m	232
2	MNC	m	231
3	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	4.57
4	Kênh hình thang, mái dốc m=1		
5	Đoạn 1		
	Cao trình đáy đầu kênh	m	230.0
	Chiều rộng	m	2.5

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	THÔNG SỐ
	Chiều dài	m	402.80
	Độ dốc dọc	%	0.1
6	Đoạn 2		
	Cao trình đáy kênh	m	227.0
	Chiều rộng	m	4.0
	Chiều dài	m	37.5
	Độ dốc dọc	%	0

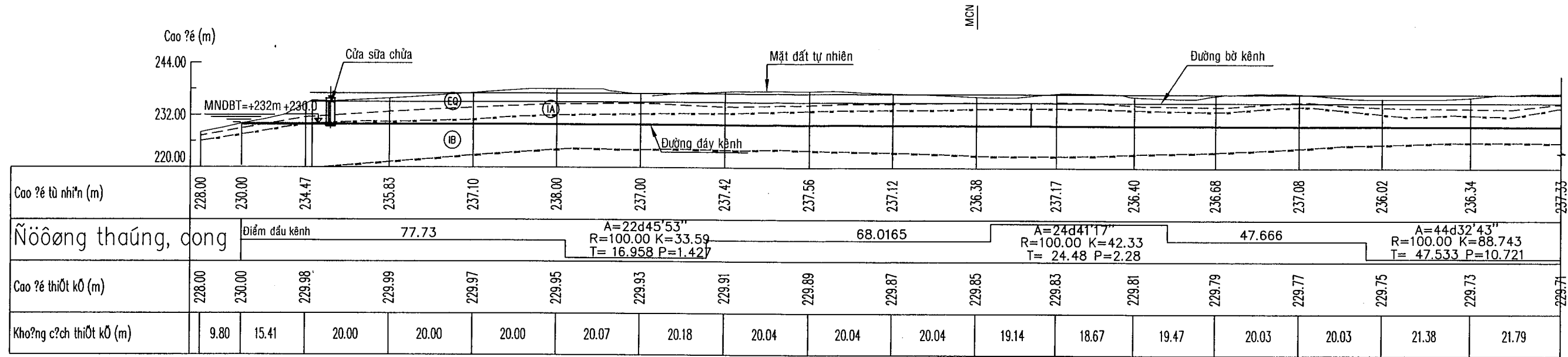
Tỷ lệ: 1/1000 0 10 20 30 40 50m

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN	NHÀ THẦU CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM THƯƠNG MẠI PHÚ THO	THỦY ĐIỆN ĐAK U
		KÊNH DẪN
		MẶT BẰNG
		BVHC 2009
		TL

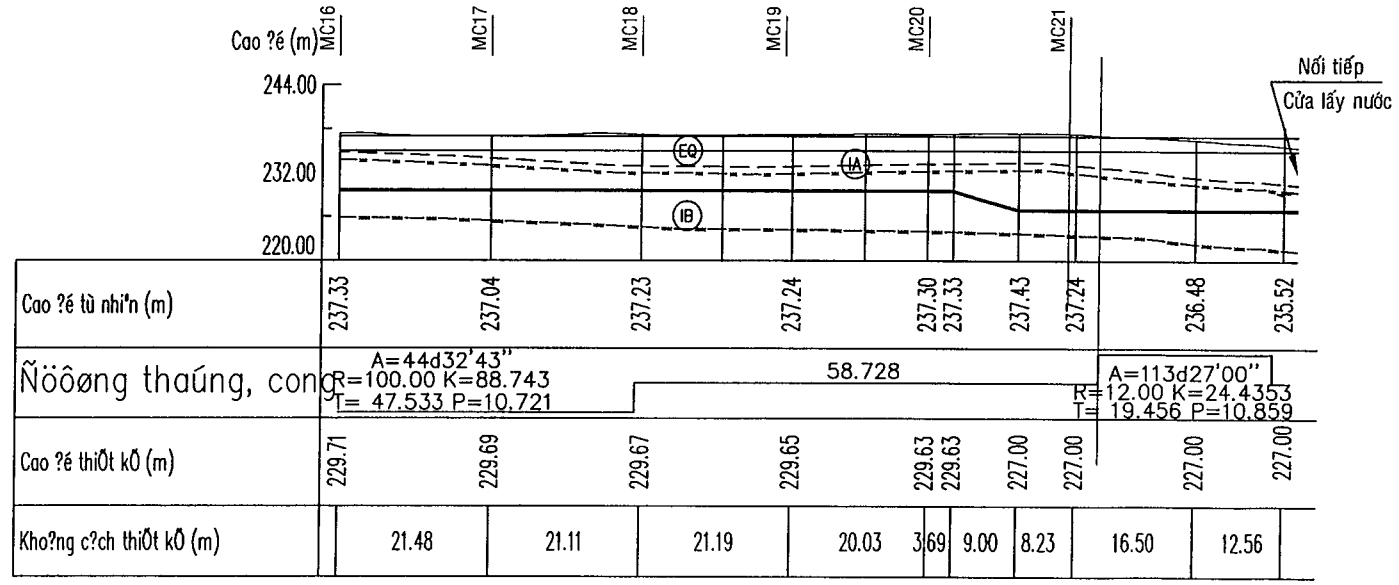
Nguyễn Văn Dân

Vũ Thị Thanh Hà

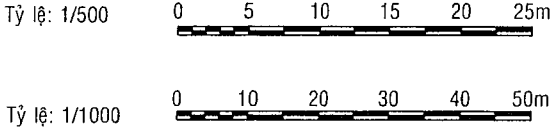
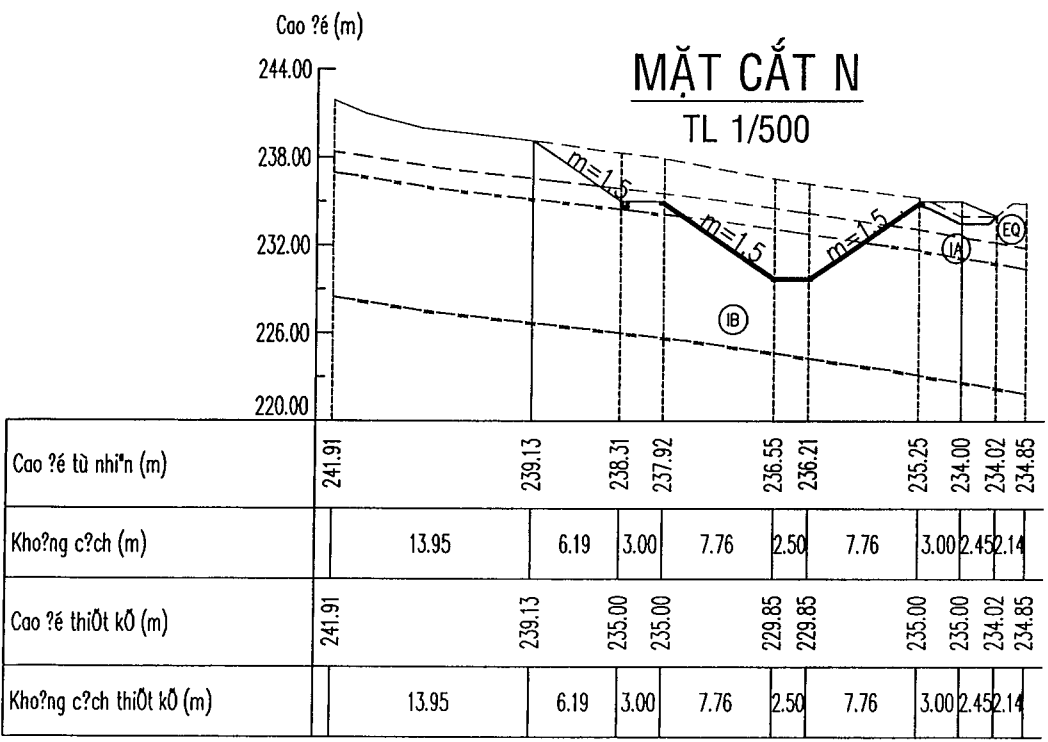
MẶT CẮT DỌC KÊNH DẪN
TL 1/1000



MẶT CẮT DỌC KÊNH DẪN (TT)
TL 1/1000



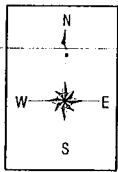
MẶT CẮT N
TL 1/500



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN
NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM SẢN XUẤT XÂY DỰNG PHÚ THO
THỦ ĐIỆN ĐẠC U: KÊNH DẪN
MẶT CẮT DỌC VÀ NGANG
BVHC: 2009
TL: [Signature]

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

Tỷ lệ: 1/1000



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

STT	HÀNG MỤC	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ	ĐƯỜNG ỐNG
1	đào eQ	13430.00	m³	ĐƯỜNG ỐNG
2	đào IA	1424.00	m³	
4	đào IB	8.00	m³	
3	đào aQIV	994.20	m³	NHÀ MÁY
4	đào aQIII	510.30	m³	
5	đào eQ	9798.20	m³	
6	đào IA	4431.60	m³	
7	đào IB	334.25	m³	
8	trồng cỏ	1549.30	m²	
9	bê tông M200	317.50	m³	
10	bê tông lót M100-5cm	42.00	m³	

BẢNG TỌA ĐỘ ĐIỂM KHỐNG CHẾ

TÊN ĐIỂM	X	Y
M1	1326935.4422	582292.0506
M2	1326921.6871	582256.9627
M3	1326920.0376	582253.6461
M4	1326943.6208	582242.0730
M5	1326948.0996	582305.2623
M7	1326940.8745	582290.2500
M8	1326905.4529	582290.7986
M9	1326917.3362	582248.1933
M10	1326949.2464	582225.6057
M11	1326979.9467	582282.0509
M12	1326975.0790	582308.7314
M13	1327153.9288	582357.2202
M14	1327147.5707	582373.5562
T1	1326943.0192	582279.9559
T2	1326946.6656	582287.4071
T3	1326950.3222	582294.8582
O1	1326947.2705	582276.4898
O2	1326953.5477	582282.6549
O3	1326959.8249	582288.8200
O4	1326961.4915	582290.1307
O5	1326969.8845	582293.3888
O6	1327008.8945	582308.5717
O7	1327151.2925	582363.9937

Tỷ lệ: 1/1000



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN

Nguyễn Văn Phẩm

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM

THƯƠNG PHÚ THO

Phú Thọ

Nguyễn Văn Phẩm

GIÁM ĐỐC

THƯƠNG PHÚ THO

Phú Thọ

Nguyễn Văn Phẩm

THỦY ĐIỆN ĐAK U

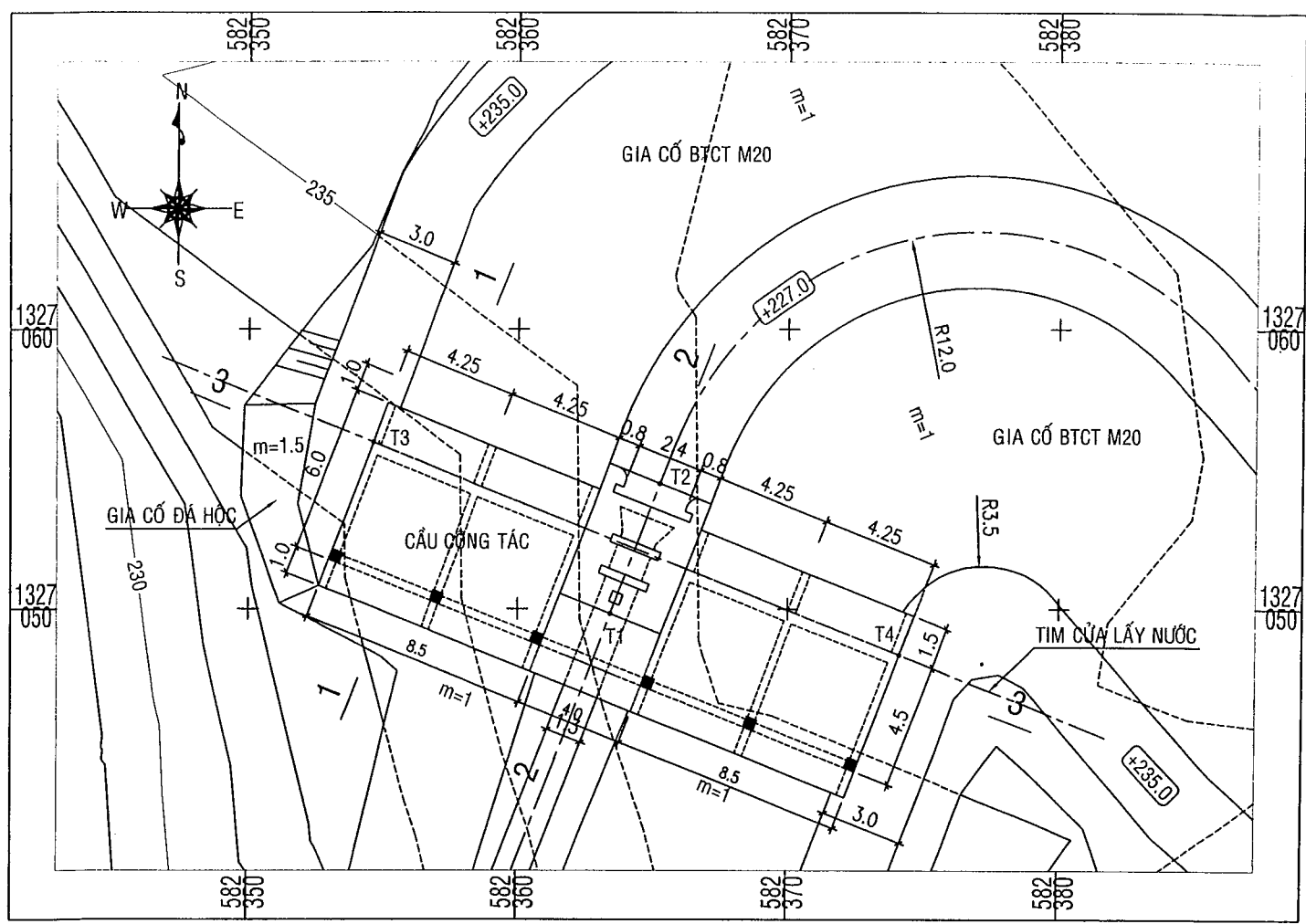
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

ĐVHC TL 2009 1/1000 DU-HM 1/1

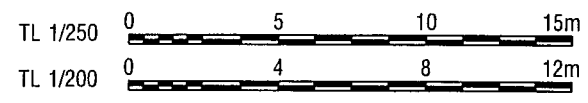
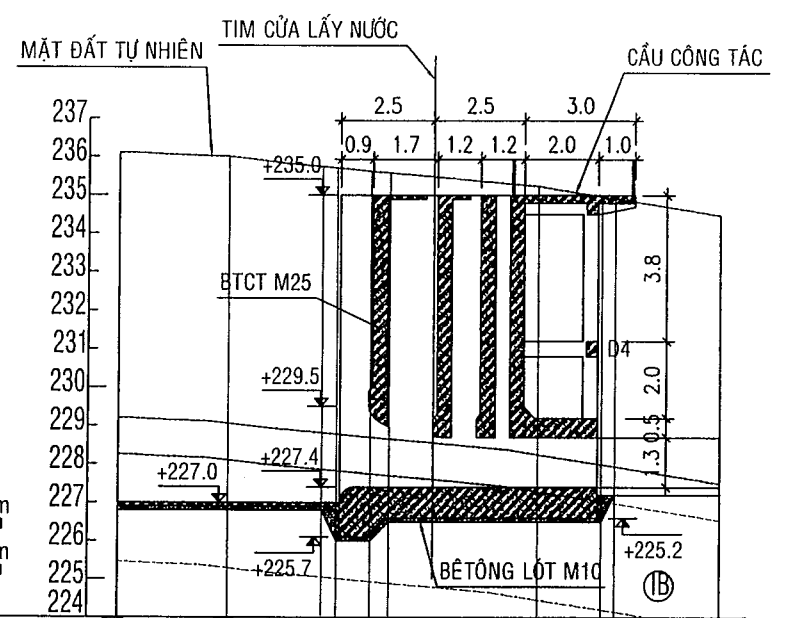
MẶT BẰNG CỦA LẤY NƯỚC

TL 1/250



MẶT CẮT 1-1

TL 1/200

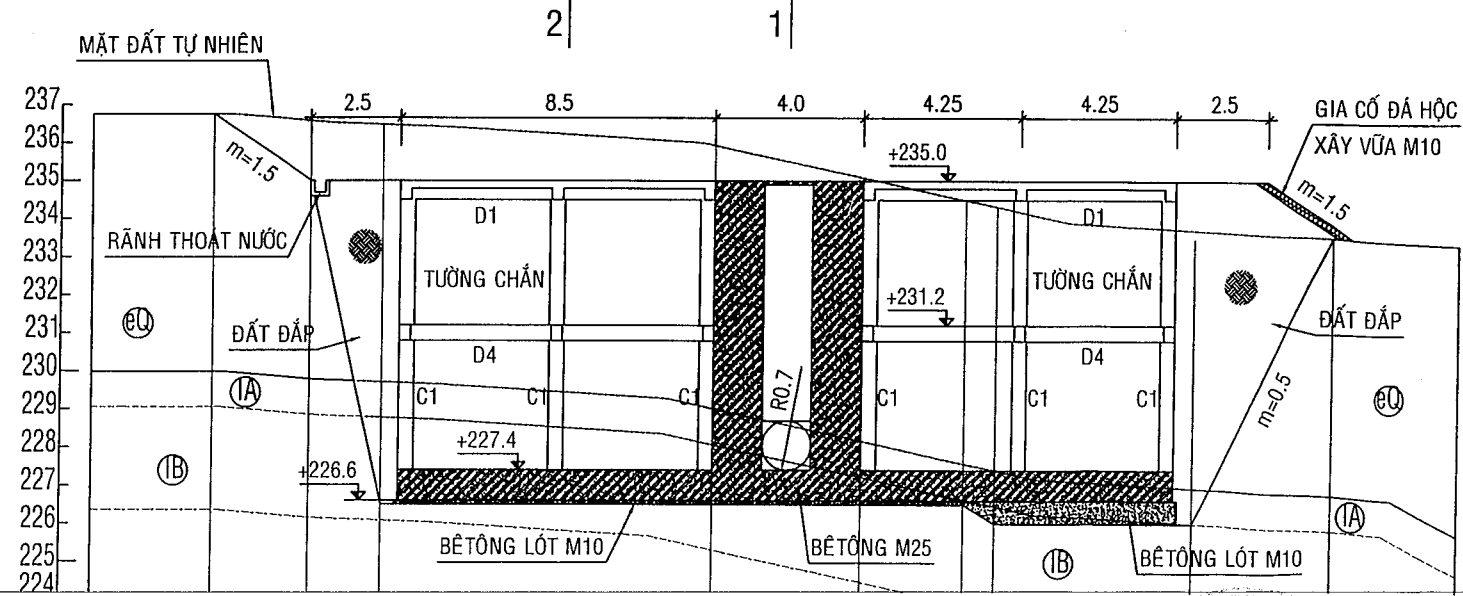


ĐIỂM	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
T1	582363.4232	1327149.8268
T2	582365.2367	1327154.4863
T3	582354.5447	1327155.9652
T4	582374.1146	1327148.3481

Cao độ tự nhiên (m)	236.10	236.00	235.74	235.70	235.68	235.58	235.23	234.96	234.91	234.47
Cao độ thiết kế (m)	226.80	226.80	226.80	226.80	226.80	226.50	226.50	226.50	226.50	227.20
Khoảng cách thiết kế (m)	2.97	2.56	0.94	0.50	4.06	1.70	3.35	2.92		

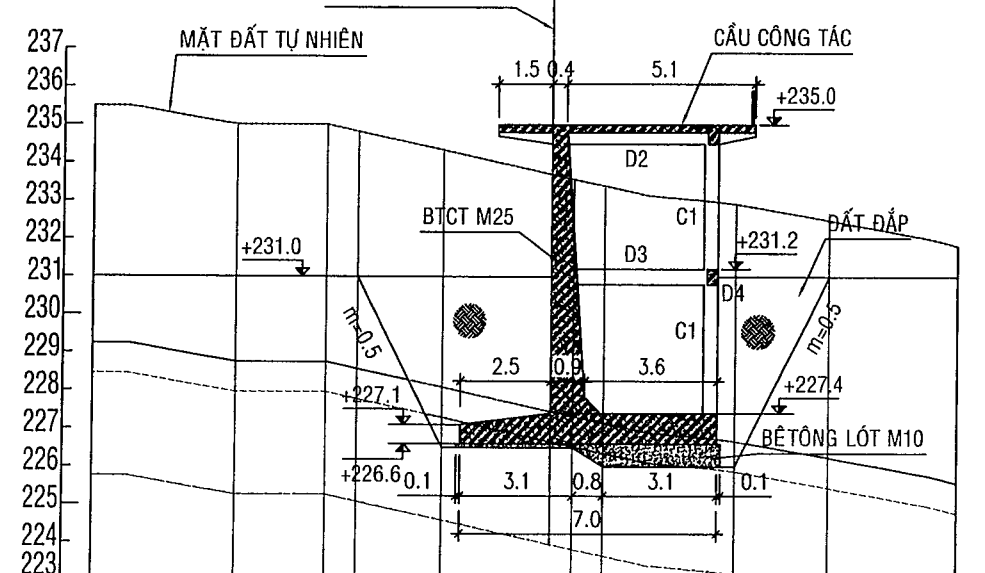
MẶT CẮT 4-4

TL 1/200



MẶT CẮT 2-2

TL 1/200



Cao độ tự nhiên (m)	235.49	235.00	235.00	234.8	234.33	233.56	233.39	232.91	232.65	231.81
Cao độ thiết kế (m)	231.00	231.00	231.00	231.00	226.50	226.50	226.00	226.00	231.00	231.00
Khoảng cách thiết kế (m)	3.86	2.44	0.87	2.25	3.60	0.80	3.60	2.50	4.54	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

CỦA NĂNG LƯỢNG PHỤ TÂN

NGUYỄN VĂN PHU

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

SẢN XUẤT - XÂY DỰNG

THƯƠNG MẠI

PHÚ THỌ

QUẬN 10 TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Thị Thanh Hà

THỦY ĐIỆN ĐAK U

CỬA LẤY NƯỚC

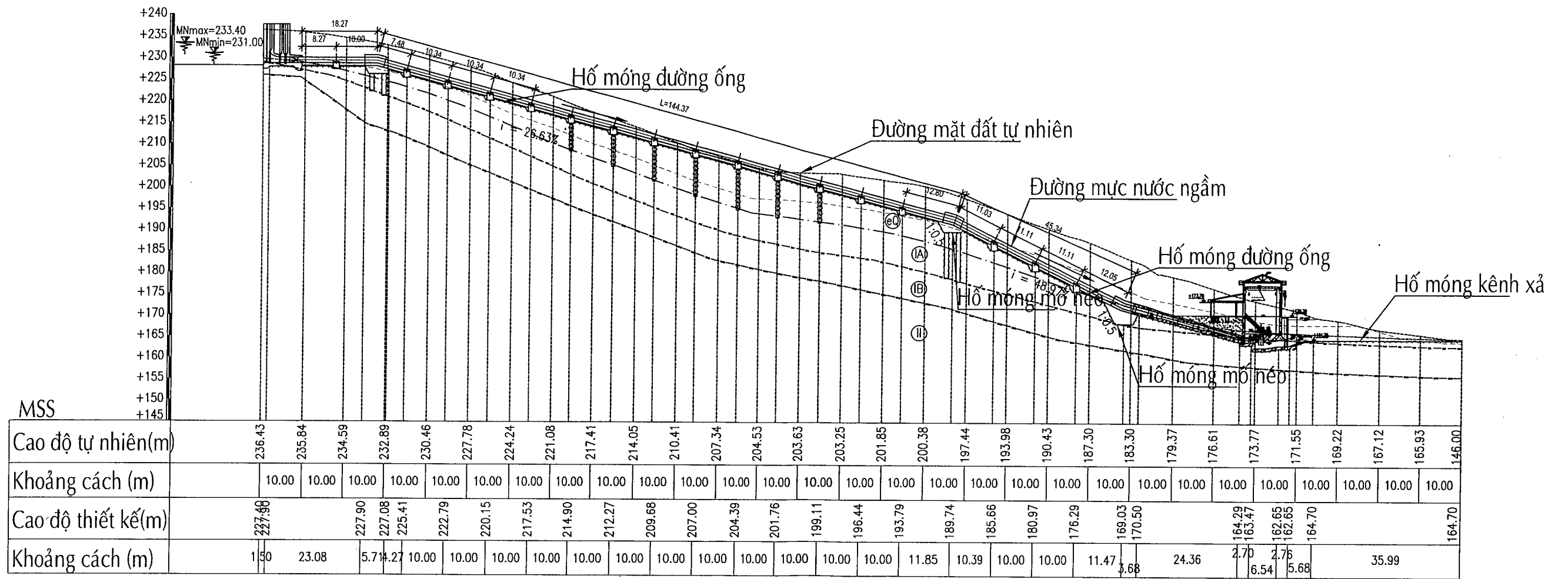
MẶT BẰNG, MẶT CẮT NGANG, MẶT CẮT DỌC

BVHC

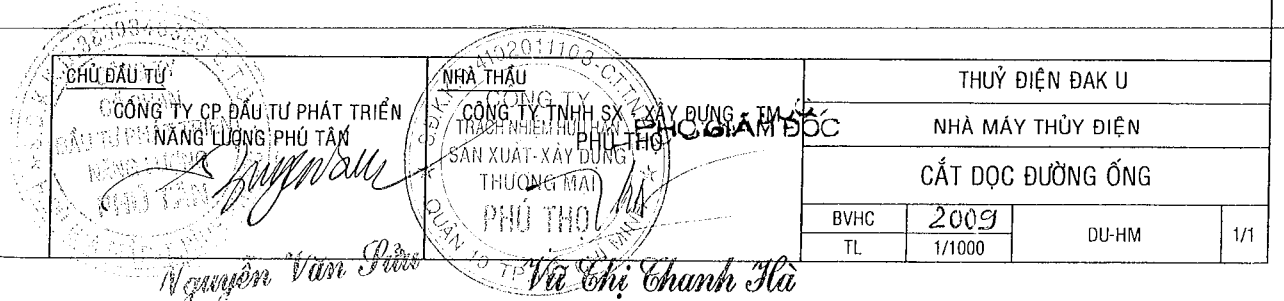
2009

TL

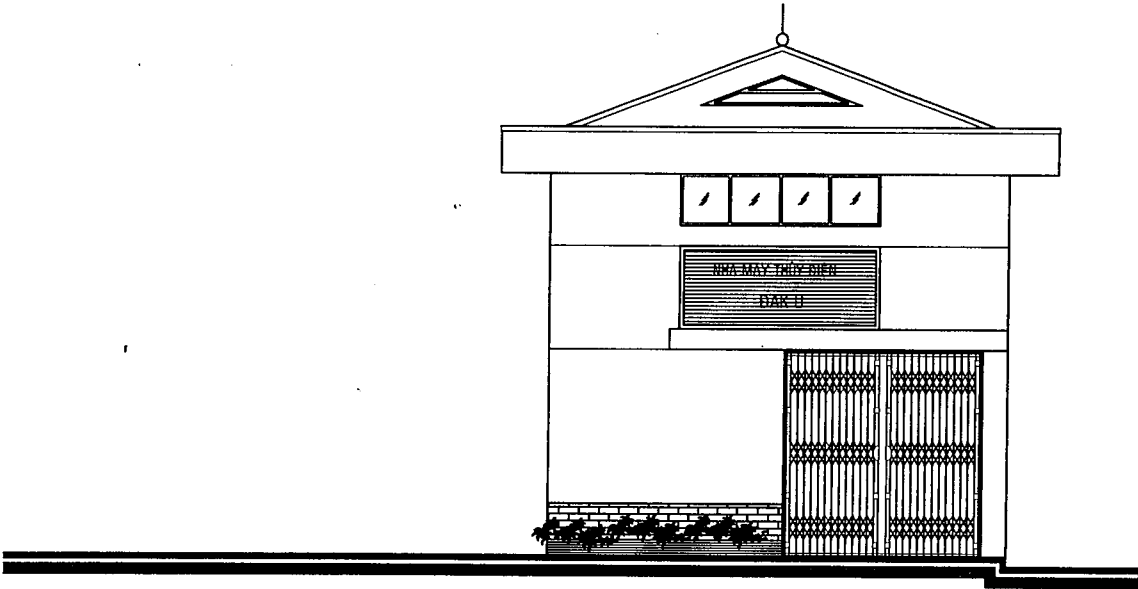
Tỷ Lệ : 1/1000



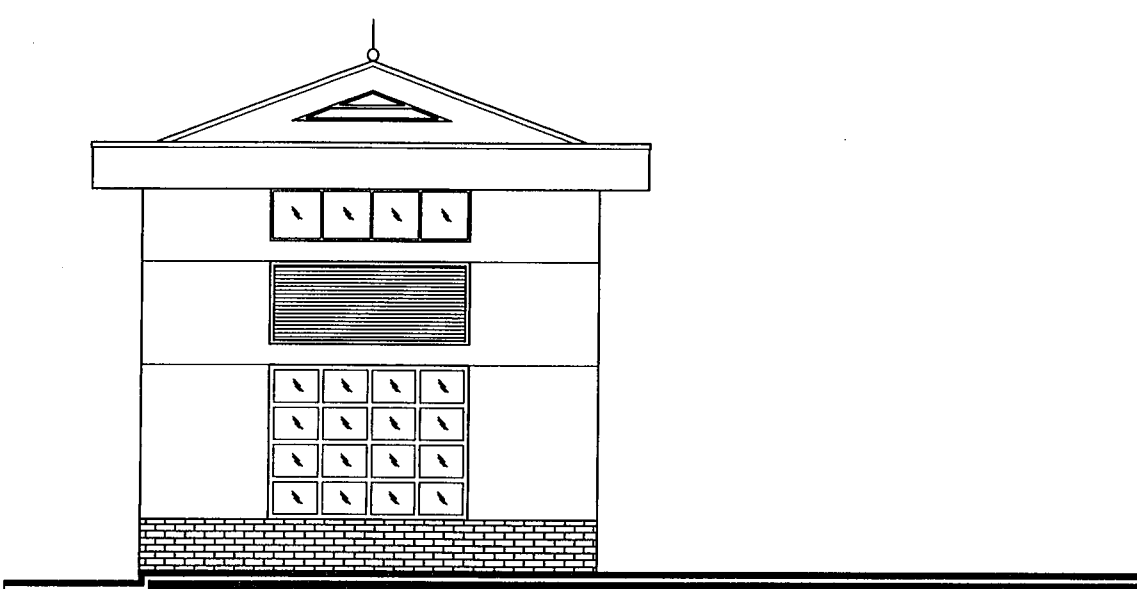
Tỷ lệ: 1/1000



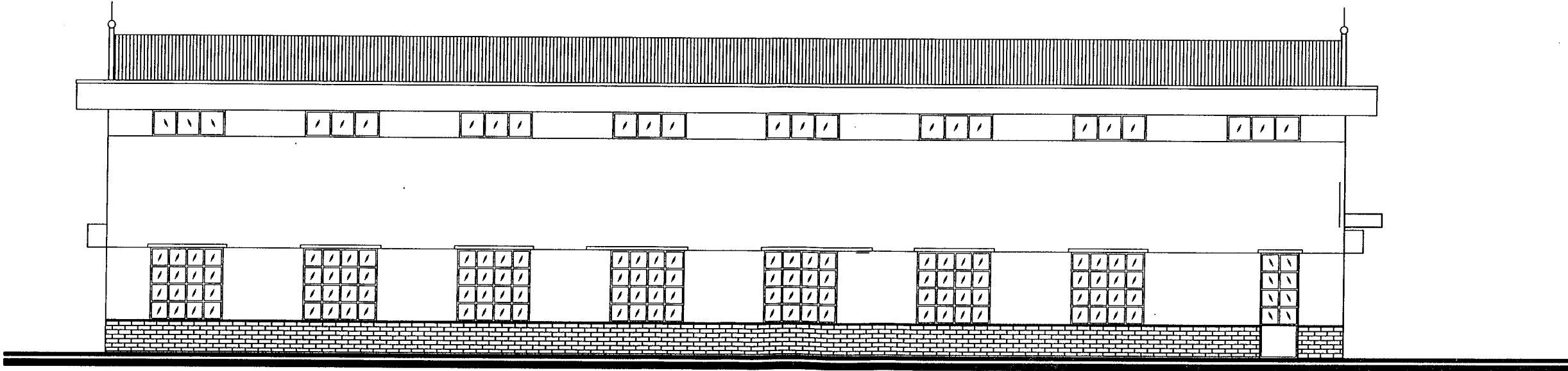
HƯỚNG NHÌN TỪ BÊN TRÁI



HƯỚNG NHÌN TỪ BÊN PHẢI



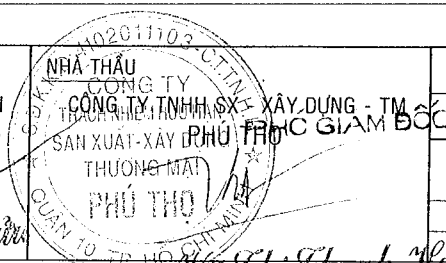
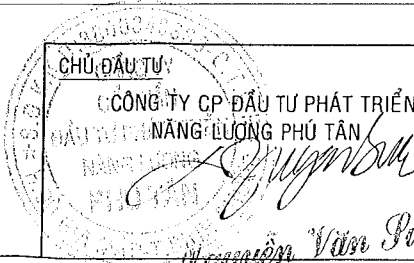
HƯỚNG NHÌN TỪ THƯỢNG LƯU



Ghi chú:

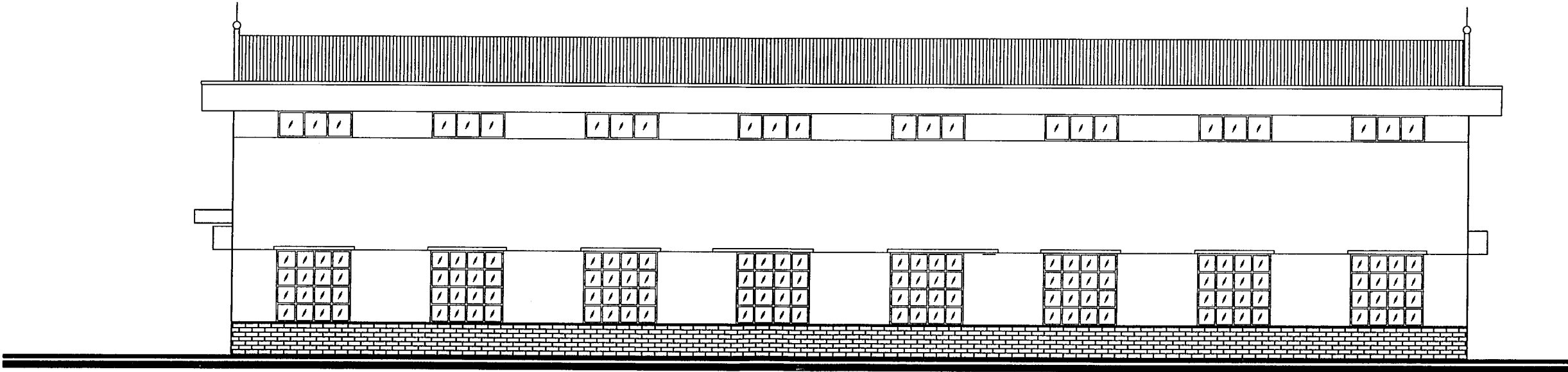
- Bản vẽ này xem cùng với bản vẽ mặt bằng tổng thể
- Dấu thập phân trong bản vẽ là dấu chấm, kích thước đọc là milimet, cao độ đọc là mét

Tỷ lệ: 1/100 0 1 2 3 4 5m



THỦY ĐIỆN ĐAK U			
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN			
BẢN VẼ KIẾN TRÚC			
BVHC	2009	DU-HM	1/8
TL	1/100		

HƯỚNG NHÌN TỪ HẠ LƯU



Tỷ lệ: 1/100 0 1 2 3 4 5m

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN

PHÚ TÂN

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM

SẢN XUẤT - XÂY DỰNG

THƯƠNG MẠI

PHÚ THO

THỦY ĐIỆN ĐAK U

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN

BẢN VẼ KIẾN TRÚC

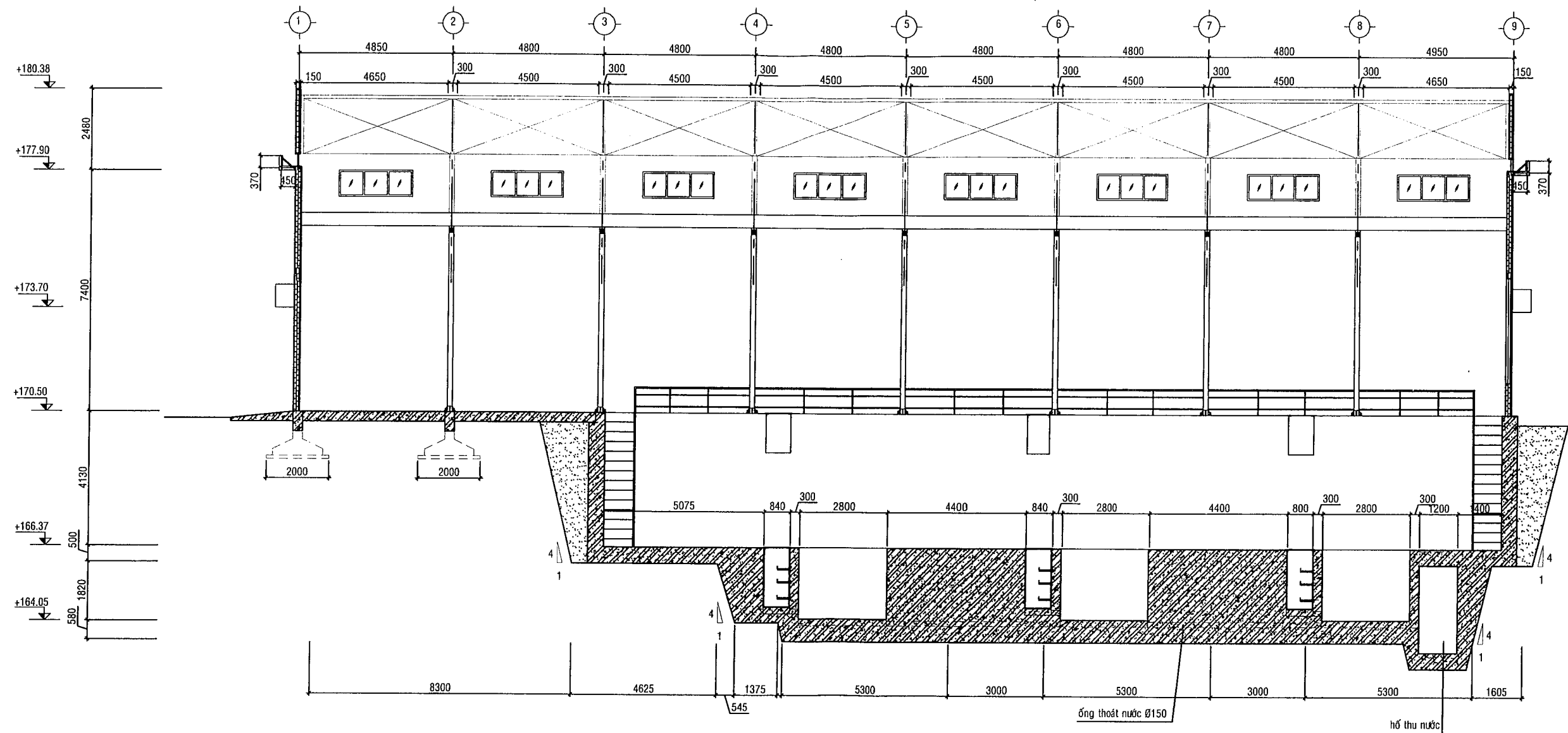
BVHC	2009	DU-HM	2 / 8
TL	1/100		

NGUYỄN VĂN BÌNH

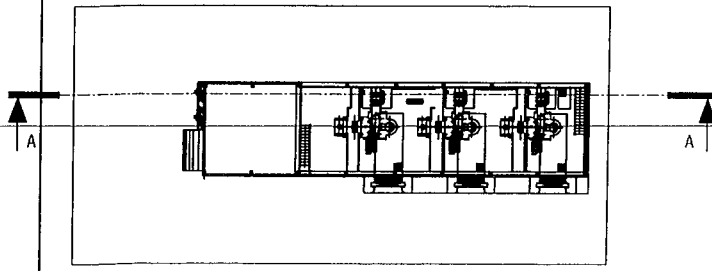
Vũ Chí Chánh

MẶT CẮT A-A

TL: 1/100



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Tỷ lệ: 1/100

Ghi chú:
- Bản vẽ này xem cùng với bản vẽ mặt bằng tổng thể
- Dấu thập phân trong bản vẽ là dấu chấm, kích thước đọc là milimet, cao độ đọc là mét

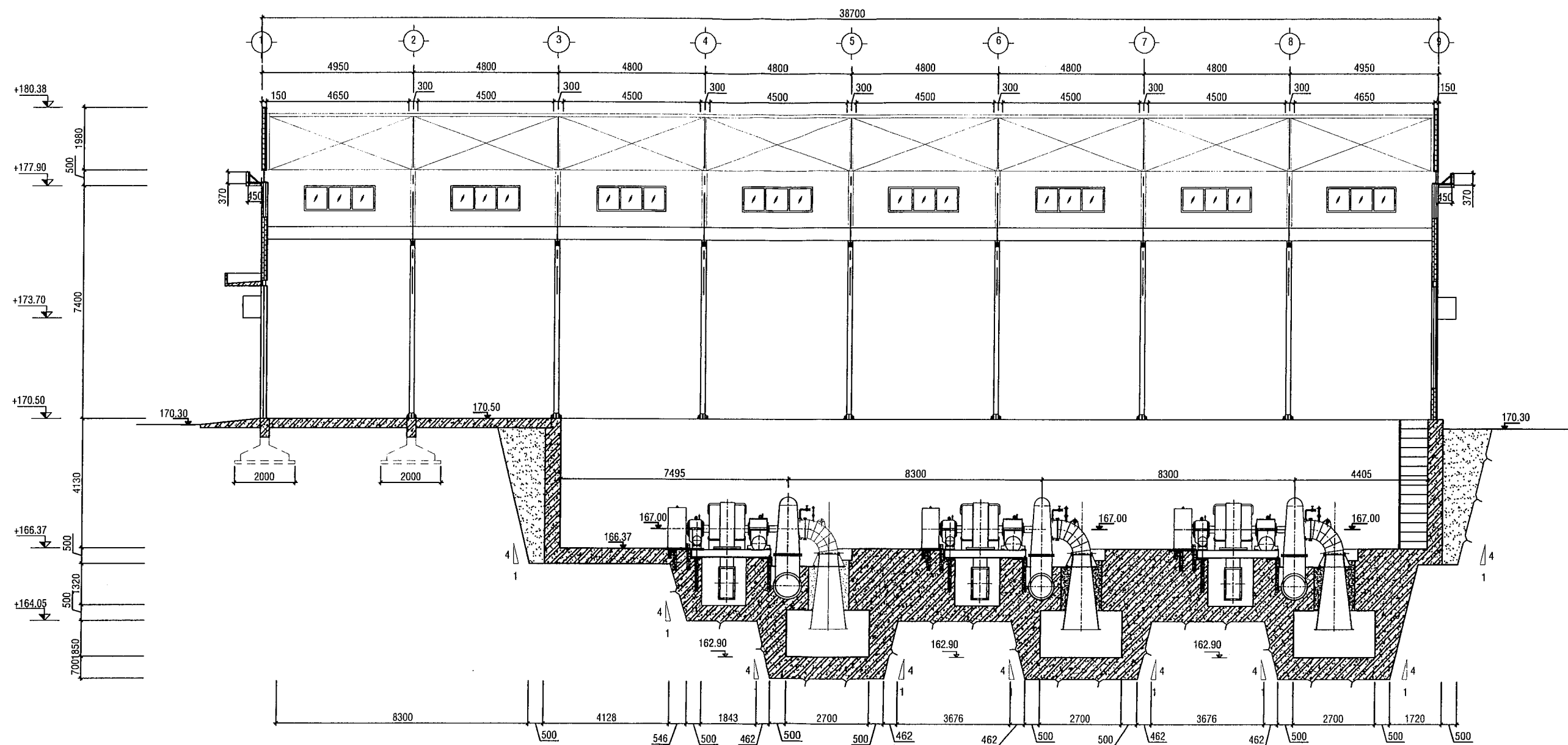
CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN

NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM
PHÚ THO
SẢN XUẤT - XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI
PHÚ THO

THỦY ĐIỆN ĐAK U
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN
MẶT CẮT A-A

BVHC	2009	DU-HM	3/8
TL	1/100		

TL: 1/100

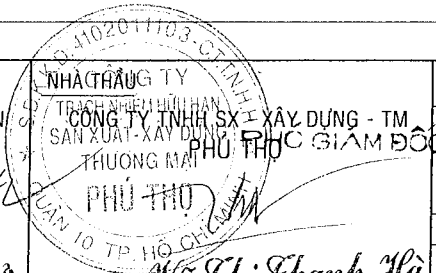
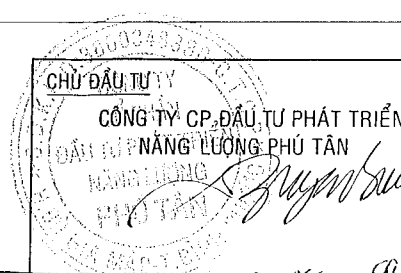


This technical drawing shows the chassis of a truck, oriented vertically. It includes the engine, transmission, and rear axle assembly. The drawing is a detailed line drawing showing the internal components of the chassis, including the engine, transmission, and rear axle assembly. The engine is located at the top, and the transmission is below it. The rear axle assembly is shown at the bottom, with the wheels and suspension components. The drawing is a technical illustration of a truck chassis, showing the engine, transmission, and rear axle assembly.

Tỷ lệ: 1/100 0 1 2 3 4 5m

Ghi chú :

- Bản vẽ này xem cùng với bản vẽ mặt bằng tổng thể
- Dấu thập phân trong bản vẽ là dấu chấm, kích thước đọc là milimet, cao độ đọc là mét



NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN

MẶT CẮT B-B

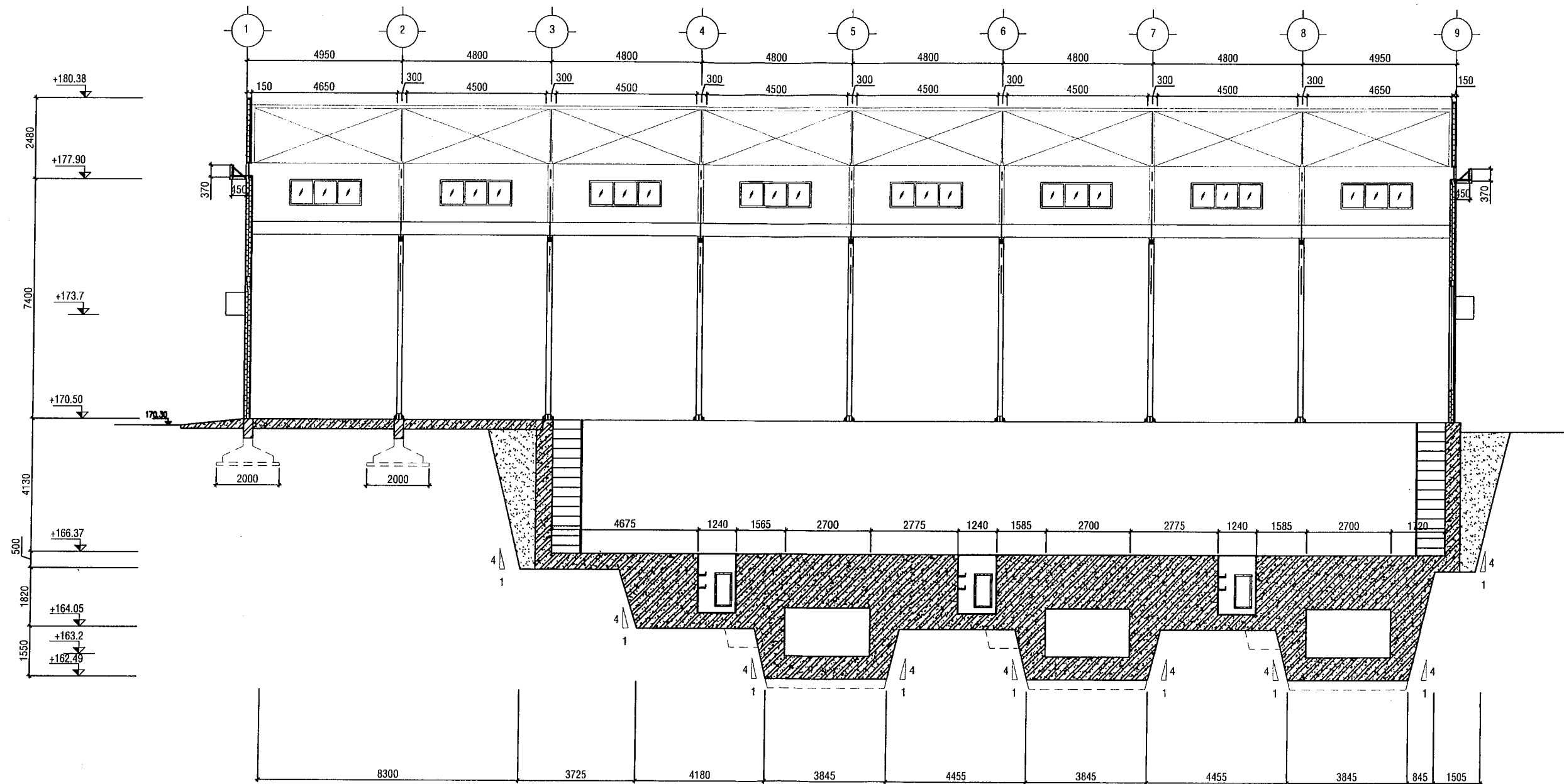
BVHC	2009	DU-HM	4 / 8
TL	1/100		

Nguyễn Văn Phú

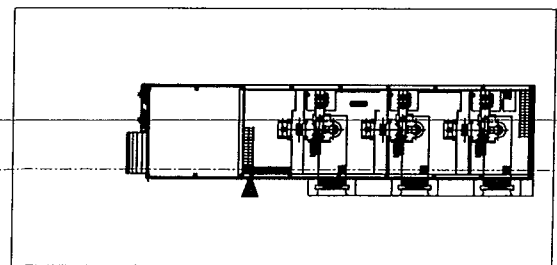
Vũ Chi Chanh Hà

MẶT CẮT C-C

TL: 1/100



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



Tỷ lệ: 1/100 0 1 2 3 4 5m

Ghi chú:
- Bản vẽ này xem cùng với bản vẽ mặt bằng tổng thể
- Dấu thập phân trong bản vẽ là dấu chấm, kích thước đọc là milimet, cao độ đọc là mét

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

NĂNG LƯỢNG PHÚ TÂN

PHỤ THO

PHỤ THO

PHỤ THO

PHỤ THO

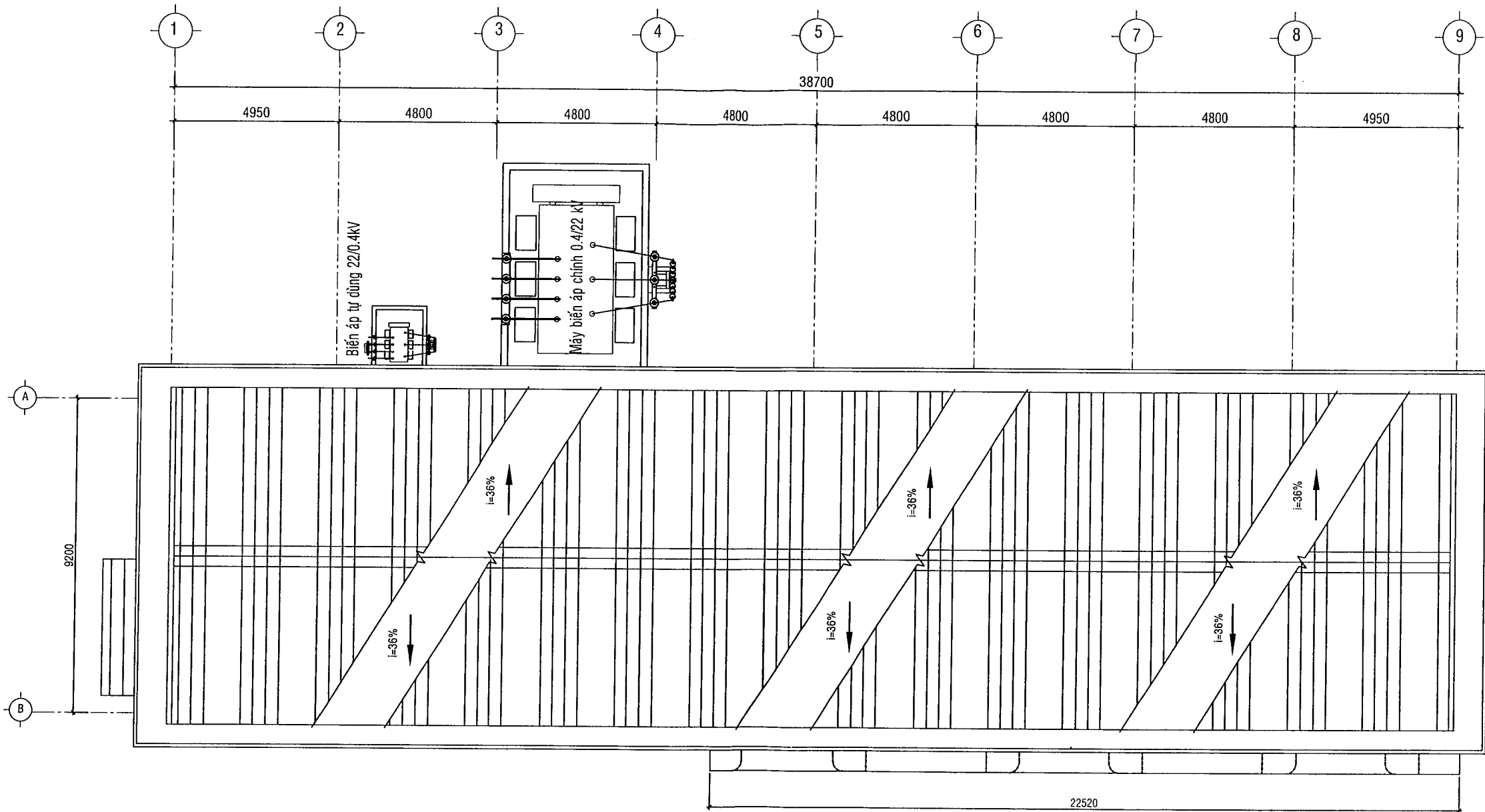
PHỤ THO

PHỤ THO

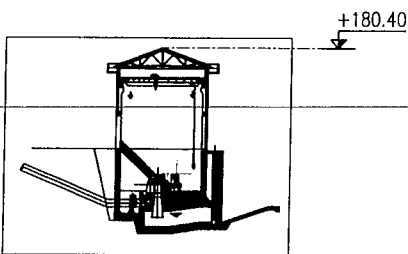
THỦY ĐIỆN ĐAK U			
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN			
MẶT CẮT C-C			
BVHC	2009	DU-HM	5 / 8
TL	1/100		

MẶT BẰNG MÁI

TL: 1/100



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

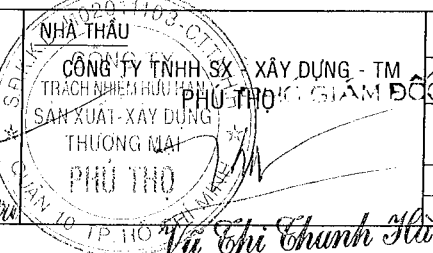
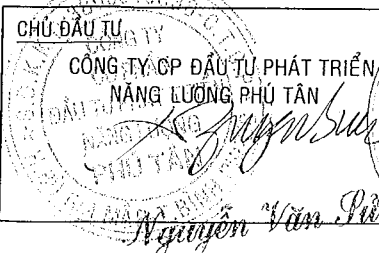


Tỷ lệ: 1/100



Ghi chú:

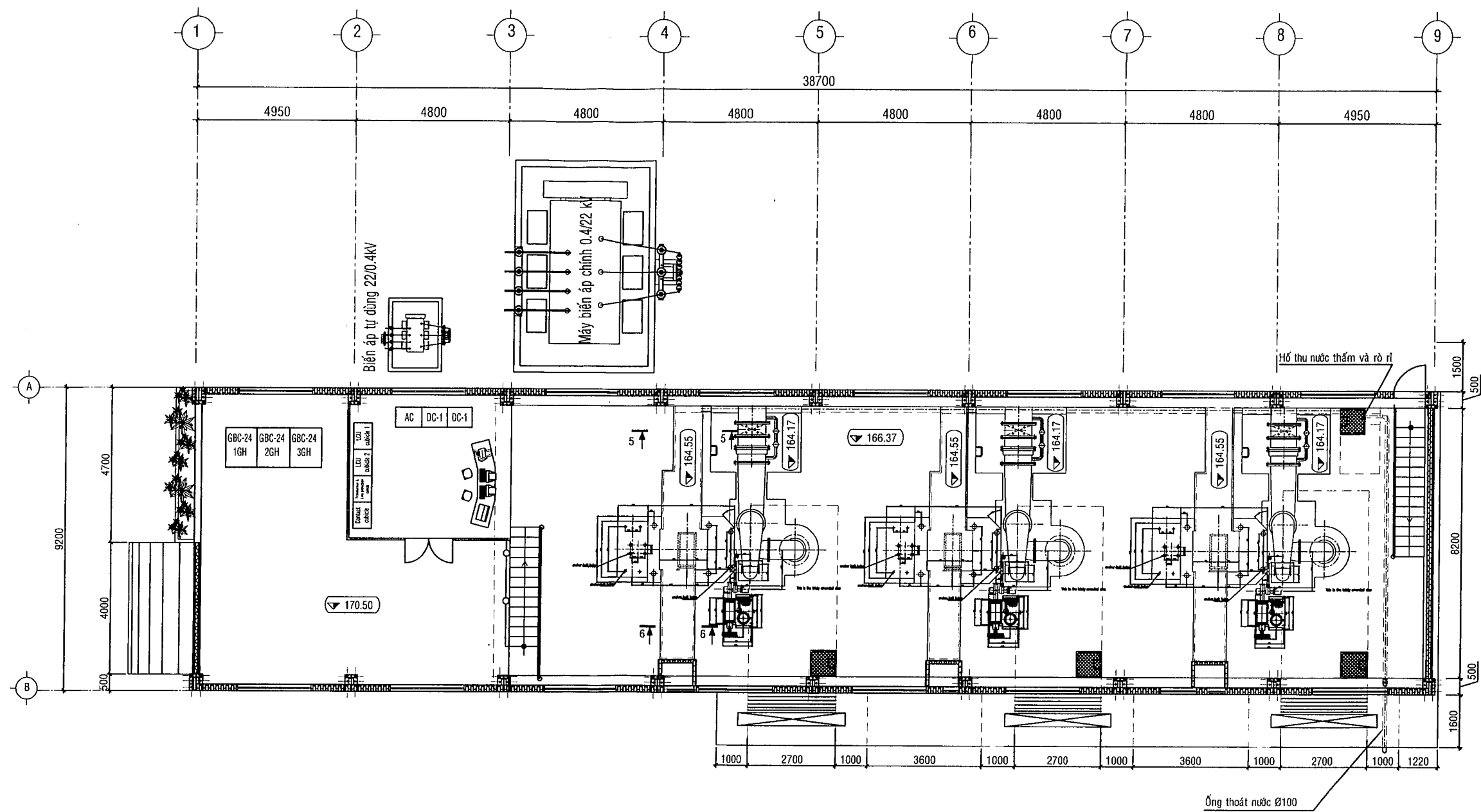
- Bản vẽ này xem cùng với bản vẽ mặt bằng tổng thể
- Dấu thập phân trong bản vẽ là dấu chấm, kích thước đọc là milimet, cao độ đọc là mét



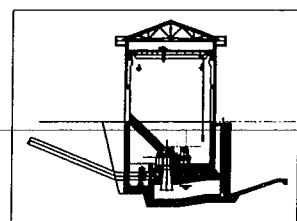
THỦY ĐIỆN ĐAK U			
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN			
MẶT BẰNG MÁI			
BVHC	2009	DU-HM	6 / 8
TL	1/100		

MẶT BẰNG CAO TRÌNH +170.5

TL: 1/100



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

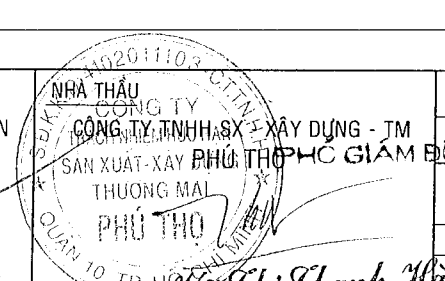
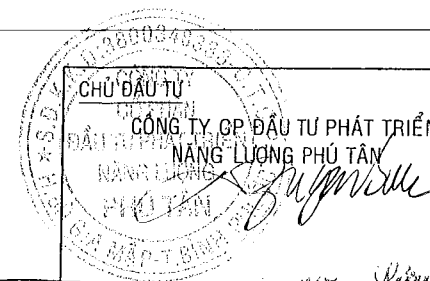


+170.50

Tỷ lệ: 1/100 0 1 2 3 4 5m

Ghi chú:

- Bản vẽ này xem cùng với bản vẽ mặt bằng tổng thể
- Dấu thập phân trong bản vẽ là dấu chấm, kích thước đọc là milimet, cao độ đọc là mét

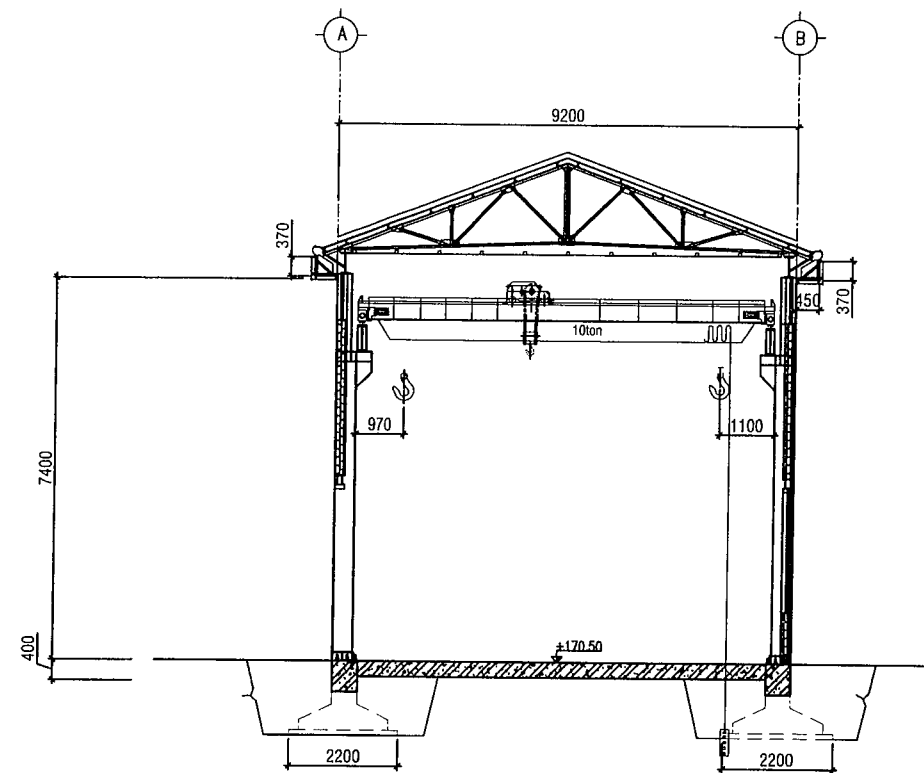


THỦY ĐIỆN ĐAK U			
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN			
MẶT BẰNG CAO TRÌNH +170.5			
BVHC	2009	DU-HM	7/8
TL	1/100		

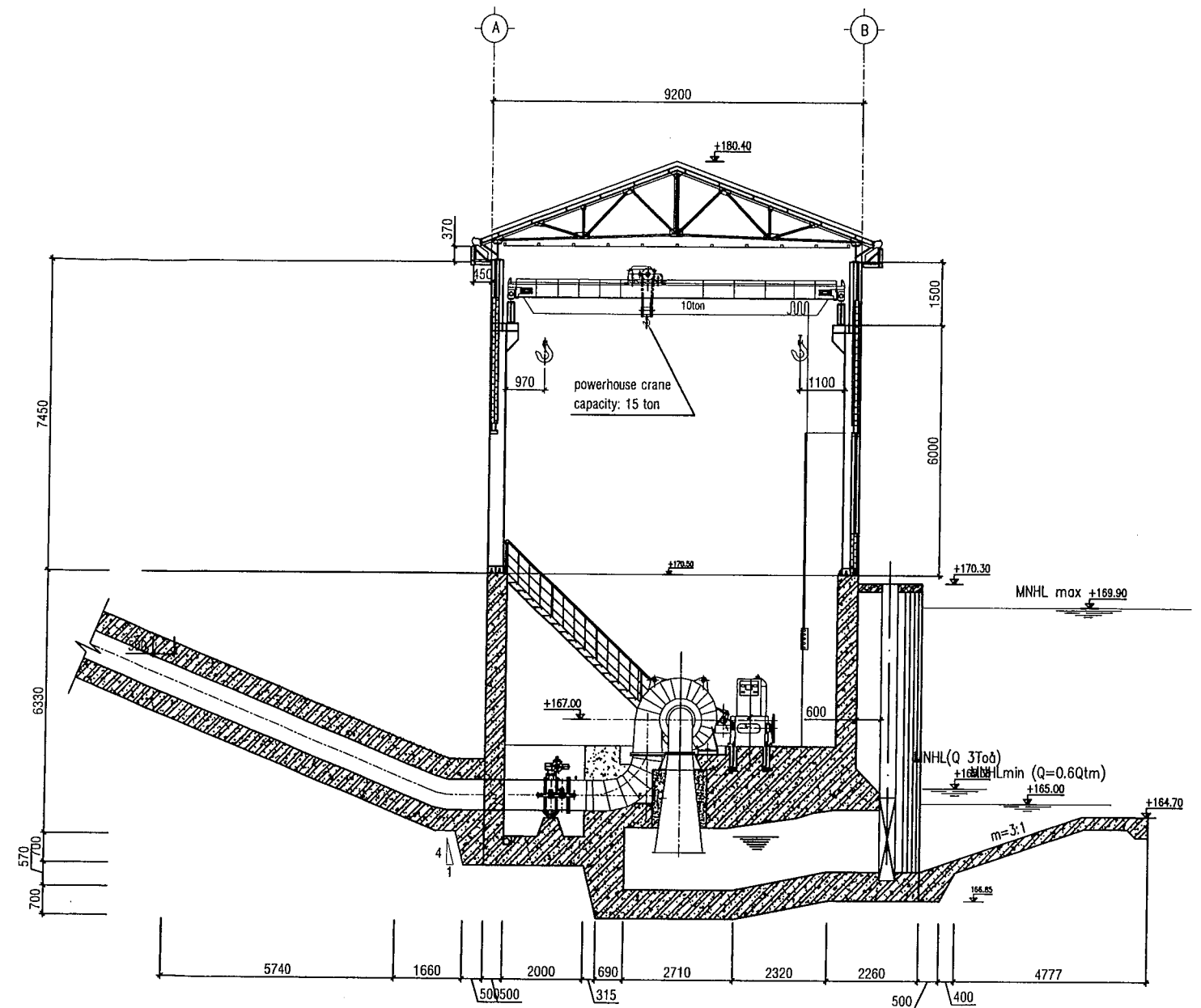
Nguyễn Văn Sơn

Vũ Thị Chanh Hà

TL: 1/100

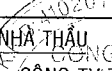


TL: 1/100



Tỷ lệ: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG PHỤ TÂN
Nguyễn Văn Tấn
Nguyễn Văn Tấn


 NHÀ THẦU
 CÔNG TY TNHH SX - XÂY DỰNG - TM
 SẢN XUẤT XÂY DỰNG THỦY THỦY
 THƯƠNG MẠI
 PHÚ THỌ
 Giám Đốc
 Vũ Thị Thanh Hà

MẶT CẮT 1-1&2-2

/8